

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂN HỘ CƠ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐỒNG THÁP - 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂN HỘ CƠ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ngô Trần Bảo Thy	Hiệu Trưởng	Chủ tịch	
2	Lê Văn Long Em	P. Hiệu Trưởng	P.Chủ tịch	
3	Nguyễn Thị Kim Phương	P. Hiệu Trưởng	P.Chủ tịch	
4	Đặng Thị Bích	Tổ trưởng Tổ Văn phòng	Thư ký	
5	Trần Thị Kim Tuyền	Tổ trưởng tổ Lịch sử-Địa lí	Thành viên	
6	Nguyễn Thanh Thúy	Tổ trưởng tổ KHTN- Công nghệ	Thành viên	
7	Bùi Minh Quang	Chủ tịch công đoàn	Thành viên	
8	Lâm Quang Kết	Tổ trưởng tổ Toán - Tin học	Thành viên	
9	Nguyễn Văn Hiếu	Bí thư chi đoàn	Thành viên	
10	Nguyễn Thanh Nhe	Tổng phụ trách Đội	Thành viên	
11	Lưu Thị Bé Hằng	Giáo viên	Thành viên	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Mục lục	3
Danh mục các chữ viết tắt	5
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	7
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	9
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	15
B. TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 1, MỨC 2, MỨC 3	18
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	
Mở đầu	18
Tiêu chí 1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	19
Tiêu chí 2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	22
Tiêu chí 3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	26
Tiêu chí 4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	29
Tiêu chí 5: Lớp học	33
Tiêu chí 6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	34
Tiêu chí 7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	37
Tiêu chí 8: Quản lý các hoạt động giáo dục	39
Tiêu chí 9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	41
Tiêu chí 10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	43
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	46
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	
Mở đầu	47
Tiêu chí 1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	48
Tiêu chí 2: Đối với giáo viên	50
Tiêu chí 3: Đối với nhân viên	52
Tiêu chí 4: Đối với học sinh	56

NỘI DUNG	TRANG
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	59
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	
Mở đầu	60
Tiêu chí 1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	60
Tiêu chí 2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	63
Tiêu chí 3: Khối hành chính - quản trị	66
Tiêu chí 4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	68
Tiêu chí 5: Thiết bị	70
Tiêu chí 6: Thư viện	73
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	75
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	
Mở đầu	76
Tiêu chí 1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	77
Tiêu chí 2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	79
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	82
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	
Mở đầu	83
Tiêu chí 1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	84
Tiêu chí 2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	88
Tiêu chí 3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	93
Tiêu chí 4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	96
Tiêu chí 5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	98
Tiêu chí 6: Kết quả giáo dục	102
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	106
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	107
Phần IV. CÁC PHỤ LỤC	109

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT*(Sắp xếp chữ viết tắt theo thứ tự a, b, c,...)*

TT	CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
1	BDD	Ban đại diện
2	BTCĐ	Bí thư Chi đoàn
3	CBQL- GV- NV	Cán bộ quản lý - giáo viên - nhân viên
4	CBQL	Cán bộ quản lý
5	CM	Chuyên môn
6	CMHS	Cha mẹ học sinh
7	CNTT	Công nghệ thông tin
8	CSVC	Cơ sở vật chất
9	CTCĐ	Chủ tịch Công đoàn
10	CTGDPT	Chương trình giáo dục phổ thông
11	DTHT	Dạy thêm học thêm
12	ĐDDH	Đồ dùng dạy học
13	GDCD	Giáo dục công dân
14	GVTC	Giáo dục thể chất
15	GD-ĐT	Giáo dục và Đào tạo
16	GDĐP	Giáo dục địa phương
17	GVBM	Giáo viên bộ môn
18	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
19	GVDG	Giáo viên dạy giỏi
20	HĐSP	Hội đồng sư phạm
21	HĐTN-HN	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp
22	HS	Học sinh
23	HSG	Học sinh giỏi
24	KHTN	Khoa học tự nhiên
25	NGLL	Ngoài giờ lên lớp

26	PHT	Phó hiệu trưởng
27	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
28	PCGD	Phổ cập giáo dục
29	THCS	Trung học cơ sở
30	TNTP	Thiếu niên Tiền phong
31	TNCS	Thanh niên cộng sản
32	TPT	Tổng phụ trách
33	TT	Tổ trưởng
34	TTYT	Trung tâm y tế
35	UBND	Ủy ban nhân dân

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Tiêu chuẩn 1		10/10	10/10	4/5	0/1
Tiêu chí 1		X	X	X	
Tiêu chí 2		X	X	-	-
Tiêu chí 3		X	X	X	-
Tiêu chí 4		X	X	X	-
Tiêu chí 5		X	X		-
Tiêu chí 6		X	X	X	-
Tiêu chí 7		X	X	-	-
Tiêu chí 8		X	X	-	-
Tiêu chí 9		X	X	-	-
Tiêu chí 10		X	X	-	-
Tiêu chuẩn 2		4/4	4/4	2/4	0/0
Tiêu chí 1		X	X	X	-
Tiêu chí 2		X	X		-
Tiêu chí 3		X	X		-
Tiêu chí 4		X	X	X	-
Tiêu chuẩn 3		6/6	6/6	5/5	0/01
Tiêu chí 1		X	X	X	-
Tiêu chí 2		X	X	X	-
Tiêu chí 3		X	X	X	-
Tiêu chí 4		X	X	-	-
Tiêu chí 5		X	X	X	-
Tiêu chí 6		X	X	X	
Tiêu chuẩn 4		2/2	2/2	2/2	0/0
Tiêu chí 1		X	X	X	-
Tiêu chí 2		X	X	X	-
Tiêu chuẩn 5		6/6	6/6	3/4	2/4

Tiêu chí 1		X	X	X	
Tiêu chí 2		X	X	X	X
Tiêu chí 3		X	X	-	-
Tiêu chí 4		X	X	-	-
Tiêu chí 5		X	X	X	X
Tiêu chí 6		X	X		

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (X) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

2. Kết luận: Trường đạt Mức: **2**

Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG THCS TÂN HỘ CƠ

Tên trước đây (nếu có): TRƯỜNG PTCS TÂN HỘ CƠ

Cơ quan chủ quản: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG

Tỉnh	Đồng Tháp	Họ và tên hiệu trưởng	Ngô Trần Bảo Thy
Huyện	Tân Hồng	Điện thoại	02773 529308
Xã	Tân Hộ Cơ	Fax	
Năm thành lập trường	2006	Website	www.thestanhoco.pgdtanhong.edu.vn
Công lập	X	Số điểm trường	1
Tư thục		Loại hình khác	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng khó khăn	Vùng khó khăn
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024
Khối lớp 6	6	6	5	5	6
Khối lớp 7	5	6	5	4	5
Khối lớp 8	4	4	5	5	4
Khối lớp 9	4	4	4	5	5
Cộng	19	20	19	19	20

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023- 2024	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập						
1	Phòng học				16	20	
a	Phòng kiên cố	08	08	08	08	20	
b	Phòng bán kiên cố	08	08	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn					11	
a	Phòng kiên cố	06	07	07	07	11	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập					5	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	5	
b	Phòng bán kiên cố	01	01	01	01	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính-quản trị					5	
1	Phòng kiên cố	06	08	08	08	05	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	

TT	Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023- 2024	Ghi chú
III	Thư viện	01	01	01	01	01	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)					22	
	Cộng	30	33	25	25	64	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	SL Nữ	SL người dân tộc thiểu số	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0		01		
Phó hiệu trưởng	02	01	0		02		
Giáo viên	34	17	0		34		
Nhân viên	04	03	0		02	02	
Cộng	41	22	0		39	02	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024
1	Tổng số giáo viên	36	37	36	34	34
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,89	1,89	1,89	1,79	1,70
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	1/19,52 (36 GV/703 HS)	1/19,84 (37 GV/734 HS)	1/21,16 (36 GV/783HS)	1/21,59 (34 GV/734HS)	1/22 (34 GV/748HS)
4	Tổng số giáo	37	37	35	26	32

TT	Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024
	viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương (nếu có)					
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	7	13	9	12	14

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	703	734	783	734	748	
	- Nữ	346	346	371	361	379	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
	- Khối lớp 6	238	220	190	189	244	
	- Khối lớp 7	182	220	220	164	179	
	- Khối lớp 8	139	160	222	191	148	
	- Khối lớp 9	144	134	151	190	177	
2	Tổng số tuyển mới	238	220	190	189	230	
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	00	0	0	0	0	
6	Bình quân học sinh/lớp	37	36,7	41,2	38,63	37,4	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	659/731 (90,15%)	704/782 (90,02%)	690/771 (89,49%)	679/768 (88,41%)	691/772 (89,51%)	

TT	Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Ghi chú
	- Nữ	337	355	345	351	387	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	20/0	17/0	13/3	10/3	21/02	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	129	130	130	67	176	
	- Nữ	26	75	75	30	92	
60	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
11	Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt	113	20	20	22	60	

b) Kết quả giáo dục

TT	Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Ghi chú
1	Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	18,07%	21,53%	32,97%	29,43%	33,56%	
2	Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	41,82%	42,37%	42,74%	47,14%	37,17%	
3	Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém/ Chưa đạt	1,85%	2,72%	2,18%	0,95%	0,53%	

TT	Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Ghi chú
4	Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	88,34%	86,78%	88,33%	93,60%	88,97%	
5	Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	9,39%	11,85%	10,99%	6,13%	9,49%	
6	Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình/ Đạt	2,28%	0,95%	0,68%	00%	0,53%	

5. Các số liệu khác (nếu có)

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tổng quan về nhà trường:

Trường Trung học cơ sở (THCS) Tân Hộ Cơ là trường được thành lập từ rất sớm của huyện Tân Hồng (trước đây là vùng Tam Tân của huyện Hồng Ngự), trường được thành lập vào tháng 8 năm 1976, lúc đó khuôn viên của trường tọa lạc tại trường Tiểu học Tân Hộ Cơ 1 hiện nay, sau nhiều lần thay đổi địa điểm, đến tháng 8/1997 trường được chuyển về cơ sở mới cho đến ngày hôm nay với tổng diện tích khuôn viên nhà trường là 7.647m²

Kể từ khi thành lập cho đến hiện nay trường đã góp phần rất lớn trong việc phát triển sự nghiệp giáo dục của địa phương. Với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (CBQL, GV, NV) và học sinh (HS), tháng 3/2005 trường THCS Tân Hộ Cơ trở thành trường trung học cơ sở đầu tiên trong huyện Tân Hồng được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đồng Tháp công nhận trường THCS đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2001-2010, theo Quyết định số 202/QĐ-UB.HC ngày 02 tháng 02 năm 2005.

Về cơ cấu tổ chức - nhân sự: Trường có Chi bộ Đảng, Ban giám hiệu, tổ chức Công đoàn cơ sở, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh; có 06 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 41 người.

Về học sinh, trường hiện có 20 lớp từ khối 6 đến khối 9 với tổng số 748 học sinh thuộc địa bàn của bốn ấp: Gò Bói, Chiến Thắng, Dinh Bà, Đuôi Tôm và một số ít học sinh của xã Thông Bình, Bình Phú. Ngoài ra, hằng năm, có khoảng 3 đến 5 học sinh là con Việt kiều Cam -pu - chia sang học.

Công tác quản lý chất lượng được tổ chức thực hiện chặt chẽ, có hiệu quả từ hiệu trưởng đến các Tổ chuyên môn. Việc đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất học sinh luôn được chú trọng hàng đầu. Nhờ đó đã tạo nên những chuyển biến khá mạnh mẽ về chất lượng: Số HS bỏ học giảm, tỷ lệ HS lên lớp thẳng và danh

hiệu HS xuất sắc, HS giỏi, HS tiên tiến hàng năm đều tăng. Trong những năm qua, nhà trường luôn có học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp Huyện, cấp Tỉnh; Ngoài ra, nhà trường cũng tham gia đầy đủ các phong trào thi đua khác và đạt được những thứ hạng cao. Việc giáo dục đạo đức HS luôn được đặc biệt quan tâm, nhà trường chủ trương giáo dục HS bằng các biện pháp kỷ luật tích cực. Giáo dục đạo đức HS thông qua thái độ tận tụy với nghề, tình thương yêu và tôn trọng HS của người Thầy, kết hợp với nội dung phong trào “*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*” tiến tới xây dựng trường học hạnh phúc. Bên cạnh đó, việc quản lý nề nếp, trật tự kỷ luật HS được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ bởi đội ngũ giáo viên chủ nhiệm (GVCN), giáo viên trực, thành viên Tổ tư vấn tâm lý là các thầy cô có kinh nghiệm giáo dục và có uy tín đối với HS và Cha mẹ học sinh. Công tác bồi dưỡng đội ngũ cũng được quan tâm và thực hiện thường xuyên. Cùng với việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “*Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*”, Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Chính trị và Kết luận số 01-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “*Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” và các cuộc vận động của ngành. Việc phân công nhiệm vụ của từng thành viên trong nhà trường đều cụ thể, phù hợp nhằm tạo điều kiện để các thành viên hiểu biết, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong công việc, qua đó, xây dựng một tập thể đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm, nắm vững chuyên môn - nghiệp vụ và gắn bó với nghề.

Về quản lý tài chính - tài sản, nhà trường thực hiện theo các văn bản pháp quy hiện hành của Nhà nước. Tất cả các nguồn tài chính, tài sản được quản lý, sử dụng một cách hiệu quả, đúng mục đích, theo nguyên tắc công bằng, minh bạch và công khai trên cơ sở Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý tài sản.

Về cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị dạy học của trường khá đầy đủ, đáp ứng tốt cho hoạt động dạy học và các hoạt động giáo dục. Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, có trình độ đào tạo đại học 100%.

Khó khăn cần giải pháp hiệu quả hiện nay là trường có nhiều học sinh thuộc diện gia đình nghèo và cận nghèo, hộ khó khăn thường xuyên đi làm ăn xa, do đó ảnh hưởng không ít đến chất lượng học tập và công tác duy trì sĩ số của nhà trường.

2. Mục đích, lý do tự đánh giá; quy trình tự đánh giá; phương pháp và công cụ đánh giá:

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường là nhằm tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí theo các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GD-ĐT ban hành; thông báo công khai với các cơ quan quản lý Nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường để khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực giáo dục, góp phần đảm bảo cho trường đề ra những biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần thực hiện mục tiêu chung và chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường. Mục đích tự đánh giá lần này nhằm để kiểm tra công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường gồm 11 thành viên, Nhóm thư kí gồm 5 người, Nhóm công tác gồm 23 người đầy đủ mọi thành phần của trường như Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, thư ký Hội đồng trường, các tổ trưởng chuyên môn, đại diện Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản (TNCS) Hồ Chí Minh, tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong (TNTP) Hồ Chí Minh. Các thành viên trong hội đồng được phân công theo nhóm nhằm thu thập, xử lý, phân tích nội hàm tìm các thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí trên phụ lục 4, viết phiếu đánh giá mô tả phụ lục 5. Nhóm thư ký có trách nhiệm kiểm tra, chọn lọc, mã hóa các thông tin minh chứng, đồng thời giúp Chủ tịch Hội đồng rà soát, hoàn chỉnh các Phiếu đánh giá và tập hợp thành báo cáo tự đánh giá của nhà trường. Báo cáo tự đánh giá sau khi thông qua Hội đồng tự đánh giá được công bố để lấy ý kiến của hội đồng sư phạm nhà trường.

Trường THCS Tân Hộ Cơ tiến hành công tác tự đánh giá theo quy trình:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- Hướng dẫn công tác tự đánh giá

- Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá.
- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
- Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
- Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
- Viết báo cáo tự đánh giá.
- Công bố báo cáo tự đánh giá.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh của nhà trường căn cứ báo cáo tự đánh giá để thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng phát huy các điểm mạnh, khắc phục điểm yếu đã đề ra trong từng tiêu chí.

Công cụ đánh giá được sử dụng là quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành. Gồm 5 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí, 84 chỉ báo.

3. Kết quả của quá trình tự đánh giá.

Sau khi tự đánh giá, hội đồng tự đánh giá nhà trường kết luận: cấp độ kiểm định chất lượng giáo dục mà nhà trường đạt được theo Điều 34 Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học là:

Kiểm định chất lượng: đạt cấp độ 2

Chuẩn quốc gia: đạt mức độ 1

B. TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 1, MỨC 2 VÀ MỨC 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường THCS Tân Hộ Cơ có đầy đủ các hội đồng như Hội đồng trường; Hội đồng thi đua khen thưởng, các Hội đồng tư vấn, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đội Thiệu niên tiên phong (TNTP) Hồ Chí

Minh. Các Hội đồng và các tổ chức đoàn thể đều hoạt động đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ trường Trung học.

Trường có đầy đủ các khối lớp từ lớp 6 đến lớp 9. Mỗi lớp đều được phân công 01 giáo viên chủ nhiệm. Sĩ số học sinh trong lớp đảm bảo theo quy định.

Hoạt động của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng luôn bám sát kế hoạch của Ban giám hiệu từ đó luôn đạt được kết quả cao trong chuyên môn. Công tác kiểm tra nội bộ luôn được duy trì thường xuyên nên thúc đẩy các hoạt động của nhà trường đạt hiệu quả.

Tiêu chí 1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

Mức 4

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1:

a) Đề nhà trường có cơ sở định hướng mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới về chất lượng giáo dục trong giai đoạn hiện nay. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020 – 2025 tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với mục tiêu của giáo dục phổ thông được quy định tại Điều 29 Luật Giáo dục số 43 ngày 14 tháng 6 năm 2019, về phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia **[H1-1.1-01]**. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn thể hiện qua Nghị quyết Đại hội Đảng bộ của xã Tân Hộ Cơ nhiệm kỳ 2020-2025, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã Tân Hộ Cơ, Nghị quyết Chi bộ nhiệm kỳ 2020-2022 và nhiệm kỳ 2022-2025 **[H1-1.1-02]**. Đồng thời phù hợp với các nguồn lực của nhà trường thể hiện cụ thể qua các báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm của nhà trường **[H1-1.1-03]**.

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định rõ ràng bằng văn bản theo kế hoạch số 292/KH-THCSTHC ngày 28 tháng 10 năm 2020 của trường trung học cơ sở Tân Hộ Cơ và được lãnh đạo Phòng Giáo dục & Đào tạo Tân Hồng phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được triển khai rộng rãi trong hội đồng trường, hội đồng sư phạm nhà trường, được niêm yết công khai tại bảng thông tin nhà trường và đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ <http://thcstanhoco.pgdtanhong.edu.vn> **[H1-1.1-04]**.

1.2. Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện kế hoạch chiến lược thể hiện qua biên bản của Hội đồng trường trong việc đánh giá, giám sát việc thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường như: Hiệu trưởng tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược cho toàn thể CBQL-GV-NV nhà trường, phân công các thành viên giám sát việc thực hiện kế hoạch, định kỳ rà

soát để điều chỉnh, bổ sung phương hướng hoạt động sao cho đạt được chỉ tiêu đề ra của chiến lược và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Phó Hiệu trưởng giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện. Chủ tịch công đoàn giám sát việc thực hiện Thi đua khen thưởng, chỉ tiêu của giáo viên; báo cáo thường kì nội dung, biện pháp, đề xuất các giải pháp thực hiện. Tổng phụ trách đội nêu các chỉ tiêu về đạo đức và rèn luyện của học sinh. Báo cáo thường kì nội dung, biện pháp, đề xuất giải pháp thực hiện. Tổ trưởng chuyên môn và tổ trưởng văn phòng tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên, tìm hiểu nguyên nhân các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện, đề xuất các giải pháp có hiệu quả [H1-1.1-05]. Bên cạnh còn thể hiện được các ưu điểm, hạn chế, biện pháp khắc phục và phương hướng phát triển qua các báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm [H1-1.1-03].

1.3. Mức 3:

Cuối học kì và cuối mỗi năm học, nhà trường tiến hành rà soát, bổ sung, điều chỉnh xây dựng và phát triển cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nhà trường. Việc rà soát, điều chỉnh có sự tham gia của tất cả các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên. Thông thường những nội dung được góp ý điều chỉnh chủ yếu xoay quanh các chỉ tiêu nâng cao chất lượng đội ngũ; chỉ tiêu và giải pháp nâng cao chất lượng mũi nhọn; chất lượng tuyển sinh lớp 10... Thể hiện rõ qua báo cáo và văn bản bổ sung điều chỉnh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường, việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường có sự tham gia của cha mẹ học sinh (CMHS) tuy nhiên việc đóng góp ý kiến chưa nhiều [H1-1.1-06].

1.4. Mức 4:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường chưa hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường. Tỷ lệ HSG cấp huyện và tỉnh hằng năm chưa đạt theo mục tiêu đề ra ở mục tiêu ngắn

hạn (phải đạt từ 60% cấp huyện), trung hạn và dài hạn (phải đạt từ 70% cấp huyện). Cụ thể năm 2021-2022 tỉ lệ đạt HSG cấp huyện là: 48,15%; Năm 2023-2024 tỉ lệ đạt HSG cấp huyện là: 43,8%.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020 – 2025 tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với mục tiêu của giáo dục phổ thông. Các mục tiêu trong chiến lược phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương với nguồn lực của nhà trường. Chiến lược phát triển có sự đầu tư nghiên cứu kỹ lưỡng, có sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể CB, GV, NV nhà trường. Có rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

3. Điểm yếu:

Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường có sự tham gia của cha mẹ học sinh (CMHS) tuy nhiên chưa có sự góp ý nhiều từ CMHS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2024 - 2025, hiệu trưởng tổ chức họp rà soát, điều chỉnh chiến lược cần có giải pháp thúc đẩy cho CMHS tham gia đóng góp ý kiến nhiều hơn nữa cho phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1:

a) Hội đồng trường nhiệm kỳ 2022-2027 được thành lập theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), tại Quyết định 67/QĐ-UBND.TL, ngày 17 tháng 3 năm 2022 gồm có 13 thành viên gồm: Hiệu trưởng, Bí thư chi bộ, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, 6 tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng, đại diện chính quyền địa phương, ban đại diện CMHS và đại diện học sinh **[H1-1.2-01]**. Hàng năm, khi có thay đổi thành viên của hội đồng trường thì nhà trường đề nghị UBND huyện ra quyết định kiện toàn Hội đồng trường **[H1-1.2-02]**. Mỗi năm học, nhà trường thành lập các hội đồng khác như: Hội đồng thi đua khen thưởng **[H1-1.2-03]**, Hội đồng thẩm định Sáng kiến kinh nghiệm (SKKN), hội đồng chấm Khoa học kỹ thuật (KHKT), hội đồng chấm Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng (STTTNNĐ)... **[H1-1.2-04]**. Thành lập Tổ tư vấn tâm lý học đường **[H1-1.2-05]**. Ngoài ra trong năm học 2020 - 2021 và 2021 – 2022, nhà trường có thành lập hội đồng kỷ luật để xem xét đề nghị hình thức kỷ luật đối với học sinh vi phạm kỷ luật **[H1-1.2-06]**.

b) Hội đồng trường xây dựng kế hoạch và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng trường thực hiện chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường trung học **[H1-1.2-07]**. Hội đồng trường hội đồng trường tham gia xây dựng chiến lược nhà trường và quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, kế hoạch phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn và từng năm học; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường. Hội đồng trường còn giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường. Hội đồng trường quyết nghị về phương hướng hoạt động của nhà trường trong từng năm học: về chiến lược phát triển giai đoạn 2022-2027 tầm nhìn đến năm 2030. Quyết nghị, sửa đổi các quy chế như: quy chế thực hiện dân chủ trong nhà trường, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế làm việc, quy chế chuyên môn, quy chế xếp loại thi đua, quy chế xét nâng bậc lương trước thời

hạn, quy chế khen thưởng kỉ luật học sinh, quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường [H1-1.2-08].

Hội đồng TĐKT giúp Hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với CB-GV-NV-HS nhà trường vào cuối mỗi năm học, hoặc khi cần thiết. Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi có nhiệm vụ chấm các nội dung trong hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, tổng hợp kết quả và lựa chọn giáo viên tham dự hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện. Tổ tư vấn tâm lý có nhiệm vụ tư vấn, chia sẻ những khó khăn học sinh và giáo viên về tâm lý sức khỏe, học tập, hướng nghiệp, ngăn chặn bạo lực học đường. Tuy nhiên, Tổ tư vấn làm kiêm nhiệm nhiều việc nên chưa có nhiều thời gian đầu tư cho công tác nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu có liên quan, tìm hiểu những diễn biến về tâm sinh lý học sinh để phục vụ cho công việc. Nhiều khi việc tư vấn còn chưa kịp thời, hiệu quả không cao, còn hiện tượng học sinh chậm tiến bộ, mải chơi, lười học, vi phạm nội quy nhà trường, có năm phải xử lý kỷ luật.

c) Hội đồng trường họp ít nhất 03 lần/năm học, các hội đồng khác họp theo kế hoạch [H1-1.1-09]. Trong cuộc họp đầu năm các hội đồng đề ra phương hướng hoạt động trong năm học. Các cuộc họp tiếp theo sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình hoạt động. Chủ tịch các hội đồng đánh giá, chỉ ra những ưu điểm, những hạn chế trong quá trình hoạt động có sự đóng góp ý kiến của các thành viên. Từ đó đề ra các biện pháp phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế nhằm bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong các hoạt động giáo dục của nhà trường.

1.2. Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, cụ thể: Đã giám sát việc thực hiện các nghị quyết, các quy chế thường xuyên và có đánh giá nhận xét theo từng kì. Vì vậy nhà trường đã hoàn thành tốt nghị quyết trong từng năm học: 100% cán bộ, giáo viên của nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy định; 100% học sinh lớp 9 được tốt nghiệp THCS; hằng năm có từ trên 25% học sinh (toàn trường) đạt danh hiệu học sinh giỏi, trên 45% học sinh (toàn trường) đạt danh hiệu học

sinh tiên tiến [H1-1.1-03]. Nhiều cán bộ, giáo viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và giấy khen của các cấp, tập thể nhà trường luôn đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và “Tập thể lao động xuất sắc” [H1-1.1-10]. Trong những năm gần đây, kết quả các mặt hoạt động của nhà trường luôn được xếp trong tốp đầu của huyện, được cha mẹ học sinh, nhân dân và chính quyền địa phương tin tưởng.

2. Điểm mạnh:

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng và các Hội đồng khác đã hoạt động thường xuyên, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của các cấp góp phần vào việc nâng cao chất lượng giáo dục (đặc biệt là chất lượng mũi nhọn có bước tiến vượt bậc so với giai đoạn trước), cảnh quan nhà trường ngày càng khang trang, chất lượng đội ngũ được nâng lên được phụ huynh và nhân dân địa phương tin tưởng. Hội đồng trường và các hội đồng khác đã đánh giá, rà soát việc thực hiện các hoạt động giáo dục thường xuyên giúp nhà trường rút kinh nghiệm trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược và nhiệm vụ trong từng năm học.

3. Điểm yếu:

Tổ tư vấn làm kiêm nhiệm nhiều việc nên chưa có nhiều thời gian đầu tư cho công tác nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu có liên quan, tìm hiểu những diễn biến về tâm sinh lý học sinh để phục vụ cho công việc. Nhiều khi việc tư vấn còn chưa kịp thời, hiệu quả không cao, còn hiện tượng học sinh chậm tiến bộ, mải chơi, lười học, vi phạm nội quy nhà trường, có năm phải xử lý kỷ luật..

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2024 -2025, nhà trường tiết kiệm ngân sách đầu tư cho công tác tư vấn tâm lý, tổ chức cho đội ngũ làm công tác tư vấn học tập nâng cao trình độ qua internet và các tài liệu liên quan, học hỏi kinh nghiệm qua đồng nghiệp và thực tiễn. Đồng thời, hiệu trưởng chỉ đạo tổ tư vấn tâm lý xây dựng kế hoạch hoạt động, đổi mới phương pháp, chủ động tổ chức các nội dung tư vấn học sinh phù hợp không để xảy ra tình trạng học sinh vi phạm đến mức xử lý kỷ luật.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1:

a) Trường có tổ chức Công đoàn cơ sở với 42 công đoàn viên. Ban chấp hành Công đoàn được Liên đoàn Lao động huyện Tân Hồng công nhận chuẩn y theo quyết định số 65/QĐ-LĐLĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 gồm 01 Chủ tịch, 01 phó Chủ tịch và 03 ủy viên phụ trách công tác kiểm tra, nữ công, phong trào [H1-1.3-01]. Hiện tại, nhà trường có 01 đoàn viên đang sinh hoạt chi đoàn ghép với xã đoàn Tân Hộ Cơ. Liên đội TNTP Hồ Chí Minh có 748 đội viên với số lượng 20 chi đội trong đó có 01 Liên đội trưởng chịu trách nhiệm chung, 01 Liên đội phó chịu trách nhiệm phong trào, 01 Liên đội phó chịu trách nhiệm đội sao đỏ và 13 ủy viên [H1-1.3-02].

b) Hàng năm, Công đoàn xây dựng phương hướng hoạt động; hàng tháng đều có xây dựng kế hoạch và tổ chức họp Ban chấp hành, họp toàn thể đoàn viên. Công đoàn cơ sở tổ chức hoạt động đúng theo nhiệm vụ và quyền hạn như tuyên truyền, vận động, giáo dục người lao động; đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia quản lý nhà trường; tham gia và kiến nghị với nhà trường xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội qui, qui chế trong đơn vị; tham gia các phiên họp có liên quan đến đoàn viên; tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của nhà trường; phát triển đoàn viên, xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh; quản lý tài chính, tài sản của Công đoàn **[H1-1.3-03]**. Tổng phụ trách Đội xây dựng đầy đủ chương trình, kế hoạch năm, học kỳ, tháng đúng nhiệm vụ và quyền hạn của Đội TNTP Hồ Chí Minh **[H1-1.3-04]**. Đoàn thanh niên phối hợp với xã Đoàn tổ chức sinh hoạt đoàn, chỉ đạo hoạt động Đội và phong trào thiếu nhi. Do giáo viên của trường đa số đã qua tuổi Đoàn, tổ chức Chi đoàn phải sinh hoạt ghép với xã Đoàn Tân Hộ Cơ, nên Chi đoàn chưa tổ chức được nhiều hoạt động cho đội viên.

c) Sau mỗi học kì, cuối năm học Công Đoàn cơ sở, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh đều có đánh giá rà soát, cải tiến phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội đều có sinh hoạt định kỳ, cuối kỳ và cuối nhiệm kỳ nhằm tổng kết rà soát đánh giá rút kinh nghiệm đồng thời bổ sung kế hoạch hoạt động thời gian tới; tư vấn cho hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ đảm bảo nghị quyết, kế hoạch đề ra **[H1-1.3-05]**. Nhiều năm liền Công đoàn được đánh giá là công đoàn vững mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ **[H1-1.3-06]**. Liên đội trường luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt Liên đội mạnh cấp tỉnh và cấp trung ương **[H1-1.3-07]**.

1.2. Mức 2:

a) Chi bộ nhà trường trực thuộc Đảng ủy xã Tân Hộ Cơ. Chi bộ lãnh đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy xã Tân Hộ Cơ. Chi bộ có 29 Đảng viên, chi ủy có 5 đồng chí trong đó có 01 Bí thư, 01 Phó Bí thư, 03 Ủy viên do Đại hội Chi bộ trường bầu ra được Đảng ủy xã Tân Hộ Cơ chuẩn y theo quyết định số 34-QĐ/ĐU ngày 29 tháng 7 năm 2022

[H1-1.3-08]. Chi bộ hoạt động đúng theo Điều lệ Đảng, luôn thể hiện rõ vai trò lãnh đạo trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, tư tưởng, lãnh đạo thực hiện công tác tổ chức cán bộ, tổ chức đoàn thể, xây dựng chi bộ trong sạch, vững mạnh gắn với nhiệm vụ cụ thể được giao thông qua báo cáo tổng kết hàng năm **[H1-1.3-09]**. Trong 05 năm qua, từ năm 2019 đến năm 2023 chi bộ THCS Tân Hộ Cơ luôn được Đảng ủy xã Tân Hộ Cơ đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 03 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (năm 2019, năm 2022, năm 2023), đồng thời được Đảng ủy xã Tân Hộ Cơ tuyên dương “Chi bộ bốn tốt” và biểu dương chi bộ có thành tích xuất sắc trong “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” năm 2023 **[H1-1.3-10]**.

b) Các đoàn thể: Công đoàn cơ sở phối hợp với Hiệu trưởng giải quyết kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động, phối hợp tổ chức các phong trào thi đua trong đơn vị; Đội thiếu niên và Đoàn thanh niên tham mưu cho nhà trường về công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, giáo dục truyền thống cho học sinh, hướng dẫn học sinh “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, tích cực tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, an toàn giao thông,... nên đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức, đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường **[H1-1.3-05]**.

1.3. Mức 3:

a) Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo a Mức 2

b) Các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường đã cùng xây dựng tập thể nhà trường luôn đoàn kết, chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và của địa phương. Tham gia trồng cây, vệ sinh, xây dựng nông thôn mới **[H1-1.3-11]**; cán bộ quản lý, giáo viên nhà trường có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình trong mọi công việc được CMHS và nhân dân tin tưởng. Cơ sở vật chất của nhà trường ngày càng khang trang; học sinh ngoan ngoãn, tích cực học tập, năng động và sáng tạo trong mọi hoạt động. Nhiều năm liền công đoàn được đánh giá là công đoàn vững mạnh **[H1-1.3-06]**. Liên đội trường luôn hoàn thành xuất sắc

nhiệm vụ, đạt Liên đội mạnh cấp tỉnh và cấp trung ương góp phần nâng cao chất lượng hoạt động, thành tích của trường [H1-1.3-07].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đủ các tổ chức đoàn thể như Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Liên đội TNTP Hồ Chí Minh. Cơ cấu tổ chức các đoàn thể trong nhà trường đảm bảo theo đúng Điều lệ của từng tổ chức giúp cho việc điều hành các hoạt động của nhà trường được thuận lợi góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Chi bộ, công đoàn, Liên đội nhiều năm được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm yếu:

Giáo viên, nhân viên của trường đa số đã qua tuổi Đoàn, tổ chức Chi đoàn phải ghép với xã Đoàn Tân Hộ Cơ, nên Chi đoàn chưa tổ chức được nhiều hoạt động cho đội viên của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2024 - 2025, chi ủy chi bộ chỉ đạo đồng chí phụ trách công tác Đoàn tham mưu xã đoàn tổ chức nhiều hoạt động cho đội viên tham gia các hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1:

a) Trường THCS Tân Hộ Cơ là trường công lập, thuộc vùng biên giới. Trường có Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng đúng theo quy định của Điều lệ trường trung học **[H1-1.4-01]**.

b) Nhà trường có 6 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng, được thành lập vào đầu mỗi năm học theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, cụ thể: Tổ Ngữ văn – Giáo dục công dân, có 8 thành viên trong đó có 01 tổ trưởng (môn GDCD), 01 tổ phó (môn Ngữ văn), 5 giáo viên môn ngữ văn và 01 hiệu trưởng môn Giáo dục công dân; Tổ Lịch sử - Địa lí, có 5 thành viên trong đó có 01 tổ trưởng (môn Địa lý), 2 giáo viên môn Lịch sử, 1 giáo viên môn Địa lý, 1 giáo viên Tổng phụ trách Đội dạy môn Địa lý; Tổ Toán –Tin học, có 5 thành viên trong đó có 01 tổ trưởng (môn Toán), 2 giáo viên môn Toán, 2 giáo viên môn Tin học; Tổ Tiếng Anh – Thư viện, có 4 thành viên trong đó có 01 tổ trưởng (môn tiếng Anh), 3 giáo viên môn tiếng Anh, 01 nhân viên Thư viện; Tổ Khoa học tự nhiên - Công Nghệ, có 10 thành viên trong đó có 01 tổ trưởng (môn Khoa học tự nhiên), 01 tổ phó (môn Công nghệ), 6 giáo viên môn Khoa học tự nhiên và 02 phó hiệu trưởng môn Khoa học tự nhiên; Tổ Thể Dục - Âm Nhạc - Mĩ Thuật, có 6 thành viên trong đó có 01 tổ trưởng (môn thể dục), 3 giáo viên môn thể dục, 1 giáo viên môn Âm nhạc, 1 giáo viên môn Mỹ thuật; Tổ Văn phòng có 4 thành viên, trong đó có 01 tổ trưởng là Nhân viên văn thư , 01 Nhân viên Y tế - Thủ quỹ, 01 nhân viên Kế toán và 01 Nhân viên Bảo vệ. **[H1-1.4-02]**

c) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng căn cứ vào kế hoạch của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo từng năm học **[H1-1.4-03]**. Tổ chuyên

môn và tổ văn phòng thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

1.2. Mức 2:

a) Hàng năm, mỗi tổ chuyên môn có xây dựng ít nhất 1 chuyên đề có sự đóng góp ý kiến của các thành viên trong tổ nhằm tăng hứng thú học tập các bộ môn, giảm học sinh yếu./Chưa đạt nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục [H1-1.4-04]. Cụ thể đã tổ chức các chuyên đề: “Nâng cao chất lượng dạy và học môn Toán năm học 2020-2021” thực hiện ngày 11/12/2020; Chuyên đề “Phòng chống đuối nước cho học sinh” thực hiện ngày 17/4/2022; Chuyên đề “Giải pháp gây hứng thú cho học sinh bằng bài toán thực tế” thực hiện ngày 05/10/2022; Chuyên đề “Giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên” thực hiện ngày 06/3/2023; Chuyên đề “Đổi mới cách dạy nghe nói Tiếng anh cho học sinh lớp 6” thực hiện ngày 05/10/2023; Chuyên đề “Sử dụng hiệu quả Atlas địa lý Việt Nam trong dạy học môn Địa lý” thực hiện ngày 20/10/2023; Chuyên đề “Tu vấn tâm lý tuổi hồng” thực hiện ngày 13/11/2023; Chuyên đề “Khắc phục tình trạng học sinh yếu tiếng Anh” thực hiện ngày 25/01/2024; Chuyên đề “Sử dụng hiệu quả kỹ thuật phòng tranh trong dạy học Lịch sử và Địa Lý 7” thực hiện ngày 05/4/2024. Các tổ đã chú trọng việc sinh hoạt theo chuyên đề liên quan đến đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Các chuyên đề đều được đầu tư nghiên cứu, thảo luận và thể hiện trước tổ, ngoài ra các tổ chuyên môn còn tích cực tham gia dạy hội thảo chuyên môn. Thông qua các hoạt động đó nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ. Hầu hết các thành viên trong các tổ chuyên môn đều tích cực, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, tổ chuyên môn không có thời gian để nghiên cứu sâu khi thực các chuyên đề nên một số chuyên đề chưa đạt chất lượng như kế hoạch đề ra.

b) Hàng tháng, theo Điều lệ quy định tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt hai tuần một lần và tổ văn phòng tổ chức sinh hoạt một lần trong tháng [H1-1.4-05].

Nội dung sinh hoạt: đánh giá các công tác đã thực hiện trong tháng, rút kinh nghiệm công tác đã thực hiện, điều chỉnh rà soát, bổ sung đề ra kế hoạch phù hợp thực tế cho thời gian kế tiếp; tổ chức nghiên cứu bài dạy, rút kinh nghiệm qua dự giờ đồng nghiệp từ đó có chỉ đạo điều chỉnh về nội dung và phương pháp cho phù hợp với đối tượng học sinh và phù hợp với dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng định kì tổ chức rà soát, đánh giá cuối học kì, cuối năm học để điều chỉnh cải tiến kịp thời **[H1-1.4-06]**.

1.3. Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, giúp nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ như chất lượng 2 mặt giáo dục, tham gia và đạt giải trong các hội thi, cuộc thi, kỳ thi dành cho giáo viên và học sinh **[H1-1.4-06]**, **[H1-1.1-05]**.

b) Các tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Điển hình như chuyên đề “Các giải pháp đổi mới trong công tác bồi dưỡng HSG của tổ Lịch sử - Địa lí” sau khi thực hiện chuyên đề chất lượng HSG của tổ được nâng lên: năm 2022 – 2023 đạt 01 giải I, 2 giải khuyến khích cấp huyện và 01 giải II cấp tỉnh môn Địa Lí; Năm 2023 – 2024: đạt 01 giải II, 3 giải III, 3 giải khuyến khích cấp huyện và 01 giải khuyến khích cấp tỉnh môn Địa lí, 01 giải III cấp huyện môn Lịch sử **[H1-1.4-07]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hiệu trưởng và đủ số lượng Phó Hiệu trưởng, cơ cấu các tổ chuyên môn và tổ văn phòng theo quy định; các tổ có kế hoạch hoạt động và thực hiện đúng nhiệm vụ, chức năng theo quy định.

Các tổ chuyên môn đã xây dựng kế hoạch tổ chức và thực hiện các chuyên đề chuyên môn đáp ứng được nhu cầu của nhà trường. Việc tổ chức các chuyên đề đã góp phần từng bước nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Tổ văn phòng thực hiện tốt nhiệm vụ đã giúp các hoạt động của nhà trường được tiến hành đồng bộ và hiệu quả.

3. Điểm yếu:

Tổ chuyên môn không có thời gian để nghiên cứu sâu khi thực các chuyên đề nên một số chuyên đề chưa đạt chất lượng như kế hoạch đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2024 – 2025, Hiệu trưởng tăng cường chỉ đạo sinh hoạt nhóm chuyên môn, phù hợp với từng bộ môn để nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn, xây dựng các chuyên đề chuyên môn phù hợp và đáp ứng với yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới 2018. Tổ trưởng cùng với tổ viên sắp xếp thời gian để nghiên cứu sâu khi thực hiện các chuyên đề đạt hiệu quả cao hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1:

a) Trong năm học 2023-2024, trường có 20 lớp với 748 học sinh, gồm khối 6 có 244 học sinh/6 lớp, khối 7 có 179 học sinh/5 lớp, khối 8 có 148 học sinh/4 lớp và khối 9 có 177 học sinh/5 lớp **[H1-1.5-01]**.

b) Học sinh của trường được tổ chức theo lớp học. Lớp học được tổ chức theo quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4, Điều 16, Điều lệ trường trung học

(Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT). Mỗi lớp học có lớp trưởng và các lớp phó được học sinh trong lớp bầu chọn vào đầu mỗi năm học [H1-1.5-02]. Mỗi lớp học được chia thành nhiều tổ học sinh; mỗi tổ học sinh có tổ trưởng và tổ phó được học sinh trong tổ bầu chọn vào đầu mỗi năm học [H1-1.5-03].

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ (theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ trường trung học (Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT), cụ thể: Hoạt động của lớp học đảm bảo tính dân chủ, tự quản, hợp tác. Mỗi học sinh được chủ động thảo luận, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ và của lớp học với sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm [H1-1.5-04].

1.2. Mức 2:

Trường có tổng 20 lớp, bình quân 37,4 học sinh/lớp, cụ thể khối 6 có 244 học sinh, khối 7 có 179 học sinh, khối 8 có 148 học sinh, khối 9 có 177 học sinh. Số học sinh mỗi lớp nhiều nhất là 41, ít nhất là 36. Trong đó khối lớp 6 có 4 lớp có số 41 học sinh [H1-1.5-05].

1.3. Mức 3:

Nội hàm này mô tả tại Mức 2

2. Điểm mạnh:

Số lượng lớp học đầy đủ theo cấp học, số lượng học sinh được phân chia tương đối đồng đều giữa các lớp theo quy định của điều lệ trường trung học phổ thông. Mỗi lớp đều có đầy đủ ban cán sự theo qui định, phân chia các tổ. Lớp hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

3. Điểm yếu:

Nhà trường hiện có 4 lớp khối 6 có số lượng học sinh vượt hơn 40 em.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2024 – 2025, Hiệu trưởng tham mưu với lãnh đạo phòng GDĐT Tân Hồng cho phép nhà trường được sắp xếp lớp không quá 40 học sinh/lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ, văn bản của nhà trường được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo Luật lưu trữ. Trường có lưu trữ hồ sơ theo quy định gồm: sổ Đăng bộ [H1-1.5-01], sổ Gọi tên và Ghi điểm [H1-1.5-05], sổ Đầu bài [H1-1.6-01], sổ Quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ [H1-1.6-02], sổ theo dõi PCGD [H1-1.6-03], sổ theo dõi HS chuyển đi, chuyển đến [H1-1.6-04], sổ Nghị quyết của nhà trường và Hội đồng trường [H1-1.1-05], hồ sơ Thi đua của nhà trường [H1-1.6-05], hồ sơ Kiểm tra đánh giá giáo viên và nhân viên [H1-1.6-06], hồ sơ khen thưởng, kỷ luật học sinh [H1-1.6-07], sổ Quản lý và lưu trữ các văn bản và công văn [H1-1.6-08], sổ Quản lý tài sản [H1-1.6-09], sổ Quản lý tài chính [H1-1.6-10], hồ sơ Quản lý thiết bị dạy học và thực hành thí nghiệm [H1-1.6-11], hồ sơ Quản lý thư viện [H1-1.6-12], hồ sơ Theo dõi sức khỏe học sinh [H1-1.6-13]. Công tác lưu trữ được thực hiện tập trung về văn phòng trường và có tủ đựng, bảo quản tốt, khoa học và thuận

lợi trong quá trình truy tìm văn bản, tài liệu, công tác kiểm tra được thực hiện thường xuyên qua đó kịp thời phát hiện những trường hợp môi, một để xử lý. Tuy nhiên, trong quá trình phát hành văn bản, một số văn bản chuyên môn chưa tuân thủ đúng quy trình nên còn sai thể thức văn bản theo quy định.

b) Hằng năm, trên cơ sở phân bổ tài chính của cấp trên và tình hình thực tế của đơn vị, Hiệu trưởng chỉ đạo kế toán lập kế hoạch dự toán thu chi vào đầu năm hành chính **[H1-1.6-14]**. Việc lập dự toán, thực hiện thu - chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định **[H1-1.6-15]**. Công khai tài chính theo quý bằng cách niêm yết và gửi văn bản, đăng website, công khai trong họp hội đồng **[H1-1.6-16]**. Định kỳ lập kế hoạch tự kiểm tra tài chính, tài sản. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung hoàn thiện theo từng năm, phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị và quy định hiện hành **[H1-1.6-17]**.

c) Công tác quản lý tài chính, tài sản đúng theo quy định, có đủ hồ sơ, chứng từ. Việc khai thác, sử dụng nguồn tài chính, tài sản của trường nhằm phục vụ công tác chuyên môn, công tác giáo dục đầy đủ mang lại hiệu quả, nâng cao các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

1.2. Mức 2:

a) Để công tác quản lý được thuận lợi, trong những năm qua nhà trường đã tích cực ứng dụng CNTT trong công tác quản lý hành chính, đã đưa vào sử dụng các phần mềm như: phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm cơ sở dữ liệu online, quản lý văn bản Idesk, phần mềm quản lý điểm, sổ liên lạc điện tử, phần mềm thư viện, thiết bị. Trong công tác quản lý tài chính, tài sản nhà trường đã ứng dụng phần mềm Misa, thực hiện giao dịch qua dịch vụ công của Kho bạc, sử dụng dịch vụ không thu phí tiền mặt nên rất thuận lợi trong công tác lập dự toán, báo cáo tài chính, tài sản, thực hiện báo cáo về cấp trên nhanh chóng, chính xác và kịp thời. **[H1-1.6-18]**.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, qua các lần kiểm tra của ngành chuyên môn cấp trên, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý tài chính, tài sản và gần đây nhất là theo kết luận của đoàn kiểm tra ngày 15 và 17 tháng 4 năm 2024 **[H1-1.6-19]**.

1.3. Mức 3:

Nhà trường có xây dựng Đề án về việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê đối với đất để khai thác căn tin để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.6-20], [H1-1.6-21]. Tuy nhiên, việc huy động nguồn tài chính hợp pháp để thực hiện các hoạt động giáo dục chưa nhiều.

2. Điểm mạnh:

Trường có đầy đủ hồ sơ, lưu trữ khoa học các loại sổ quản lý theo điều lệ trường học và có ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý tài chính và tài sản. Việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả. Nhà trường có xây dựng đầy đủ các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, có xây dựng Đề án về việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê đối với đất để khai thác căn tin để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

3. Điểm yếu:

Việc huy động nguồn tài chính hợp pháp để thực hiện các hoạt động giáo dục chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2024-2025, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tham mưu với chính quyền địa phương và mở rộng mối quan hệ bên ngoài để huy động nhiều nguồn tài chính hợp pháp hơn nữa để phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*
- b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1:

a) Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, GV và nhân viên sát với thực trạng của đơn vị; Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho GV như: bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp, chính trị, chuyên môn (kiến thức liên môn) hè 2023... Có kiểm tra, đánh giá, nhận xét, tư vấn, thúc đẩy để mỗi cán bộ, GV phát huy năng lực, tự học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CNTT, kế hoạch bồi dưỡng cho đội ngũ GV trong quy hoạch, kế hoạch học tập nâng cao trình độ cho GV có trình độ cao đẳng lên đại học và kế hoạch học tập nâng cao trình độ cho nhân viên có trình độ trung cấp lên cao đẳng. [H1-1.7-01].

b) Hàng năm nhà trường phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý [H1-1.7-02]. Việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên, việc phân công giáo viên chưa đều tay do năng lực, sở trường của từng người khác nhau, dẫn đến có người làm nhiều, có người làm ít.

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 29 của Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT và được đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng, các chế độ chính sách như được học tập, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, chi trả lương và các chế độ đúng, đủ, kịp thời [H1-1.7-03]. Được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng các vấn đề liên quan đến cá nhân, tổ, học sinh mình giảng dạy [H1-1.7-04].

1.2. Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên như tạo điều kiện tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn,

ng nghiệp vụ, tổ chức các hội thi cấp trường, tham gia các hội thi cấp huyện, tỉnh để giáo viên, nhân viên có cơ hội phát huy năng lực, sở trường của mình [H1-1.7-05]. Nhờ đó, các phong trào, các hoạt động về chuyên môn, văn nghệ, thể dục thể thao ngày càng mạnh góp phần việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Có phân công, sử dụng hợp lý. Các quyền của giáo viên, nhân viên đảm bảo. Nhờ đó, các hoạt động của nhà trường đi vào nề nếp, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Việc phân công giáo viên chưa đều tay do năng lực, sở trường của từng người khác nhau, dẫn đến có người làm nhiều, có người làm ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2024 - 2025, Hiệu trưởng giao việc cho các tổ trưởng chuyên môn, hoặc giáo viên có kinh nghiệm hỗ trợ giúp đỡ hay đưa đi học tập bồi dưỡng để nâng cao tay nghề sẵn sàng đảm đương nhiệm vụ tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1:

a) Mỗi năm, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế của trường trên cơ sở các hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của địa phương và của ngành [H1-1.8-01].

b) Kế hoạch giáo dục được triển khai thực hiện đến toàn thể viên chức và người lao động trong đơn vị. Trên cơ sở kế hoạch của trường, các tổ, các giáo viên tiến hành xây dựng kế hoạch thực hiện cho từng nhiệm vụ chuyên môn mình phụ trách. Kế hoạch của trường được thực hiện đầy đủ, bảo đảm cho các hoạt động trong năm học đạt được hiệu quả thiết thực [H1-1.8-02].

c) Định kỳ trong các cuộc họp hàng tháng và cuối học kỳ, cuối năm nhà trường tổ chức họp sơ kết, tổng kết để tiến hành rà soát, đánh giá những việc làm được và chưa làm được so với kế hoạch đề ra để qua đó có sự điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp và đưa ra phương hướng hoạt động trong thời gian tiếp theo [H1-1.8-03], [H1-1.1-02].

1.2. Mức 2:

Trên cơ sở kế hoạch năm học, nhà trường thành lập Ban kiểm tra nội bộ để xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên đề, kiểm tra hành chính hoặc kiểm tra đột xuất hoạt động của các tổ, cá nhân phụ trách công việc của đơn vị [H1-1.6-06]. Trong từng nội dung kiểm tra đánh giá, nhà trường đều xác định rõ mục tiêu, đối tượng, hình thức, thời gian kiểm tra và đặc biệt đánh giá kết quả sau đợt kiểm tra để có biện pháp khắc phục tồn tại, thiếu sót hoặc phát huy các mặt tích cực của từng cá nhân thực hiện tốt nhiệm vụ theo kế hoạch nhà trường. Trường không tổ chức được kế hoạch dạy 2 buổi/ngày, tiếng Anh tăng cường theo kế hoạch đề ra.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Trên cơ sở kế hoạch đã xây dựng, lãnh đạo nhà trường, CBGV nhân viên, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã tổ chức chỉ đạo thực hiện, có kiểm tra, rà soát thường xuyên với nỗ lực cố gắng cao để thực hiện đầy đủ, có chất lượng các kế hoạch đã đề ra.

Kế hoạch giáo dục được tổ chức đánh giá và điều chỉnh theo định kỳ mỗi tháng và cuối học kỳ. Việc quản lý công tác dạy thêm học thêm được thực hiện một

cách nghiêm túc theo quy định của cấp trên, hiện tại nhà trường không tổ chức dạy thêm học thêm.

3. Điểm yếu:

Trường không tổ chức được kế hoạch dạy 2 buổi/ngày, tiếng Anh tăng cường theo kế hoạch đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng tuyên truyền đến cha mẹ học sinh, giáo viên, học sinh về lợi ích, hiệu quả mang lại của học 2 buổi/ngày, tiếng Anh tăng cường góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và phong trào mũi nhọn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được xử lý đúng pháp luật;

c) Hằng năm có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

1.1. Mức 1

a) Trước khi ban hành kế hoạch, nội quy, quy chế, quy định của nhà trường, Hiệu trưởng xây dựng dự thảo để lấy ý kiến tất cả viên chức, người lao động trong toàn trường. Hầu hết các văn bản hiệu trưởng đều phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn, các thành viên cốt cán và các bộ phận trong nhà trường phối hợp soạn thảo các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế hoạt động của nhà trường và được triển khai đến các tổ chuyên môn họp thảo luận đóng góp ý kiến những vấn đề liên

quan đến trách nhiệm, nhiệm vụ của giáo viên, nhân viên nhà trường, các ý kiến, kiến nghị của giáo viên, nhân viên được BGH, Công đoàn và các bộ phận có liên quan giải trình thông qua cuộc họp trú bị và sau đó tiến hành tổ chức Hội nghị Viên chức - Người lao động, các ý kiến đóng góp được giải trình và được toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trường thống nhất thực hiện [H1-1.9-01], [H1-1.9-02]. Ngoài ra các ý kiến thảo luận đóng góp của giáo viên, nhân viên còn thể hiện ở các phiên họp hội đồng sư phạm [H1-1.1-05].

b) Nhà trường có thực hiện hồ sơ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, đơn thư, kiến nghị phân công thành viên trực có trách nhiệm tiếp nhận phản ánh, thông tin, kiến nghị, những vấn đề có liên quan đến việc thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật để giải quyết kịp thời, hiệu quả, không để tồn đọng. Những năm qua, nhà trường không có đơn thư, khiếu nại, tố cáo vượt cấp [H1-1.9-03].

c) Hằng năm, trong hội nghị viên chức - người lao động, tổ chức công đoàn, ban thanh tra nhân dân đều có báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ nhà trường cho tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên biết [H1-1.9-04], đồng thời báo cáo về việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường [H1-1.9-05].

1.2. Mức 2:

Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ, các thành viên Ban chỉ đạo gồm Ban Giám hiệu, Công đoàn, Tổ trưởng và một bộ phận có liên quan. Phân công thành viên trong Ban chỉ đạo và Ban thanh tra nhân dân có giám sát, kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ, công khai sử dụng quản lý tài chính, tài sản, phân công, phân nhiệm bảo đảm công khai, minh bạch. Tuy nhiên, thành viên Ban Thanh tra nhân dân là kiêm nhiệm nên việc giám sát quá trình thực hiện quy chế dân chủ chưa thường xuyên.

2. Điểm mạnh:

Tổ chức xây dựng, triển khai thực hiện tốt quy chế dân chủ trong đơn vị, các cán bộ, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Các phản ánh, góp ý đều được xử lý đầy đủ, kịp thời và đúng quy định. Có

báo cáo định kỳ về tự kiểm tra thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị; phối hợp chặt chẽ với tổ chức Công đoàn để xây dựng cơ chế giám sát thực hiện quy chế dân chủ ở đơn vị.

3. Điểm yếu:

Thành viên Ban Thanh tra nhân dân là kiêm nhiệm nên việc giám sát quá trình thực hiện quy chế dân chủ chưa thường xuyên

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2024-2025, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch liên tịch với Công Đoàn chỉ đạo thành viên Ban Thanh tra nhân dân sắp xếp công việc để thực hiện vai trò, trách nhiệm của giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường thường xuyên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bữa ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1:

a) Để bảo đảm an ninh trật tự trong đơn vị, ngoài nhân viên làm công tác bảo vệ, nhà trường thành lập Đội cờ đỏ tham gia giữ gìn an ninh trật tự trong trường học. Nhà trường có xây dựng phương án bảo vệ an toàn an ninh trật tự trong nhà trường, an toàn giao thông, giáo dục pháp luật, đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01], kế hoạch phòng chống ma túy [H1-1.10-02], kế hoạch phòng chống dịch bệnh Covid-19 [H1-1.10-03], kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước [H1-1.10-04], kế hoạch phòng chống cháy nổ [H1-1.10-05], Kế hoạch phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-06], kế hoạch an toàn thực phẩm [H1-1.10-07]. Nhà trường có xây dựng kế hoạch phối hợp với công an xã với Công đoàn trường trong công tác tuyên truyền, phòng chống vi phạm pháp luật trên địa bàn và đơn vị [H1-1.10-08]. Trường không có bếp ăn nhưng có căn tin được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-09]. Ngoài ra, nhà trường còn bố trí được các camera để giám sát xử lý các sự việc nhằm đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường [H1-1.10-10]. Các năm qua trường được UBND xã công nhận trường đạt trường học an toàn, an ninh trật tự, được nhận giấy khen điển hình về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc [H1-1.10-11].

b) Nhà trường có bố trí hộp thư góp ý để cho giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh phản ánh thông tin. Ngay từ đầu năm học, các giáo viên chủ nhiệm còn cung cấp đầy đủ số điện thoại của lãnh đạo nhà trường cho tất cả cha mẹ học sinh và các em học sinh được biết. Thông tin đầy đủ và kịp thời cho học sinh các số điện thoại đường dây nóng số điện thoại 0987.970.126, cung cấp cho học sinh email thcstanhoco@gmail.com để các em học sinh phản ánh thông tin [H1-1.10-12].

c) Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, các em học sinh khuyết tật đều được đối xử công bằng và được quan tâm nhiều hơn [H1-1.10-13]. Các em học sinh đều được quan tâm giáo dục bình đẳng trong nhà trường, không có sự phân biệt đối xử về giới; không có vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường thể hiện qua một số hình ảnh tuyên truyền của nhà trường [H1-1.10-14].

1.2. Mức 2:

a) Cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau: treo bảng tin, chuyển email, triển khai trong các phiên họp, sinh hoạt chuyên môn [H1-1.10-14].

b) Nhà trường phân công giáo viên trực, Tổng phụ trách đội phân công đội cờ đỏ trực các buổi để giữ gìn an ninh trật tự, đồng thời giúp cho trường thu thập, đánh giá, xử lý nhanh các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự; phát hiện kịp thời và ngăn chặn hiện tượng gây gổ đánh nhau làm mất an ninh trật tự trong nhà trường khá tốt. Bên cạnh đó, bảo vệ nhà trường còn thường xuyên theo dõi tình hình của học sinh trong từng buổi học. Mặc dù đa số học sinh có ý thức học tập, tuy nhiên trong năm học 2020 - 2021 và 2021 - 2022 vẫn còn có một số học sinh chưa ngoan dẫn đến nhà trường phải xử lý kỷ luật [H1-1.2-01], và một số trường hợp vi phạm ở mức nhắc nhở ở năm 2023-2024 như [H1-1.10-15].

2. Điểm mạnh:

Hàng năm nhà trường có xây dựng đầy đủ các phương án và đã tổ chức tuyên truyền phổ biến cho CBQL-GV- NV, HS về vấn đề đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường, có bố trí hộp thư góp ý, số điện thoại đường dây nóng. Trường được

chọn xây dựng điển hình về phong trào ANTT.

3. Điểm yếu:

Còn có trường hợp học sinh bạo lực dẫn đến phải xử lý kỷ luật trong năm học 2020-2021, 2021-2022.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2024 – 2025, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên Tổng phụ trách Đội củng cố lại tổ chức hoạt động của đội cờ đỏ trong công việc thu thập phản ánh thông tin, giữ gìn an ninh trật tự trong nhà trường. Đề kịp thời ngăn chặn các hiện tượng mới manh nha không để dẫn đến đánh nhau phải xử lý kỷ luật.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh:

Nhà trường có cơ cấu tổ chức bộ máy đủ về cơ cấu và số lượng đúng theo quy định Điều lệ trường phổ thông và các quy định hiện hành. Các tổ chức đoàn thể và các tổ chức xã hội hoạt động đúng quy định. Các lớp học có cơ cấu tổ chức, biên chế học sinh đúng quy định. Có đủ hồ sơ sổ sách quản lý sử dụng tài chính, tài sản đúng quy định, các loại hồ sơ được tổ chức sắp xếp khoa học, ứng dụng được công nghệ thông tin trong quản lý và lưu trữ hồ sơ, xây dựng được chiến lược phát triển của nhà trường xác định rõ mục tiêu phấn đấu nhiệm vụ trọng tâm của từng giai đoạn từ 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, quản lý tài chính, tài sản đúng quy định. Tình hình an ninh trật tự, an toàn trường học tốt, hạn chế được bạo lực học đường. Xây dựng được phương án đảm bảo an ninh trật tự; phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ; phòng chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội. Không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới trong nhà trường. Các bộ phận chức năng đều có kế hoạch hoạt động và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chuyên môn của nhà trường. Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý được hoạt động dạy thêm, học thêm; việc quản lý lưu trữ hồ sơ, quản lý tài chính, tài sản được thực hiện nghiêm túc. Công tác quản lý tài chính đảm bảo đúng các quy định hiện hành của nhà nước, thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ.

Tổ chức đảng, các đoàn thể nhiều năm được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Điểm yếu:

Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường có sự tham gia của cha mẹ học sinh tuy nhiên chưa có sự góp ý nhiều từ CMHS. Hoạt động của các hội đồng nhất là các hội đồng tư vấn tâm lý học đường của các năm, hoạt động chưa chủ động khi có sự đổi mới hoạt động nên dẫn đến một số học sinh vi phạm nội quy nhà trường. Tổ chức Chi đoàn phải ghép với xã Đoàn Tân Hộ Cơ, nên Chi đoàn chưa tổ chức được nhiều hoạt động trải nghiệm cho học sinh. Trường còn thiếu giáo viên bộ môn Toán. Trình độ tay nghề, tuổi tác giáo viên không đồng đều, không đều tay nên việc phân công công việc có khi tập trung một số người làm nhiều, có người làm ít. Công tác giám sát chưa thường xuyên nhất giám sát thực hiện nhiệm vụ của giáo viên. Hiện tượng học sinh đùa giỡn mang tính bạo lực chưa được khắc phục triệt để.

*** Tổng số tiêu chí đạt, tiêu chí không đạt:**

Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu 10/10, tỉ lệ 100%, Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu 00/10, tỉ lệ 0,0%,

Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu 10/10, tỉ lệ 100%, Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu 00/10, tỉ lệ 0,0%,

Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu 05/05, tỉ lệ 100%, Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu 00/05, tỉ lệ 0,0%,

Mức 4: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu 00/01, tỉ lệ 0,0%, Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu 01/01, tỉ lệ 100%,

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh của nhà trường đảm bảo các tiêu chuẩn và yêu cầu của Điều lệ trường Trung học. Nhà trường có Hiệu trưởng và 2 phó Hiệu trưởng có chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý tốt. Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng, có tay nghề phù hợp với tình hình đổi mới trong giai đoạn hiện nay, tích cực đổi mới phương pháp,

niệt tình trong công tác giảng dạy, có phẩm chất đạo đức tốt. Nhân viên có chuyên môn, nghiệp vụ tốt, sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh của trường đảm bảo các tiêu chuẩn và yêu cầu theo quy định. Nội bộ nhà trường luôn, đoàn kết.

Tiêu chí 1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tin nhiệm.

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Hiện tại nhà trường có Hiệu trưởng và hai Phó Hiệu trưởng. Hiệu trưởng có thâm niên công tác là 25 năm, trong đó 07 năm giảng dạy, đảm nhận chức vụ phó hiệu trưởng 11 năm và đảm nhận chức vụ hiệu trưởng 07 năm, trình độ đào tạo đại học sư phạm Ngữ văn [H2-2.01-01]. Phó Hiệu trưởng 1 phụ trách chuyên môn có thâm niên công tác là 23 năm, trong đó 16 năm giảng dạy, đảm nhận chức vụ phó hiệu trưởng 08 năm, trình độ đào tạo đại học sư phạm Vật lý [H2-2.01-02]. Phó Hiệu trưởng 2 phụ trách cơ sở vật chất có thâm niên công tác là 21 năm, trong đó 16 năm giảng dạy, đảm nhận chức vụ phó hiệu trưởng 04 năm, trình độ đào tạo đại học sư phạm Vật lý [H2-2-01-02]. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được bổ

nhiệm đúng quy trình; Hàng năm được UBND huyện đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có đủ sức khỏe đảm nhận nhiệm vụ [H2-2-01-04].

b) Trong 5 năm qua, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tân Hồng đánh giá đạt chuẩn mức khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Năm học 2019-2020, 2021-2022, Hiệu trưởng và 2 phó hiệu trưởng được đánh giá chuẩn đạt mức Tốt [H2-2.1-05].

c) Hằng năm, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định. Hiệu trưởng có chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán [H2-2.1-06]; cả 2 Phó Hiệu trưởng có chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông và hoàn thành khóa bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên [H2-2.1-07].

1.2. Mức 2

a) Nội hàm này mô tả tại Chi báo b Mức 1.

b) Hiệu trưởng có bằng Trung cấp Lý luận chính trị [H2-2.1-01], cả 2 Phó hiệu trưởng có bằng Trung cấp Lý luận Chính trị [H2-2.1-02]. Hàng năm, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng chuyên đề và các buổi tập huấn về chuyên môn [H2-2.1-08]. Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng được tập thể giáo viên, nhân viên tín nhiệm thông qua biên bản ý kiến đóng góp về công tác quản lý, điều hành của Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng vào cuối năm học [H2-2.1-09]. Tuy nhiên, Hiệu trưởng còn nóng tính khi xử lý công việc. Phó Hiệu trưởng 1 sắp xếp công việc tăng cường kiểm tra giám sát nhiệm vụ đã phân công. Phó Hiệu trưởng 2 cần giao việc không làm thay.

1.3. Mức 3

Nội hàm này mô tả tại Chi báo b Mức 1.

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng có nhiều năm giảng dạy và đạt trình độ chuẩn, có đầy đủ giấy chứng nhận học các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ,

lớp trung cấp lý luận chính trị, hằng năm được đánh giá chuẩn nghề nghiệp đạt từ mức khá trở lên; tổ chức và quản lý hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Hiệu trưởng còn nóng tính khi xử lý công việc. Phó Hiệu trưởng 1 chưa kiểm tra giám sát đủ các nhiệm vụ đã phân công. Phó Hiệu trưởng 2 cần giao việc không làm thay.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2024-2025, Hiệu trưởng thực hiện rèn luyện sự kiềm chế cảm xúc hạn chế nóng tính trong xử lý công việc. Phó Hiệu trưởng 1 sắp xếp lịch làm việc tăng cường kiểm tra giám sát các nhiệm vụ phân công để hỗ trợ, giúp đỡ kịp thời. Phó Hiệu trưởng 2 thực hiện phân công công việc cho từng cá nhân hợp lý và hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện không làm thay.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2: Đối với giáo viên

Mức 1

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học;

trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập, cụ thể: số giáo viên dạy lớp là 34, trong đó Ngữ văn: 06, Giáo dục công dân: 01, Lịch sử - Địa lý: 03, Toán: 03, Khoa học tự nhiên (Lý, Hóa, Sinh): 07, Công nghệ: 01, Mỹ thuật: 01, Âm nhạc: 01, Giáo dục thể chất: 04, Tin học: 02, Tiếng Anh: 04, Tổng phụ trách Đội: 01. Như vậy biên chế giáo viên của nhà trường đảm bảo tương đối theo quy định (1,89 GV/lớp) [H1-1.7-02].

b) Trường có 34/34 giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đại học sư phạm (tỷ lệ 100%) [H2-2.2-01].

c) Cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp của giáo viên theo Quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở. Kết quả: Năm học 2019 – 2020: có 36/36 giáo viên đạt mức khá (tỷ lệ 100%); Năm học 2020 – 2021: có 37/37 giáo viên đạt mức khá (tỷ lệ 100%); Năm học 2021 – 2022: đạt mức Tốt: 05/34 giáo viên (tỷ lệ 14,71 %). đạt mức khá: 29/34 giáo viên (tỷ lệ 85,29 %); Năm học 2022 – 2023: đạt mức Tốt: 05/34

giáo viên (tỉ lệ 14,71 %), đạt mức khá: 29/34 giáo viên (tỉ lệ 85,29%); Năm học 2023 – 2024: đạt mức Tốt: 13/34 giáo viên (tỉ lệ 38,23%), đạt mức khá: 21/34 giáo viên (tỉ lệ 61,76%) [H2-2.2-02].

1.2. Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp, từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định, có 34/34 (tỉ lệ 100%) giáo viên đạt chuẩn trình độ đại học sư phạm [H2-2.2-01].

b) Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo c Mức 1.

c) Giáo viên của trường đều có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, và định hướng phân luồng học sinh [H2-2.2-03]. Hằng năm có ít nhất 03 giáo viên hướng dẫn ít nhất 03 học sinh tham gia hội thi khoa học kỹ thuật các cấp [H2-2.2-04]. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật.

1.3. Mức 3

a) Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo c Mức 1.

b) Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, giáo viên của trường chỉ có thực hiện viết sáng kiến kinh nghiệm UBND huyện công nhận [H2-2.2-05], chưa có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng và cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục. Trình độ chuyên môn của GV đạt chuẩn. Có 100% GV xếp loại chuẩn nghề nghiệp đạt mức khá trở lên. GV có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, định hướng phân luồng HS và hướng dẫn HS tham gia hội thi khoa học kỹ thuật các cấp. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật.

3. Điểm yếu

Chưa có giáo viên báo cáo nghiên cứu khoa học

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 Hiệu trưởng tạo điều kiện, khuyến khích hay đặt hàng giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3: Đối với nhân viên

Mức 1

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường có 05 nhân viên (trong đó có 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên y tế và thủ quỹ, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư và 01 nhân viên bảo vệ), đang thiếu 01 nhân viên phụ trách công tác thiết bị trường học. Tuy nhiên, Trường có phân công 01 giáo viên giảng dạy bộ môn Công nghệ kiêm nhiệm công tác thiết bị trường học và 01 giáo viên giảng dạy môn Tin học phụ trách Công nghệ thông tin trong nhà trường [**H1-1.7-02**].

b) Nhân viên của nhà trường được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực. Nhiệm vụ cụ thể từng nhân viên: **Nhân viên Kế toán:** Tham mưu cho Hiệu trưởng quản lý tất các nguồn tài chính, tài sản. Lập dự toán, quyết toán, lập báo cáo, quản lý hồ sơ tài chính theo quy định của Luật kế toán; Thực hiện đúng quy định về quyền tự chủ Tài chính theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ; Thực hiện đúng các yêu cầu về thu - chi của nhà trường kịp thời, chính xác và đạt hiệu quả tốt nhất; Thực hiện công khai

tài chính theo quy định; Là thành viên của tổ kiểm kê tài sản của trường; Thực hiện nhiệm vụ khác khi Hiệu trưởng phân công. **Nhân viên Văn thư:** Tiếp nhận, xử lý, chuyển công văn đi, đến theo quy định, Quản lý hồ sơ học sinh, lưu trữ, phát văn bằng theo quy định, sắp xếp, lưu trữ hồ sơ một cách khoa học, thực hiện các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trong lĩnh vực giáo dục; Quản lý tốt con dấu nhà trường, đóng dấu kịp thời các văn bản, bảo đảm đúng nguyên tắc; Tham mưu với Hiệu trưởng về công tác văn thư - lưu trữ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, phục vụ tốt hoạt động giáo dục của nhà trường; Phát hành các biểu mẫu báo cáo nội bộ, tiếp nhận, xử lý và báo cáo Hiệu trưởng đúng thời gian qui định; Sắp xếp gọn gàng ngăn nắp nơi làm việc; Thực hiện nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công. **Nhân viên Y tế trường học – Thủ quỹ:** Đảm nhận nhiệm vụ chuyên môn về chăm sóc sức khỏe học sinh, sơ cấp cứu ban đầu đối với GV - NV, học sinh, phối hợp với GVCN, kế toán thực hiện tuyên truyền, vận động học sinh tham gia BHYT và lập hồ sơ cấp thẻ BHYT cho học sinh; Có kế hoạch thường xuyên kiểm tra bảo đảm vệ sinh các phòng học, An toàn thực phẩm trong trường học; Có kế hoạch chủ động thực hiện các cuộc vận động phòng, chống dịch bệnh trong phạm vi nhà trường, đồng thời có ý thức tuyên truyền phòng chống dịch bệnh tại địa phương; Xây dựng kế hoạch mua sắm các trang thiết bị, thuốc chữa bệnh phù hợp với yêu cầu chăm sóc sức khỏe học sinh và tình hình cụ thể của nhà trường; Giúp Hiệu trưởng quản lý tài chính tất cả các nguồn quỹ trong nhà trường theo các văn bản tài chính hiện hành; Thực hiện cấp, phát, thu, chi kinh phí cho cá nhân, bộ phận kịp thời, chính xác khi có ký duyệt của Hiệu trưởng; Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng trực tiếp phân công. **Nhân viên thư viện:** Cập nhật, quản lý các loại hồ sơ thư viện theo đúng qui định; Bảo quản toàn bộ sách giáo khoa dùng chung, sách nghiệp vụ, sách tham khảo, báo chí, tài liệu theo quy định đối với cán bộ thư viện; Sắp xếp sách và các vật dụng trong phòng thư viện có khoa học, giúp cho người đọc dễ thấy, dễ tìm, đảm bảo mỹ quan và vệ sinh học đường; Làm tốt công tác bạn đọc, phối hợp với các tổ chức trong nhà trường thực hiện công tác giới thiệu sách theo chủ đề, xây dựng tủ sách của trường ngày càng phong phú; Báo cáo, đề xuất với

Hiệu trưởng về công tác duy trì các tiêu chí xây dựng thư viện trường đạt chuẩn và xây dựng Thư viện tiên tiến; Thực hiện nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công. **Giáo viên phụ trách công tác thiết bị:** Quản lý, tiếp nhận và bảo quản tài sản, trang thiết bị dạy học của trường; Cập nhật các loại hồ sơ quản lý, theo dõi tình hình sử dụng đồ dùng dạy học và tình hình hoạt động hoạt của các phòng thí nghiệm thực hành; Báo cáo, đề xuất với Hiệu trưởng có biện pháp xử lý các trường hợp hư hao, mất mát tài sản của nhà trường; Thực hiện nhiệm vụ khác khi Hiệu trưởng phân công. **Nhân viên Bảo vệ:** Thực hiện nghiêm túc quản lý toàn bộ tài sản, cơ sở vật chất nhà trường, bảo vệ an ninh, an toàn cơ quan, phòng chống cháy nổ trong đơn vị; Thường xuyên chủ động sửa chữa các tài sản hư hỏng nhẹ có thể khắc phục được, đề xuất Hiệu trưởng xem xét cho ý kiến sửa chữa những tài sản hư hỏng lớn hoặc bổ sung trang thiết bị cần thiết để phục vụ tốt cho việc dạy, học; Thực hiện trực cổng trong giờ học của học sinh, chăm sóc cây kiểng, thực hiện quản lý các công trình vệ sinh, ngủ đêm trực cơ quan; Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng trực tiếp phân công. Nhà trường đảm bảo các chế độ, chính sách cho nhân viên theo quy định [H2-2.3-01].

c) Hàng năm, nhà trường đều có đánh giá, xếp loại nhân viên. Tất cả nhân viên đều xếp loại hoàn thành các nhiệm vụ được giao [H2-2.3-02]; [H2-2.3-03].

1.2. Mức 2

a) Nội hàm này mô tả tại Chi báo a Mức 1.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tất cả các nhân viên của trường đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có nhân viên nào bị kỷ luật [H2-2.3-03].

1.3. Mức 3

a) Các nhân viên của nhà trường đều có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở đáp ứng được yêu cầu vị trí việc làm. Cụ thể: Nhân viên Kế toán có bằng Đại học kế toán; Nhân viên Văn thư có bằng trung cấp văn thư - lưu trữ; Nhân viên y tế có bằng trung cấp điều dưỡng; Nhân viên Thư viện có bằng Cao đẳng thư viện - Thông tin; giáo viên kiêm nhiệm công tác thiết bị chưa được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thiết bị; giáo viên phụ trách công nghệ thông tin có bằng Đại

học Tin học; Nhân viên bảo vệ trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông [H2-2.3-04].

b) Hàng năm các nhân viên đều được tham gia tập huấn hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ của mình như: nhân viên kế toán tập huấn về nghiệp vụ của kế toán; nhân viên Thư viện được tập huấn về công tác thư viện; Nhân viên Y tế được tập huấn về y tế học đường; Nhân viên bảo vệ được tập huấn công tác tự vệ cơ quan. [H2-2.3-05].

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ nhân viên như: kế toán, thư viện, y tế và nhân viên bảo vệ hoạt động đúng theo chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập. Góp phần tư vấn thúc đẩy mọi hoạt động của trường. Nhân viên trong trường được đào tạo cơ bản theo đúng chuyên môn, thường xuyên học tập nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và đáp ứng tương tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu:

Thiếu nhân viên thiết bị - thí nghiệm

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm 2024- 2025, Hiệu trưởng tham mưu UBND Huyện tuyển dụng nhân viên thiết bị hoặc điều động từ các trường tiểu học về trường để đảm bảo số lượng nhân viên theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 4: Đối với học sinh

Mức 1

- a) *Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Học sinh của trường đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định tại Điều 33 của Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; không có học sinh đi học trước tuổi [H1-1.5-01]; [H1-1.5-05]; [H1-1.5-04]

b) Vào đầu năm học, nhà trường tổ chức tuần lễ “sinh hoạt học đường” để HS học tập nội quy nhà trường, của lớp bằng hình thức sinh hoạt dưới cờ, trong các tiết sinh hoạt tập thể. Đầu và cuối mỗi tuần, HS tham gia sinh hoạt cờ, sinh hoạt lớp để sơ kết phong trào thi đua, sơ kết tình hình thực hiện nội quy của trường, lớp. Đa số học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ học tập, các hoạt động giáo dục của nhà trường, thực hiện tốt nội quy của trường, rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân, giữ gìn bảo vệ tài sản của trường. Tuy nhiên, còn một số HS thường xuyên vi phạm về nội quy trường, lớp như: không đồng phục, đi trễ, bỏ rác không đúng nơi quy định, không giữ trật tự trong giờ học, mang dép lê, không đeo khăn quàng, không mang phù hiệu, nghỉ học không xin phép, ... [H2-2.4-01].

c) Học sinh nhà trường được đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền lợi như: đảm bảo các quyền lợi về CSVC, vệ sinh, an toàn đáp ứng nhu cầu học tập của HS ở trường, lớp và tự học ở nhà; được đối xử bình đẳng, dân chủ; được tham gia vào các phong trào thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ, các hội thi theo năng lực và điều kiện của từng em; được quyền học, chuyển trường khi có lý do chính đáng theo quy định hiện hành; được miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với HS có đủ điều kiện hưởng chế độ; được hỗ trợ học bổng, được tham gia các chế độ bảo hiểm theo quy định và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật [H2-2.4-02].

1.2. Mức 2

Nhà trường thành lập Đội Cờ đỏ do giáo viên Tổng phụ trách Đội phân công nhiệm vụ theo dõi nhằm giám sát việc thực hiện nội quy của học sinh, phát hiện kịp thời những học sinh vi phạm các hành vi không được làm. Giáo viên Tổng phụ trách Đội, GVCN sẽ tổng hợp và đưa ra các hình thức giáo dục kịp thời đối với các em vi phạm như nhặt rác, tưới cây trong khuôn viên trường,... nếu vi phạm nhiều lần GVCN sẽ cho viết kiểm điểm, phối hợp với gia đình để có biện pháp xử lý phù hợp. Thông qua các hình thức xử lý này, số lượt học sinh vi phạm giảm dần, các em đã có ý thức tốt hơn trong việc thực hiện nội quy nhà trường [H2-2.4-03].

1.3. Mức 3

Hằng năm, nhà trường có những học sinh đạt những thành tích cao trong học tập, rèn luyện như: tham gia hội thi khoa học kỹ thuật, học sinh giỏi các môn văn hóa khối 9, hội thi hùng biện tiếng Anh, chỉ huy đội giỏi, tham gia các giải thể thao cấp huyện, ... đều được nhà trường tổ chức nêu gương khen thưởng trước cờ kịp thời, góp phần tạo động lực tích cực đến các học sinh khác [H2-2.4-04]. Ngoài ra, đối với những học sinh thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường, chăm sóc cây kiểng trong nhà trường, nhặt của rơi, ủng hộ kinh phí giúp đỡ bạn khó khăn, ... cũng được nhà trường tuyên dương trước cờ kịp thời nhằm tạo sự lan tỏa đến các em học sinh khác, góp phần giáo dục giá trị chân thiện mỹ cho học sinh toàn trường [H2-2.4-05]. Tuy nhiên số lượng học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh chưa nhiều.

2. Điểm mạnh

Học sinh của trường đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đa số học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ học tập, thực hiện tốt nội quy của trường. Học sinh nhà trường được đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền lợi theo quy định của pháp luật.

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện nội quy của học sinh, có biện pháp giáo dục phù hợp, có chuyển biến tích cực.

Hằng năm, nhà trường có những học sinh đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện được tổ chức nêu gương khen thưởng kịp thời, góp phần tạo động lực tích cực đến các học sinh khác.

3. Điểm yếu

Trong năm học vẫn còn một số học sinh vi phạm nội quy trường, lớp. Số lượng đạt giải kỳ thi học sinh giỏi văn hóa cấp Tỉnh đạt giải chưa cao so với nội lực của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên bộ môn quan tâm nhiều hơn đến học sinh trong các tiết dạy do mình phụ trách để theo dõi, uốn nắn các hành vi của học sinh, phát huy vai trò của mình trong việc quản lý học sinh. Tổng phụ trách Đội tuyên truyền sâu rộng nhiệm vụ học sinh dưới cờ hàng tuần, có biện pháp xử lý kịp thời những học sinh vi phạm. Giáo viên chủ nhiệm phối hợp chặt chẽ với CMHS trong công tác giáo dục đạo đức, đặc biệt là đối với những học sinh cha mẹ đi làm ăn xa.

Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ của các thành viên trong hội đồng sư phạm nhà trường, đưa nội dung bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa vào sinh hoạt chuyên môn để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với nhau; học tập kinh nghiệm từ đồng nghiệp có thành tích về bồi dưỡng học sinh giỏi của trường bạn, để vận dụng vào công tác bồi dưỡng học sinh giỏi của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

*** Điểm mạnh:**

Cán bộ quản lý đều đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, trình độ quản lý, trình độ lý luận Chính trị, được cấp phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá từ loại khá trở lên theo chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng.

Số lượng và cơ cấu giáo viên nhà trường đảm bảo để dạy các môn học, đạt chuẩn về trình độ và năng lực theo quy định, hằng năm đều thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, được các cấp quản lý đánh giá chuẩn nghề nghiệp từ loại khá trở lên và được đảm bảo các quyền và chế độ chính sách theo quy định.

Nhân viên thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và được đảm bảo các chế độ, chính sách theo quy định.

Học sinh đảm bảo độ tuổi, đúng qui chế, đúng chỉ tiêu được giao và đúng địa bàn tuyển sinh. Phần lớn học sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy định của nhà trường, quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định hiện hành. Học sinh được đảm bảo các quyền theo qui định.

*** Điểm yếu:**

Chưa có giáo viên báo cáo nghiên cứu khoa học.

Thiếu nhân viên thiết bị thí nghiệm

Số lượng học sinh đạt kết quả kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp Tỉnh chưa cao so với nội lực của nhà trường.

*** Tổng số tiêu chí đạt, tiêu chí không đạt**

Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu 04/04, tỉ lệ 100%, Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu 00/04 tỉ lệ 0,0%,

Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu 04/04, tỉ lệ 100%, Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu 00/04, tỉ lệ 0,0%,

Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu 02/04, tỉ lệ 50,0%, Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu 02/04, tỉ lệ 50,0%,

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường Trung học cơ sở Tân Hộ Cơ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 7647m², bình quân 10,22m²/HS, có 20 phòng học, 30 phòng chức năng (khối phòng học tập, phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, khối hành chính quản trị). Có các công trình nhà vệ sinh giáo viên, học sinh bố trí hợp lý riêng cho nam, nữ, có đủ nước, ánh sáng; Nhà để xe cho học sinh (HS) được bố trí trong khuôn viên trường, đảm bảo an toàn; có hệ thống nước giếng khoan độ sâu hơn 200m, có hệ thống máy lọc nước sạch phục vụ tốt cho học sinh, đường cống thoát nước thông, đảm bảo vệ sinh môi trường; Có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin kết nối internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học.

Trang thiết bị đáp ứng đủ cho hoạt động dạy và học. Thư viện nhà trường đạt chuẩn Thư viện mức 2 vào năm 2024.

Tiêu chí 1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1

a) *Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*

b) *Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;*

c) *Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.*

Mức 2

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng:

1.1. Mức 1

a) Trường có khuôn viên riêng biệt, tại ấp Chiến Thắng, xã Tân Hộ Cơ. Diện tích là 7.647m², bình quân 10,22m²/HS [H3-3.1-01]. Khuôn viên nhà trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Nhà trường đã trồng các loại cây xanh như: cây phượng vĩ, cây điệp vàng, cây kèn hồng, cây dầu, cây sao, cây hoa giấy, cây mai vàng, cây cau. Nhà trường có thuê người chăm sóc cây xanh, không gian đẹp và thoáng mát cho khuôn viên trường [H3-3.1-02]. Nhà trường có thuê người hàng ngày quét dọn vệ sinh và tổ chức phân công các lớp luân phiên vệ sinh sân trường hàng tuần, có trang bị thùng rác ở các vị trí đảm bảo vệ sinh [H3-3.1-03]. Việc bố trí sắp xếp trong khuôn viên trường đảm bảo khoa học, đẹp và an toàn. Trường đã được công nhận trường đạt chuẩn Xanh-sạch-đẹp năm 2015 [H3-3.1-04]

b) Trường có cổng chính, có 02 cổng phụ, có biển tên trường được lắp đặt đúng theo tiêu chuẩn quy định. Cổng chính của trường tiếp giáp với Lộ Quốc phòng, được làm bằng cột bê tông khung sắt kiên cố, phân phía Tây và phía Đông của trường tiếp giáp với nhà dân, phía sau trường tiếp giáp với lộ nông thôn, cả 3 mặt đều được bao bọc bởi hệ thống cột bê tông kéo lưới B40 đảm bảo an toàn an ninh cho người và tài sản [H3-3.1-05]. Tuy nhiên hàng rào phía sau trường đã qua sử dụng nhiều năm nên đã bị xuống cấp.

c) Nhà trường có khu sân chơi có bồn hoa, có ghế đá có hệ thống cây xanh đảm bảo về mỹ quan [H3-3.1-06]; bãi tập có diện tích 2100m² (chiếm trên 27,46% tổng diện tích đất của trường), có hồ nhảy (có ván dậm, hồ lót cát), sân bóng chuyền (nhà trường bố trí cây trụ đứng, và lưới, có khung lưới bao quanh sân), sân bóng đá không kiên cố, chỉ dựng khung thành bao lưới cho học sinh tập luyện khi đến môn học tự chọn [H3-3.1-07]; có những thiết bị cần thiết phục vụ học tập thể dục thể thao của học sinh như: bàn đạp, xà nhảy cao, sân cầu lông (nhà trường bố trí cây trụ đứng, lưới; học sinh tự trang bị vợt, cầu), cột bóng rổ (nhà trường bố trí cây trụ đứng, bóng), đảm bảo an toàn trong việc dạy và học [H3-3.1-08].

1.2. Mức 2

Nhà trường có khu sân chơi, bãi tập được lót đal đảm bảo về mỹ quan đáp ứng được yêu cầu để tổ chức cho những hoạt động giáo dục như: Sinh hoạt dưới cờ, tổ chức giảng dạy môn thể dục, tổ chức hoạt động ngoại khóa, trò chơi dân gian, thể dục thể thao, văn nghệ, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, cắm trại,... [H3-3.1-06]; [H3-3.1-07]. Tuy nhiên khu vực sân chơi của trường chưa có mái che kiên cố nên cũng có ảnh hưởng đến một số hoạt động vui chơi thường ngày của học sinh.

1.3. Mức 3

Nội hàm này mô tả tại chỉ báo a mức 1 và chỉ báo c mức 1.

2. Điểm mạnh:

Trường có diện tích đảm bảo hơn 10m²/HS , có đủ tường rào, cổng, khuôn viên được bố trí riêng biệt, có đầy đủ các thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn. Khu sân chơi, bãi tập đủ đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục.

3. Điểm yếu:

Hàng rào phía sau trường đã qua sử dụng nhiều năm đã bị xuống cấp. Khu vực sân chơi của trường chưa có mái che kiên cố, ảnh hưởng đến một số hoạt động vui chơi thường ngày của học sinh thời điểm nắng nóng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2024-2025, Hiệu trưởng tham mưu lên cấp có thẩm quyền đầu tư kinh phí để cải tạo lại hàng rào phía sau trường và lắp mái che khu sân chơi.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng:

1.1. Mức 1

a) Trường có tổng số 20 phòng học kiên cố, đảm bảo dạy học cho 20 lớp, dạy nhiều nhất hai ca trong một ngày. Trong mỗi phòng học được trang bị 22 bộ bàn ghế loại 02 chỗ ngồi nhiều kích cỡ phù hợp với tầm vóc học sinh; Bàn

học sinh có kích thước: dài 1,2m, rộng 0,5m, cao 0,69m, ghế học sinh có kích thước: dài 0,4m, rộng 0,36m, cao 0,8m, mỗi phòng học có 01 bộ bàn ghế giáo viên, 01 bảng từ chống lóa, 04 bóng đèn compact, 02 quạt trần, 05 quạt treo tường, 01 ảnh Bác, các màn cửa, lọ hoa (cây xanh) trên bàn giáo viên. **[H3-3.2-01]**.

b) Nhà trường có đủ các phòng học bộ môn theo qui định bao gồm: Phòng học bộ môn Âm nhạc (01); Phòng học bộ môn Mỹ thuật (01); Phòng học bộ môn Công nghệ (01); Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên (02); Phòng học bộ môn Khoa học xã hội (02); Phòng học bộ môn Tin học (02); Phòng học bộ môn Ngoại ngữ (01); Phòng học đa chức năng (01) **[H3-3.2-02]**.

c) Nhà trường có các khối phòng phục vụ học tập gồm: 01 phòng Thiết bị, 01 phòng Tư vấn và hỗ trợ học sinh khuyết tật hòa nhập, 01 phòng Đoàn-Đội, 01 phòng thư viện, 01 phòng truyền thống đều được bố trí riêng biệt **[H3-3.2-03]**.

1.2. Mức 2

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật hòa nhập, cụ thể: Phòng học có diện tích trên 48m²(có 08 phòng có 01 cửa ra vào bố trí ở đầu lớp) và trên 60m² (có 12 phòng có 02 cửa ra vào được bố trí ở đầu và cuối lớp), các cửa sổ được thiết kế loại cửa lùa, đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát; Phòng học bộ môn Âm nhạc (diện tích 100,32m²); Phòng học bộ môn Mỹ thuật (diện tích 100,32m²); Phòng học bộ môn Công nghệ (diện tích 72m²); Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên 02 phòng (diện tích 72m²/phòng); Phòng học bộ môn Khoa học xã hội (môn Lịch sử và Địa lí) 01 phòng (diện tích 66,88m²); Phòng học bộ môn Khoa học xã hội (môn Ngữ văn và GDCD) 01 phòng (diện tích 66,88m²); Phòng học bộ môn Tin học 1 (diện tích 64m²); Phòng học bộ môn Tin học 2 (diện tích 72m²); Phòng học bộ môn Ngoại ngữ (diện tích 72m²); Phòng học đa chức năng (diện tích 72m²). Các phòng học bộ môn đều có ít nhất là 02 cửa ra vào bố trí ở đầu và cuối phòng, các cửa sổ được thiết kế loại cửa lùa, đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát. Các phòng học bộ môn Công nghệ và Khoa học tự

nhiên đều có kho chứa thiết bị bên trong [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-04].

b) Khôi phục vụ học tập của trường đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định: Thư viện (diện tích trên 130m²) có kho sách, khu quản lý làm việc của thủ thư), có phòng đọc riêng cho giáo viên và học sinh; Phòng thiết bị giáo dục (01 phòng, diện tích 50,16m²) có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học dùng chung của trường; Phòng tư vấn và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (01 phòng, diện tích 50,16m²), bố trí ở tầng trệt, có bàn ghế làm việc dành cho giáo viên, có tủ đựng hồ sơ, có bảng viết bút lông, có máy tính kết nối với tivi được nối mạng internet, có bàn ghế để tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập; Phòng truyền thống (diện tích 50,16m²), có các kệ trưng bày các bằng khen, giấy khen của trường, chi bộ, đoàn thể; có bảng giới thiệu truyền thống nhà trường, bảng thành tích của giáo viên và học sinh các năm qua, bảng hoạt động của đoàn thể, các tổ chuyên môn, bảng giới thiệu lãnh đạo trường qua các thời kỳ, ...; Phòng hoạt động Đoàn - Đội (diện tích 33,44m²) có bàn làm việc dành cho giáo viên Tổng phụ trách Đội, có tủ hồ sơ, góc trưng bày truyền thống Đội, kệ để dụng cụ phục vụ công tác đội, được trang bị đủ hệ thống chiếu sáng đảm bảo thông thoáng, âm thanh phục vụ các hoạt động [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04].

1.3. Mức 3

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định, cụ thể: Trường có 12 phòng học, 06 phòng học bộ môn có trang bị tivi, 01 phòng Tin học sử dụng máy chiếu, có bố trí dây mạng kết nối internet. Phòng học bộ môn có đủ thiết bị phục vụ giảng dạy bộ môn. Phòng học ngoại ngữ được trang bị màn hình ti vi cảm ứng tương tác thông minh 100inches, loa tích hợp tăng âm, bộ micro không dây [H3-3.2-02], có phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập để tổ chức hoạt động cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt. Tuy nhiên vẫn còn 02 phòng Khoa học tự nhiên và 01 phòng Công nghệ bàn học còn xây cố định, chưa phù hợp trong việc bố trí cho học sinh tham gia thực hành theo nhóm.

2. Điểm mạnh:

Trường có đủ phòng học, phòng học bộ môn, khôi phục vụ học tập được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh và học sinh khuyết tật hòa nhập; các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định, có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; Khôi phục vụ học tập đáp ứng yêu cầu các hoạt động dạy và học của nhà trường theo quy định.

3. Điểm yếu:

Bàn học của 02 phòng Khoa học tự nhiên và 01 phòng Công nghệ còn xây cố định, chưa phù hợp trong việc bố trí cho học sinh tham gia thực hành theo nhóm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2024-2025, Hiệu trưởng có kế hoạch sửa chữa, cải tạo CSVC, 02 phòng Khoa học tự nhiên và 01 phòng Công nghệ đảm bảo thuận lợi trong việc bố trí cho học sinh tham gia thực hành theo nhóm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3: Khôi hành chính - quản trị

Mức 1

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khôi hành chính - quản trị.

Mức 2

Khôi hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3

Khôi hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

1.1. Mức 1

a) Nhà trường có khối hành chính - quản trị, gồm phòng làm việc của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Văn phòng, phòng họp, phòng giáo viên, phòng nghỉ giáo viên, phòng các tổ chuyên môn, phòng y tế học đường, nhà kho, phòng các tổ chức Đảng, đoàn thể được bố trí riêng biệt. Các phòng đáp ứng được các hoạt động hành chính – quản trị của nhà trường. Tuy nhiên, việc bố trí dụng cụ, thiết bị làm việc của Văn phòng chưa khoa học. **[H3-3.3-01]**.

b) Nhà trường có 01 nhà xe học sinh được làm kiên cố, nền bê tông, sườn sắt lợp tol bố trí phía bên trong hàng rào với diện tích khoảng 247,52m² đảm bảo an toàn, trật tự. Nhà để xe dành cho CBQL-GV-NV có diện tích hơn 108m², được xây dựng kiên cố, sườn sắt lợp tol và được tách riêng khu vực để xe HS đảm bảo đủ cho GV trong một buổi, đảm bảo an toàn, trật tự **[H3-3.3-02]**.

c) Định kỳ hằng năm nhà trường có lên kế hoạch mua sắm, sửa chữa các thiết bị khối hành chính quản trị như máy in, máy tính, máy photo **[H3-3.3-03]**.

1.2. Mức 2

Khối hành chính - quản trị có đủ các phòng làm việc, được bố trí phù hợp, hoạt động theo quy định **[H3-3.3-01]**. Trường không có khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ nhưng có canteen nhà trường phục vụ cho CBQL-GV-NV và HS luôn được kiểm tra đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh thực phẩm **[H3-3.3-04]**.

1.3. Mức 3

Nội hàm này được mô tả ở mức 2.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có khối phòng hành chính – quản trị được bố trí riêng biệt, đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường; có nhà xe dành cho CBQL-GV-NV và HS được xây dựng kiên cố, đảm bảo an toàn, trật tự; có kiểm kê, sửa chữa kịp thời các thiết bị khối hành chính – quản trị. Các máy tính ở các phòng làm việc của khối hành chính – quản trị có kết nối mạng internet hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý, điều hành công tác giảng dạy, hoạt động của giáo viên, nhân viên. Hằng năm được bảo trì, sửa chữa, mua sắm thay thế.

3. Điểm yếu:

Việc bố trí dụng cụ, thiết bị làm việc của Văn phòng chưa khoa học

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2024-2025, Hiệu trưởng chỉ đạo tổ Văn phòng sắp xếp phòng ngăn nắp, khoa học hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng:

1.1. Mức 1

a) Trường có 03 nhà vệ sinh học sinh nam, 03 nhà vệ sinh học sinh nữ ở dãy A, 02 nhà vệ sinh học sinh nam, 02 nhà vệ sinh học sinh nữ ở dãy B, 01 nhà vệ sinh học sinh nam, 01 nhà vệ sinh học sinh nữ ở cuối dãy C, 01 nhà vệ sinh dành cho học sinh khuyết tật ở dưới cầu thang tầng trệt của dãy E (thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập). Giáo viên, nhân viên được bố trí 01 nhà vệ sinh nam, 01 nhà vệ sinh nữ dãy D, 02 nhà vệ sinh nam, 02 nhà vệ sinh nữ ở dãy E. Các nhà vệ sinh bố trí mỗi tầng, mỗi dãy, phù hợp với cảnh quan trường học, đảm bảo không ô nhiễm môi trường, thuận tiện cho tất cả học sinh, giáo

viên, nhân viên. **[H3-3.4-01]**.

b) Trường có hệ thống công thoát nước lắp đặt xung quanh khuôn viên trường nên việc thoát nước luôn đảm bảo vệ sinh môi trường, không bị ứ đọng vào mùa mưa **[H3-3.2-04]**; **[H3-3.4-02]**. Có sử dụng hệ thống máy bơm nước giếng sâu lên các bồn chứa, đảm bảo đủ nước sinh hoạt cho CBQL, GV, NV và học sinh. Riêng nước uống thì trường có hợp đồng với Cơ sở sản xuất nước uống đóng chai Huệ - Lập và có trang bị 01 máy lọc nước sạch cung cấp nước uống cho GV và HS. Nhà trường có trang bị 01 máy nước nóng lạnh phục vụ cho CBQL, GV, NV **[H3-3.4-03]**.

c) Trường có bố trí các thùng rác có nắp đậy ở những vị trí thuận lợi trong khuôn viên trường và các phòng học của HS để thuận tiện cho việc phân loại, xử lý rác; Trường có hợp đồng với công ty môi trường đô thị để thu gom rác và xử lý hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường **[H3-3.4-04]**. Tuy nhiên vẫn còn một học sinh chưa thực hiện phân loại rác trước bỏ vào thùng rác.

1.2. Mức 2

a) Khu vệ sinh được bố trí theo từng khu, từng tầng làm việc của GV, NV và học tập của HS; đảm bảo có đủ nước sạch, ánh sáng, không ô nhiễm môi trường, có hệ thống thoát nước cho tất cả các nhà vệ sinh. Các khu vệ sinh đều được bố trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn thuận tiện sạch sẽ **[H3-3.4-01]**.

b) Trường có trang bị máy lọc nước sạch ở phòng Đoàn – Đội để cung cấp nguồn nước uống cho HS và GV song song với việc hợp đồng cung cấp nước uống đóng chai của cơ sở Huệ - Lập **[H3-3.4-02]**. Hệ thống thoát nước được lắp đặt kiên cố đảm bảo thoát nước tốt và vệ sinh môi trường **[H3-3.4-03]**. Nhà trường bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy, có ghi chú nhận từng loại rác. Như: Rác được phân loại trước khi xử lý bằng cách các loại rác hữu cơ (thùng màu xanh), rác vô cơ (thùng màu cam), ly nhựa, chai nhựa, giấy (để ở các lồng sắt). Cách xử lý từng loại là ly nhựa, chai nhựa, giấy cuối tuần bán gây quỹ cho học sinh khó khăn; rác y tế đem qua trạm y tế xử lý; các loại rác còn lại công ty môi trường đô thị thu gom, xử lý theo quy định **[H3-3.4-04]**.

2. Điểm mạnh:

Trường có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh cho học sinh khuyết tật được bố trí thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập; Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

Trường có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Việc thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo quy định.

3. Điểm yếu:

Một số học sinh chưa thực hiện phân loại rác trước bỏ vào thùng rác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2024-2025, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên Tổng phụ trách Đội giáo dục cho HS ý thức phân loại rác góp phần bảo vệ môi trường và hướng dẫn học sinh thực hiện phân loại rác hàng ngày.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5: Thiết bị

Mức 1

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương

pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

1.1. Mức 1

a) Trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ hoạt động của nhà trường. Tại Văn phòng trường bố trí 02 máy laptop, 01 máy photo, 01 máy scan, 01 máy ép nhựa, 04 tủ hồ sơ, 02 bộ bàn ghế làm việc cho nhân viên Văn thư và Kế toán; tại phòng Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng có 02 laptop, 01 máy bàn, 03 máy in, 06 tủ hồ sơ, 03 bộ bàn ghế tiếp khách, 01 tivi có kết nối camera để phục vụ cho công tác quản lý. Tại các phòng học, phòng học bộ môn có 18 tivi và 02 phòng vi tính có 45 máy phục vụ công tác dạy và học của giáo viên và học sinh. Nhà trường đã nối mạng internet phục vụ tốt cho công tác quản lý và giảng dạy của giáo viên **[H3-3.5-01]**.

b) Nhà trường đã được trang bị thiết bị dạy học tối thiểu cho từng bộ môn đáp ứng theo quy định của Chương trình GDPT 2018 và chương trình GDPT 2006 như: 16 bộ thiết bị, tranh ảnh dạy học môn Ngữ Văn; 60 bộ thiết bị thực hành môn Toán; 28 bộ tranh ảnh, bộ dụng cụ thực hành môn GDCD; 65 bộ tranh ảnh, lược đồ, phim mô phỏng, bộ học liệu điện tử dạy học môn Lịch sử và Địa lí; 239 bộ tranh ảnh, bộ dụng cụ thực hành, video thí nghiệm mô phỏng môn Khoa học tự nhiên; 24 bộ tranh ảnh, bộ dụng cụ thực hành, video thí nghiệm mô phỏng môn Công nghệ; 103 bộ dụng cụ thiết bị dạy học môn Giáo dục thể chất; 212 bộ dụng cụ, thiết bị dạy học môn Nghệ thuật; 17 bộ tranh ảnh, dụng cụ, thiết bị dạy học môn Hoạt động trải nghiệm; 23 bộ tranh ảnh, dụng cụ, thiết bị dạy học dùng chung, các dụng cụ thể thao theo chương trình GDPT 2018 **[H3-3.5-02]**.

c) Hằng năm vào cuối năm học, nhà trường có xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm kê toàn bộ thiết bị, đồ dùng dạy học. Qua công tác kiểm kê, nhà trường đã sửa chữa các thiết bị dạy học môn Tin học và mua bổ sung một số đồ dùng thiết bị môn Âm nhạc, Thể dục **[H3-3.5-03]; [H3-3.3-03]**. Tuy nhiên, việc thanh lý một số dụng cụ thí nghiệm, hóa chất, tranh ảnh, chưa kịp thời.

1.2. Mức 2

a) Nhà trường có 03 đường truyền cáp quang tốc độ cao để hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối internet phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh. **[H3-3.5-04]**

b) Trường có đủ các thiết bị dạy học các bộ môn, được bố trí sắp xếp hợp lý phù hợp cho việc phục vụ hoạt động dạy học của trường **[H3-3.5-02]**. Tuy nhiên, trường chỉ mới trang bị thiết bị dạy học theo chương trình GDPT 2018 đối với lớp 6, chưa được trang bị thiết bị dạy học lớp 7,8.

c) Mỗi năm, nhà trường đều mua sắm bổ sung các loại thiết bị dạy học thay thế vật tư thí nghiệm đã hao mòn đảm bảo đủ đồ dùng cho việc tổ chức dạy học **[H3-3.5-03]**. Ngoài ra, giáo viên có tự làm đồ dùng dạy học phục vụ cho tiết dạy của mình, chủ yếu là bảng phụ. **[H3-3.5-05]**

1.3. Mức 3

Thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm được giáo viên khai thác, sử dụng, hiệu quả trong việc giảng dạy nhất là các tiết thực hành. Giáo viên ngoài việc lập kế hoạch sử dụng những thiết bị, đồ dùng dạy học có sẵn của nhà trường, hằng năm có hơn 90% giáo viên tự trang bị cho mình máy tính để ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy giúp học sinh cảm thấy hứng thú hơn trong tiết học, góp phần đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường **[H3-3.5-06]**

2. Điểm mạnh:

Thiết bị, đồ dùng dạy học, tranh ảnh, bản đồ, lược đồ, dụng cụ,... phục vụ cơ bản đáp ứng cho việc dạy và học trong nhà trường. Giáo viên có kế hoạch khai thác sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học theo yêu cầu của từng tiết dạy, có đăng ký mượn, trả thông qua phần mềm quản lý thiết bị. Thiết bị dạy học được sử dụng thường và khai thác có hiệu quả góp phần tạo hứng thú trong học tập nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu:

Việc thanh lý một số dụng cụ thí nghiệm, hóa chất, tranh ảnh, chưa kịp thời.

Trường chưa được trang bị thiết bị dạy học lớp 7,8 theo chương trình

GDPT 2018.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng nghiên cứu văn bản hướng dẫn, chỉ đạo ban cơ sở vật chất thực hiện thanh lý dụng cụ thí nghiệm, hóa chất, tranh ảnh đã hư hỏng không phù hợp, không thể sử dụng theo đúng quy trình. Tham mưu cấp có thẩm quyền trang bị thiết bị dạy lớp 7, 8, 9 kịp thời trong năm học 2024-2025.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 6: Thư viện

Mức 1

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 4

Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Trường có thư viện với diện tích hơn 130m², đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm nhà trường đều mua sắm bổ sung sách, báo và tài liệu tham khảo; Hiện nay, thư viện của trường có 5435 bản sách, cụ thể: Sách tham khảo: 1891 bản; Sách nghiệp vụ: 712 bản; Sách thiếu nhi: 873 bản; Sách giáo khoa: 1959 bản. Các loại báo, tạp chí như: báo Nhân dân, Giáo dục thời đại, Đồng Tháp, Toán tuổi thơ 2, Văn học và tuổi trẻ, Mục tím [H3-3.6-01]. Hàng năm, nhà trường còn phát động phong trào quyên góp sách trong học sinh để xây dựng tủ sách dùng chung nhằm tăng số bản sách phục vụ bạn đọc [H3-3.6-02].

b) Thư viện nhà trường có đầy đủ các bản sách phục vụ nhu cầu bạn đọc. Thư viện tổ chức mở cửa hàng ngày theo giờ hành chính 5 ngày/tuần để giáo viên và học sinh đến đọc sách hoặc tìm tài liệu khi cần thiết. Ngoài ra, trường còn xây dựng Thư viện xanh đáp ứng nhu cầu đọc mọi lúc mọi nơi của bạn đọc. Phụ huynh có thể đọc sách báo khi chờ rước con [H3-3.6-03]. Việc theo dõi đọc, mượn, trả sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, của giáo viên và học sinh thực hiện theo đúng quy định [H3-3.6-04]; hàng tuần, cán bộ thư viện giới thiệu sách mới trong tiết chào cờ đầu tuần, hoặc trên bảng thông báo của thư viện đáp ứng nhu cầu giới thiệu sách cần nghiên cứu, học tập, giải trí của GV, NV, HS [H3-3.6-05]. Trung bình số lượt bạn đọc giáo viên và học sinh 981 lượt/tháng trong đó giáo viên: 175 lượt/tháng, học sinh 806 lượt/tháng [H3-3.6-06]. Tuy nhiên, hoạt động thư viện xanh chưa phong phú, khai thác chưa đạt hiệu quả cao.

c) Hàng năm thư viện đều có tổ chức kiểm kê kho sách; đề xuất thanh lý, mua sắm mới các loại sách, báo, tạp chí và tài liệu tham khảo cơ bản phục vụ dạy học trong năm học [H3-3.6-07].

1.2. Mức 2

Thư viện được công nhận Thư viện trường học đạt tiêu chuẩn Mức độ 2 [H3-3.6-08].

1.3. Mức 3

Thư viện đã trang bị được 06 máy tính có kết nối Internet đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của giáo viên, học sinh [H3-3.6-09].

1.4. Mức 4

Thư viện chưa có Internet băng thông rộng, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin chưa phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế.

2. Điểm mạnh

Thư viện được công nhận “Thư viện trường học đạt tiêu chuẩn Mức độ 2” năm 2024, hoạt động có nề nếp góp phần tích cực cho hoạt động dạy và học cũng như các hoạt động giáo dục của nhà trường. CBQL-GV-NV và học sinh của nhà trường thích đọc sách, thường xuyên đến thư viện nên hoạt động của thư viện được khai thác hiệu quả. Thư viện có tài liệu phục vụ cho giáo viên và học sinh, đặc biệt là sách giáo khoa phục vụ cho học sinh nghèo, tạo điều kiện tốt cho việc học tập của học sinh.

3. Điểm yếu

Hoạt động thư viện xanh chưa phong phú, khai thác chưa đạt hiệu quả cao. Thư viện chưa có Internet băng thông rộng, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin chưa phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024-2025, Hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên Thư viện tham mưu tổ chức các hoạt động khai thác mô hình thư viện xanh đạt hiệu quả. Kiến nghị PGD tham mưu UBND Huyện từ bước đầu tư thư viện hệ thống hạ tầng CNTT tiếp cận với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

**** Điểm mạnh:***

- Trường có hàng rào, có cổng trường, biển tên trường theo quy định, diện tích đảm bảo an toàn khi tổ chức các hoạt động. Cảnh quan sư phạm nhà trường xanh-sạch-đẹp, phòng học đủ bố trí mỗi lớp/phòng. Đảm bảo đủ ánh sáng, có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh trung học cơ sở.

- Khu sân chơi, bãi tập được bố trí hợp lý, có các thiết bị cần thiết phục vụ học tập, tập luyện thể dục thể thao cho học sinh.

- Cơ sở vật chất của trường được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

- Trường có khu vệ sinh cho nam, nữ giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

- Thiết bị, đồ dùng dạy học của nhà trường đảm bảo tối thiểu cho việc dạy và học. Việc khai thác, sử dụng thiết bị đồ dùng dạy học hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Thư viện nhà trường đạt chuẩn thư viện mức độ 2.

*** Điểm yếu:**

- Hàng rào phía sau trường đã qua sử dụng nhiều năm đã bị xuống cấp. Khu vực sân chơi của trường chưa có mái che kiên cố, ảnh hưởng đến một số hoạt động vui chơi thường ngày của học sinh thời điểm nắng nóng.

- 02 phòng Khoa học tự nhiên và 01 phòng Công nghệ bàn học còn xây cố định, chưa phù hợp trong việc bố trí cho học sinh tham gia thực hành theo nhóm.

- Việc thanh lý một số dụng cụ thí nghiệm, hóa chất, tranh ảnh, chưa kịp thời.

- Việc bố trí dụng cụ, thiết bị làm việc của Văn phòng chưa khoa học

- Trường chưa được trang bị thiết bị dạy học lớp 7,8 theo chương trình GDPT 2018.

- Một số học sinh chưa thực hiện phân loại rác trước bỏ vào thùng rác.

- Trường chưa khai thác tốt mô hình thư viện xanh hiệu quả.

*** Tổng số tiêu chí đạt, tiêu chí không đạt:**

Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu 06/06, tỉ lệ 100%, Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu 00/06, tỉ lệ 0,0%,

Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu 06/06, tỉ lệ 100%, Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu 00/06, tỉ lệ 0,0%,

Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu 05/05, tỉ lệ 100%, Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu 00/05, tỉ lệ 0,0%,

Mức 4: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu 00/01, tỉ lệ 0,0%, Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu 01/01, tỉ lệ 100,0%,

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Nhà trường luôn xác định tầm quan trọng của ba yếu tố cơ bản là nhà trường, gia đình và xã hội. Điều đó có nghĩa là muốn giáo dục trẻ có hiệu quả, cần xây dựng mối quan hệ gắn bó, bền chặt của ba yếu tố trên. Nhận thức rõ vấn đề đó, Trường Trung học cơ sở Tân Hộ Cơ đã xây dựng kế hoạch phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc quản lý, giáo dục học sinh. Nhà trường và cha mẹ học sinh thường xuyên trao đổi những vấn đề cùng quan tâm như chương trình sách giáo khoa 2018, cách đánh giá xếp loại học sinh, các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; giáo dục kỹ năng sống; chăm sóc sức khỏe, phòng tránh tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn... Cha mẹ học sinh cùng với giáo viên chủ nhiệm tổ chức các cuộc họp định kỳ. Trao đổi qua điện thoại, tin nhắn, website, ... Trên thực tế, việc phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội đã phát huy được sức mạnh tổng hợp, giúp nhà trường từng bước giữ vững, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Tiêu chí 1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật,

chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Đầu năm học các lớp tổ chức họp cha mẹ học sinh, bầu Ban đại diện cha mẹ học sinh (BDD CMHS) của từng lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp gồm có 03 thành viên; Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh toàn trường trong Hội nghị cha mẹ học sinh để phối hợp với nhà trường thực hiện các hoạt động giáo dục (Gồm có 01 trưởng ban, 01 phó ban và 3 thành viên) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã chuẩn y và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT [H4-4.1-01].

b) Sau khi được thành lập, Ban đại diện CMHS tổ chức họp và xây dựng kế hoạch hoạt động theo tình hình thực tế và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Trong kế hoạch có phân công nhiệm vụ các thành viên trong Ban đại diện, đề ra những nội dung hoạt động của trong năm học. [H4-4.1-02]

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường thực hiện đúng tiến độ các hoạt động theo kế hoạch [H4-4.1-03]. Phối hợp giáo viên chủ nhiệm giáo dục đạo đức cho học sinh, vận động học sinh bỏ học trở lại lớp; kịp thời phản ánh những nguyện vọng, ý kiến của cha mẹ học sinh đến lãnh đạo nhà trường [H4-4.1-04]; hỗ trợ nhà trường trong các phong trào tổ chức trong và ngoài nhà trường, hoạt động xã hội [H4-4.1-05].

1.2. Mức 2

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh như: Kí cam kết an toàn giao thông, kí cam kết học sinh không vi phạm tệ nạn xã hội [H4-4.1-06];

[H4-4.1-07]. Huy động học sinh đến trường vào đầu năm học và khi học sinh có nguy cơ bỏ học [H4-4.01-08].

1.3. Mức 3

Ban đại diện CMHS thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, hoạt động đúng quy định theo Điều lệ; Công tác phối hợp giữa Ban đại diện CMHS với cộng đồng xã hội cũng đạt hiệu quả đáng ghi nhận như: vận động tập, viết, quần áo, xe đạp, BHYT; khen thưởng đối với những học sinh đạt giải các hội thi cấp tỉnh, tổng số tiền vận động được trên 100.000.000 đồng/năm học. Tuy nhiên, thành viên trong BDDCMHS nhiều ngành nghề, địa bàn khác nhau nên các cuộc họp lệ định kỳ trong năm đôi khi có mặt không đầy đủ [H4-4.1-09].

2. Điểm mạnh:

Có Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập ở từng lớp, BDD CMHS của Trường được thành lập đúng theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011.

Ban đại diện CMHS được tổ chức và hoạt động đúng theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp cùng Ban đại diện CMHS hoạt động. Các cuộc họp được tổ chức đúng theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS.

3. Điểm yếu:

Các thành viên trong BDD CMHS không cùng ngành nghề và địa bàn sinh sống nên các cuộc họp lệ định kỳ trong năm đôi khi có mặt không đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2024-2025, Hiệu trưởng phối hợp với BDD CMHS chọn ngày họp định kỳ phù hợp để đảm bảo các thành viên BDD đều có thể dự họp đầy đủ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhằm thực hiện đạt hiệu quả các kế hoạch giáo dục của nhà trường, hàng năm, nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch năm học, công tác phổ cập giáo dục, ngày toàn dân đưa trẻ đến trường; hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn và các giải pháp phối hợp để phát triển nhà trường [H4-4.2-01]. .

b) Nhà trường thực hiện phối hợp các đoàn thể, Công an, Y tế tổ chức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục bằng nhiều hình thức: Thông tin trên Website THCS Tân Hộ Cơ tên miền

www.thcstanhoco.pgd.edu.vn; Tuyên truyền qua bản tin, tin nhắn Zalo, buổi sinh hoạt lớp. Các nội dung tuyên truyền như: Phối hợp với công an xã, huyện: tuyên truyền trong công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông; Tuyên truyền phòng tránh các tệ nạn xã hội; phòng chống ma túy xâm nhập học đường; phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm; Phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ; Phối hợp với trạm Y tế xã trong công tác chăm sóc sức khỏe cho học sinh và bảo vệ môi trường; phòng tránh các hiểm họa thiên tai. **[H4-4.2-02]**.

c) Hàng năm, nhà trường có phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa bàn xã hỗ trợ học sinh nghèo, khó khăn như xe đạp, cặp đi học, tập sách, bảo hiểm y tế,...**[H4-4.1-09]**; Tất cả các nguồn kinh phí của các tổ chức, cá nhân đều được phát trực tiếp cho học sinh. Tuy nhiên công tác huy động các nguồn lực chưa đáp ứng đủ số lượng nhu cầu học sinh nghèo, khó khăn cần được hỗ trợ.

1.2. Mức 2

a) Nhà trường có xây dựng kế hoạch tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền về phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường THCS Tân Hộ Cơ giai đoạn 2020 – 2025 và tầm nhìn đến 2030 về xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo đạt theo quy định **[H1-1.01-01]**.

b) Công tác giáo dục truyền thống được nhà trường quan tâm. Liên đội phối hợp với các tổ chức, đoàn thể thực hiện tốt công tác tuyên truyền các ngày lễ lớn ... Hàng năm Trường có phối hợp giáo dục truyền thống lịch sử, cách mạng cho học sinh. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức cho học sinh đến chăm sóc cột mốc Biên giới, chăm sóc tượng đài Liệt sĩ, đến thăm địa chỉ đỏ để giáo dục truyền thống cách mạng **[H4-4.2-03]**. Tuy nhiên, hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc cho HS với hình thức chưa phong phú, chưa có mô hình nổi bật để thật sự thu hút học sinh tham gia.

1.3. Mức 3

Nhà trường tham mưu Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương cụ thể: Nhà trường tạo điều kiện cho các lớp

võ được học tập tại trường, thanh thiếu niên trên địa bàn vào chơi thể thao mỗi buổi chiều ở sân cầu lông và sân bóng chuyền [H4-4.2-04]; Hàng năm nhà trường có đăng kí đơn vị văn hóa và được công nhận đơn vị văn hóa [H4-4.2-05].

2. Điểm mạnh:

Có kế hoạch cụ thể để thực hiện tiến trình nâng cao chất lượng giáo dục, và phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường giai đoạn 2020- 2025 và tầm nhìn 2030.

Thực hiện tốt công tác tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, phối hợp thường xuyên, hiệu quả với các tổ chức đoàn thể cá nhân ở địa phương nhằm tạo môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn nâng cao hiệu quả giáo dục, từng bước xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Kết hợp với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường thực hiện tốt công tác vận động, huy động các nguồn lực để kịp thời giúp đỡ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập.

3. Điểm yếu:

Công tác huy động các nguồn lực chưa đáp ứng đủ số lượng nhu cầu học sinh nghèo, khó khăn cần được hỗ trợ.

Hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc cho HS chưa phong phú, chưa có mô hình nổi bật để thật sự thu hút học sinh tham gia.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2024-2025, Hiệu trưởng huy động các nguồn lực nhiều hơn đảm bảo hỗ trợ học sinh khó khăn của trường đầy đủ, kịp thời

Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên Tổng phụ trách Đội, GVCN tổ chức nhiều hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc qua các hoạt động giáo dục địa phương; hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa trong năm học 2024-2025..

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

*** Điểm mạnh:**

- Trường thiết lập được mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; được Đảng uỷ, chính quyền và các đoàn thể địa phương quan tâm giúp đỡ; được CMHS gắn bó và hỗ trợ hiệu quả trong các hoạt động giáo dục góp phần hoàn thành mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

- Nhà trường thường xuyên tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền, phối hợp với các đoàn thể ở địa phương, với Ban đại diện cha mẹ học sinh về kế hoạch và các biện pháp để phát triển nhà trường, đã tranh thủ được sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự quan tâm ủng hộ của địa phương về những chủ trương lớn của nhà trường.

*** Điểm yếu:**

Các thành viên trong BĐDCMHS không cùng ngành nghề, không cùng địa bàn sinh sống nên các cuộc họp lệ định kỳ trong năm đôi khi có mặt không đầy đủ.

Công tác huy động các nguồn lực chưa đáp ứng đủ số lượng nhu cầu học sinh nghèo, khó khăn cần được hỗ trợ.

Hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc cho HS chưa phong phú, chưa có mô hình nổi bật để thật sự thu hút học sinh tham gia.

Tổng số tiêu chí đạt, tiêu chí không đạt:

- *Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02, tỷ lệ 100,0%, số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02, tỷ lệ 0,0%.*

- *Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02, tỷ lệ 100,0%, số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02, tỷ lệ 0,0%.*

- *Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02, tỷ lệ 100,0%, số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02, tỷ lệ 0,0%.*

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Những năm qua nhà trường triển khai đầy đủ, kịp thời các nội dung giáo dục tới toàn thể Hội đồng Sư phạm, Ban Đại diện Cha mẹ học sinh. Các Phó Hiệu trưởng và Tổ chuyên môn đều có kế hoạch và biện pháp cụ thể triển khai đến giáo viên thực hiện kịp thời, đảm bảo đúng tiến độ chương trình theo

nội dung kế hoạch giáo dục đề ra. Nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Thường xuyên tổ chức hội thảo chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Thực hiện nghiêm túc nội dung giáo dục địa phương và công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS đảm bảo đúng qui định. Các hoạt động giáo dục ngoại khóa, văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống được thường xuyên tổ chức lồng ghép trong các chủ đề giáo dục hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Đặc biệt nhà trường luôn quan tâm công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém. Tổ chức thực hiện tốt công tác duy trì chuẩn phổ cập giáo dục THCS. Chất lượng giáo dục của nhà trường luôn ổn định và tăng dần qua từng năm học, từ đó từng bước nhà trường đã tạo được uy tín và niềm tin đối với cha mẹ học sinh tại địa phương.

Tiêu chí 1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1

a) *Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;*

b) *Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;*

c) *Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.*

Mức 2

a) *Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

b) *Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

Mức 4

Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường tổ chức dạy đúng và đầy đủ các môn học bắt buộc theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định như: Toán, KHTN (Vật lí, Hóa học, Sinh học), Ngữ văn, Lịch sử và Địa lí (Lịch sử, Địa lí), tiếng Anh, Công nghệ, GDCD, Giáo dục thể chất (Thể dục), Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật), Tin học **[H5-5.1-01]**. Ngoài ra, trường còn tổ chức các hoạt động giáo dục như giáo dục ngoài giờ lên lớp đối với khối 9 và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp khối 6, 7, 8; giáo dục hướng nghiệp lớp 9; giáo dục kỹ năng sống bằng nhiều hình thức trong chính khóa, ngoại khóa, trải nghiệm thực tế đảm bảo mục tiêu giáo dục đề ra. **[H5-5.1-02]**

b) Khi thực hiện giảng dạy các môn học, tổ chức các hoạt động, giáo viên sử dụng nhiều phương pháp dạy học phù hợp như phương pháp đặt vấn đề và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, phương pháp vấn đáp, phương pháp sắm vai, đồng thời giáo viên vận dụng các phương pháp dạy học tích cực như: trực quan, hoạt động nhóm, trò chơi, giải quyết vấn đề, Giáo viên luôn chú ý liên hệ thực tế phù hợp với nội dung bài dạy để học sinh có thể nhận biết, vận dụng được kiến thức mới thực tiễn đời sống, đồng thời giáo viên cũng tích hợp và lồng ghép các nội dung cần thiết nhằm tăng thêm kiến thức có liên quan để giáo dục toàn diện học sinh. Trong các tiết dạy, giáo viên luôn chú trọng việc lấy học sinh làm trọng tâm, phát huy tối đa năng lực, phẩm chất của học sinh, rèn kỹ năng tư duy cho học sinh thông qua việc cho học sinh độc lập suy nghĩ, thảo

luận nhóm, phân phối thời gian hợp lý giữa cung cấp kiến thức với thực hành bài tập để học sinh có thể vận dụng kiến thức, rèn kỹ năng ngày càng tốt hơn. Giáo viên hướng dẫn giúp học sinh có phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm thông qua phương pháp thảo luận nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn **[H5-5.1-03]**. Tuy nhiên còn một vài giáo viên chưa mạnh dạn thay đổi phương pháp và kỹ thuật dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo học sinh.

c) Trong quá trình dạy học giáo viên thực hiện đổi mới đánh giá thường xuyên bằng các hình thức khác nhau: đánh giá thông qua việc quan sát các hoạt động dạy học trên lớp, đánh giá qua hồ sơ, sản phẩm học tập, qua báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm. Thực hiện đánh giá học sinh bằng hình thức nhận xét kết quả học tập đối với các môn Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật); Thể dục (GDTC); Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Giáo dục địa phương. Kết hợp đánh giá bằng hình thức cho điểm và nhận xét kết quả học tập đối với môn tất cả các môn học còn lại. Bên cạnh đánh giá bằng điểm số thông qua các bài kiểm tra, GV còn có nội dung nhận xét về ưu điểm, khuyết điểm và lời động viên chỉ dẫn học sinh học tốt hơn nữa; Giáo viên phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá, qua đó điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập. Ngoài ra trong kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, nhà trường tổ chức kiểm tra tập trung các môn học ở tất cả các khối lớp, các học sinh cùng khối lớp được chia thành các phòng kiểm tra, sắp xếp theo thứ tự a,b,c; các học sinh sẽ được kiểm tra chung đề và chấm chung theo phòng sau khi được cắt phách nhằm đảm bảo khách quan và hiệu quả **[H5-5.1-04]**.

1.2. Mức 2

a) Căn cứ vào quy định của các cấp quản lý, nhà trường xây dựng kế hoạch thời gian, kế hoạch giáo dục năm học triển khai thực hiện chương trình đảm bảo đúng tiến độ thời gian, thời lượng giáo dục cho toàn trường **[H1-1.8-01]**. Các tổ chuyên môn căn cứ kế hoạch giáo dục, xây dựng kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn hướng dẫn giáo viên thực hiện. Trên cơ sở đó, giáo viên xây dựng kế hoạch lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh theo đặc

thù môn học, phù hợp với điều kiện nhà trường [**H1-1.4-03**]; [**H1-1.4-05**]. Tuy nhiên vẫn còn một số giáo viên chưa linh hoạt trong việc phối hợp nhuần nhuyễn các phương pháp, hình thức dạy học, nên chưa phát huy được khả năng diễn thuyết và khả năng phản biện của học sinh trước những tình huống thực tế.

b) Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã chỉ đạo giáo viên tiến hành rà soát kết quả học tập của học sinh toàn trường để phân loại theo trình độ học sinh. Đối với học sinh giỏi, giáo viên bộ môn phát hiện học sinh có năng khiếu môn học của mình sau đó tuyển chọn, thành lập đội tuyển học sinh giỏi, nhà trường xây dựng kế hoạch, phân công giáo viên bồi dưỡng học sinh theo thời khóa biểu của nhà trường [**H5-5.1-05**]. Đối với học sinh có học lực yếu, kết quả học tập chưa đạt, nhà trường chỉ đạo giáo viên bộ môn rà soát những học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện để phụ đạo. Cụ thể, sau kết quả đánh giá đợt 1 trong HKI giáo viên các bộ môn thống kê những học sinh có học lực yếu, kết quả học tập chưa đạt của môn mình giảng dạy, nhà trường lập kế hoạch phân công cho giáo viên bộ môn phối hợp với giáo viên chủ nhiệm có kế hoạch giúp đỡ học sinh, cụ thể như phân nhóm học tập, thành lập câu lạc bộ đôi bạn cùng tiến giúp đỡ nhau trong học tập, để giúp các em đạt từ mức trung bình trở lên, cũng như đạt chỉ tiêu đối với từng bộ môn đề ra [**H5-5.1-06**].

1.3. Mức 3

Hằng năm, trong các cuộc họp tổ trưởng, họp hội đồng sư phạm, các buổi sơ kết, tổng kết nhà trường đều tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá việc thực hiện chương trình, thực hiện kế hoạch dạy học đến từng thời điểm. Trên cơ sở đó, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp đã triển khai và đưa ra các giải pháp mới nhằm từng bước nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [**H5-5.1-07**].

1.4. Mức 4

Nhà trường thực hiện đúng theo quy định về chương trình, kế hoạch giáo dục do Bộ Giáo dục quy định. Nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh, đảm bảo theo chuẩn kiến thức kỹ năng theo quy định.

Tuy nhiên kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

2. Điểm mạnh

Hằng năm, nhà trường đã tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Có kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu. Giáo viên thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá học sinh góp phần ổn định và nâng dần chất lượng giáo dục qua từng năm học. Định kỳ hàng tháng qua các đợt sơ kết, tổng kết nhà trường đều thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả tác động của các biện pháp, giải pháp thực hiện kế hoạch giáo dục, kế hoạch hoạt động chuyên môn nhằm rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời các giải pháp để tổ chức thực hiện tốt hơn trong năm học tiếp theo.

3. Điểm yếu

Còn một vài giáo viên chưa mạnh dạn thay đổi phương pháp và kỹ thuật dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo học sinh. Một số giáo viên chưa linh hoạt trong việc phối hợp nhuần nhuyễn các phương pháp, hình thức dạy học, nên chưa phát huy được khả năng diễn thuyết và khả năng phản biện của học sinh trước những tình huống thực tế. Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có điều kiện để tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới để đưa vào kế hoạch giáo dục phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024- 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tăng cường tuyên truyền quán triệt cho đội ngũ giáo viên thấy được ý nghĩa, sự cần thiết, tính hiệu quả của việc đổi mới, đa dạng hóa các phương pháp và kỹ thuật dạy học để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo học sinh. Chỉ đạo Tổ chuyên môn tăng cường dự giờ, thảo giảng, góp ý chia sẻ kinh nghiệm tạo điều kiện cho giáo viên thực hiện nhuần nhuyễn và đa dạng phương pháp, hình thức dạy học nhằm thu hút học sinh tham gia, từ đó giúp cho các em học sinh luôn tự tin trước

đám đông, có khả năng phản biện trước những tình huống thực tế. Trong kế hoạch giáo dục của nhà trường sẽ đưa thêm vào nội dung chương trình giáo dục tiên tiến của các nước khu vực, cụ thể như mô hình dạy học thông minh, dạy học Stem . . .

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

Mức 4

Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Ngay từ đầu năm học, nhà trường chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm bằng

nhiều kênh khác nhau, tìm hiểu hoàn cảnh gia đình từng em để lập danh sách học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, nắm bắt tâm tư tình cảm và những khó khăn, vướng mắc mà các em đang phải trải qua để nhà trường lập kế hoạch giáo dục cho các đối tượng này. Bên cạnh đó, nhà trường chỉ đạo mỗi giáo viên bộ môn các lớp tiến hành tìm hiểu học sinh, từ đó xây dựng các kế hoạch giáo dục có biện pháp phù hợp giúp đỡ học sinh yếu kém, bồi dưỡng học sinh giỏi **[H5-5.2-01]**.

b) Nhà trường luôn quan tâm đến đối tượng học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn, nhà trường thường xuyên chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm và Tổng phụ trách đội quan tâm, trao đổi, chia sẻ hoàn cảnh của các em, kịp thời có biện pháp giúp đỡ các em trong học tập, cụ thể hỗ trợ dụng cụ học tập, học bổng, xe đạp, tặng bảo hiểm y tế . . . miễn giảm học phí, cấp bù chi phí học tập cho học sinh hộ nghèo, cận nghèo. Đối với học sinh có năng khiếu, nhà trường giao cho giáo viên bộ môn trực tiếp giảng dạy phát hiện, nhà trường lập kế hoạch bồi dưỡng qua quá trình học tập trong thời gian chính khóa, trường thành lập đội tuyển của trường tham gia hội thi học sinh giỏi và cuộc thi cấp huyện, cấp tỉnh như vẽ tranh, văn nghệ và các giải thể thao do ngành Giáo dục phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức. Đối với học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, nhà trường chỉ đạo giáo viên bộ môn có biện pháp giúp đỡ học sinh yếu kém trong học tập như phân nhóm có học sinh giỏi kèm học sinh yếu, tổ chức ôn tập kiến thức cơ bản ngay trong giờ học; thực hiện dạy trái buổi rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức bài dạy vào cuộc sống. Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên khuyến khích động viên, phối hợp chặt chẽ với gia đình học sinh học yếu kém, phối hợp với Liên đội trường xây dựng các phong trào “Đôi bạn cùng tiến” để giúp đỡ học sinh học yếu, kém. Kết quả thực hiện qua các năm học đều đạt chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra **[H5-5.2-02]**.

c) Sau mỗi lần tổng kết các đợt điểm nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn có thực hiện rà soát, đánh giá kết quả học tập văn hóa của học sinh học lực giỏi, yếu, kém theo định kỳ. Sau mỗi lần rà soát, đánh giá có đưa ra biện pháp,

giải pháp khả thi để thực hiện. Kết quả thực hiện sau khi rà soát, đánh giá cụ thể về số lượng học sinh giỏi đạt được với tỉ lệ luôn ổn định và có chiều hướng tăng dần qua từng năm và số lượng học sinh yếu kém giảm dần theo chỉ tiêu kế hoạch đề ra **[H5-5.2-03]**. Tuy nhiên hằng năm nhà trường vẫn còn một số học sinh yếu, kém/chưa đạt và học sinh lưu ban (tỉ lệ dưới 2,0%).

1.2. Mức 2

Trong các năm học qua, hầu hết học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng đạt mục tiêu giáo dục đề ra. Kết quả qua từng năm các chỉ tiêu đều đạt theo kế hoạch của trường, cụ thể như: học sinh có hoàn cảnh khó khăn được nhiều tổ chức, cá nhân hỗ trợ và giúp đỡ; học sinh năng khiếu và học sinh giỏi từng kì thi, hội thi đều đạt giải **[H1-1.1-03]**.

1.3. Mức 3

Hằng năm, nhà trường đều có học sinh tham gia đầy đủ các kì thi, hội thi, cuộc thi cấp Huyện, Tỉnh. Kết quả đạt được, cụ thể như sau: Năm học 2021-2022: Kì thi học sinh giỏi cấp Huyện đạt 13 giải (01 giải I môn Toán, 01 giải I môn Tin; 01 giải II môn Địa, 01 giải III môn Vật lí, 01 giải III môn Hóa học; 02 giải Khuyến khích môn Địa lí; 02 giải Khuyến khích môn Ngữ Văn; 01 giải Khuyến khích môn Sinh; 02 giải Khuyến khích môn Tiếng Anh). Kì thi học sinh giỏi cấp Tỉnh đạt 03 giải khuyến khích (Địa lí: 02 HS, Ngữ văn : 01 HS). Cuộc thi Khoa học kĩ thuật cấp Huyện đạt 04 giải (01 giải III tập thể; 01 giải III cá nhân và 02 giải KK cá nhân). Cuộc thi Khoa học kĩ thuật cấp Tỉnh đạt 02 giải (01 giải II, 01 giải Tư). Hội thi Tin học trẻ cấp Huyện đạt 01 giải Sản phẩm sáng tạo. Năm học 2022-2023: Kì thi học sinh giỏi cấp Huyện đạt 10 giải (01 giải I môn Địa lí, 01 giải II môn Tiếng Anh; 01 giải III môn Vật lí, 02 giải KK môn Địa lí; 01 giải KK môn Lịch sử; 01 giải KK môn Ngữ Văn; 01 giải KK môn Sinh học; 02 giải KK Tiếng Anh). Kì thi học sinh giỏi cấp Tỉnh đạt 03 (01 giải Nhì môn Địa lí; 01 giải Ba môn Vật lí; 01 giải KK môn Sinh học). Cuộc thi khoa học kĩ thuật cấp Huyện đạt 03 giải KK. Hội thi “Hùng biện Tiếng Anh” cấp Huyện Đạt 02 giải Nhất; 01 giải Nhì; 01 giải Ba. Hội thi “Hùng biện Tiếng Anh” cấp Tỉnh đạt 03

giải (01 giải KK lớp 6; 01 giải III lớp 7; 01 giải KK lớp 9). Hội thi Chỉ huy đội giỏi cấp Tỉnh đạt giải Nhì, 02 giải KK. Hội khỏe phù đồng cấp Huyện môn Bóng đá đạt giải B. Hội thao cấp Tỉnh đạt 02 Huy chương Đồng. Hội thi làm “Lồng đèn đẹp” cấp Huyện đạt giải Ba. Hội thi “Văn hóa đọc” đạt 01 giải Nhì, 01 giải B và 01 giải C. Hội thi vẽ tranh cấp Tỉnh đạt giải khuyến khích. Năm học 2023 - 2024: Kì thi học sinh giỏi cấp Huyện đạt tổng cộng 21 giải (01 giải Nhì môn Ngữ văn, 01 giải Ba môn Lịch sử; 01 giải Nhì môn Địa lí; 03 giải Ba môn Địa lí; 01 giải Nhì môn Tiếng anh; 01 giải KK môn Toán; 01 giải KK môn Vật lí, 03 giải KK môn Hóa; 03 giải KK môn Sinh; 03 giải KK môn Địa lí; 01 giải KK môn Tin; 02 giải KK môn Ngữ văn). Kì thi học sinh giỏi cấp Tỉnh đạt 02 giải khuyến khích (01 giải khuyến khích môn Địa lí; 01 giải khuyến khích môn Tiếng Anh). Hội thi khoa học kĩ thuật cấp Huyện đạt 03 giải khuyến khích. Hội thi Hùng biện tiếng Anh cấp Huyện đạt 03 giải I (gồm khối 6,7,8) và 01 giải III (Khối 9). Hội thi Hùng biện tiếng Anh cấp Tỉnh đạt 02 giải III (khối 6,8) và 02 giải Khuyến khích (khối 7,9). Cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp cấp Tỉnh có 04 dự án đạt giải (01 giải Nhất; 01 giải Ba; 02 giải Khuyến khích). Hội khỏe phù đồng cấp Huyện đạt giải Nhì toàn đoàn. Hội thi “ Văn hóa đọc” cấp Huyện đạt 01 giải Nhì, 01 giải III. Cuộc thi Đại sứ học đường cấp Huyện đạt giải Khuyến khích. Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng cấp Huyện đạt 01 giải Ba và 01 giải khuyến khích **[H5-5.2-04]**. Tuy nhiên kết quả kì thi học sinh giỏi môn văn hóa cấp Tỉnh số lượng học sinh đạt giải chưa ổn định, tỉ lệ đạt giải còn thấp.

1.4. Mức 4

Đầu năm học hàng năm nhà trường chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm và Tổng phụ trách Đội tổ chức rà soát và quản lí đối tượng học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục phù hợp từng đối tượng cụ thể. Nhà trường còn phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường như: Công đoàn, Đoàn Thanh niên thực hiện nhiều mô hình giúp đỡ học sinh yếu kém tiến bộ, quan tâm, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn với nhiều hình thức từ động viên tinh thần đến hỗ trợ vật chất như tập, sách, học bổng. Đặc biệt, đối với các em có năng khiếu về thể dục thể thao,

trường luôn tạo điều kiện để các em phát huy năng khiếu của mình. Kết quả học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục đạt theo kế hoạch giáo dục của nhà trường [H5-5.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, đáp ứng được mục tiêu giáo dục. Tổ chức tham gia đầy đủ các kì thi, hội thi phong trào cấp Huyện, Tỉnh. Kết quả học sinh năng khiếu và học sinh giỏi từng kì thi, hội thi, phong trào đều đạt giải. Duy trì thực hiện tốt công tác định kỳ rà soát, đánh giá kết quả học tập văn hóa của học sinh. Kết quả tỉ lệ học sinh giỏi đạt được luôn ổn định và có chiều hướng tăng dần, đối với tỉ lệ học sinh lưu ban, học sinh yếu kém giảm được dần qua từng năm học (đạt dưới 2%).

3. Điểm yếu

Hàng năm nhà trường vẫn còn một số học sinh yếu, kém/chưa đạt và học sinh lưu ban (tỉ lệ dưới 2,0%). Kết quả kì thi học sinh giỏi môn văn hóa cấp Tỉnh số lượng học sinh đạt giải chưa ổn định, tỉ lệ đạt giải còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, Hiệu trưởng chỉ đạo các Tổ chuyên môn và giáo viên bộ môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém/chưa đạt cần đề ra giải pháp cụ thể phù hợp từng đối tượng học sinh, để thực hiện có hiệu quả hơn. Đặc biệt luôn quan tâm tạo điều kiện cho giáo viên tham gia tập huấn, học tập kinh nghiệm ở trường bạn về công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, cải thiện chế độ khen thưởng khích lệ cho giáo viên theo thành tích đạt được trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi. Từ đó, tạo động lực cho đội ngũ giáo viên trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém, nhằm từng bước nâng cao chất lượng kết quả kì thi học sinh giỏi và kết quả học tập của học sinh trong những năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 4

Tiêu chí 3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng**1.1. Mức 1**

a) Nhà trường xây dựng Kế hoạch giáo dục địa phương cho lớp 6,7, 8 theo CTGDPT 2018, thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở những phân môn Địa lý, Lịch sử, Ngữ văn, Mỹ thuật, Âm nhạc, Sinh học, Giáo dục công dân theo thời khóa biểu chính khóa với 1 tiết/lớp/tuần. Nội dung giảng dạy theo hướng dẫn sử dụng tài liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp ban hành bao gồm những vấn đề cơ bản về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp... của địa phương. Đối với lớp 9 triển khai thực hiện hình thức dạy học tích hợp vào chương trình chính khóa ở các môn Ngữ Văn, Lịch Sử, Địa lí, Giáo dục công dân, Mỹ thuật, Âm nhạc, Thể dục, Công nghệ theo công văn 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008 của Bộ GDĐT [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]. Tuy nhiên Hoạt động Giáo dục địa phương của nhà trường phần lớn chỉ tổ chức giảng dạy trên lớp, việc tổ chức cho học sinh đi tham quan thực tế theo nội dung bài học còn ít.

b) Nhà trường chỉ đạo giáo viên dạy học chủ đề nào thực hiện việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với chủ đề đó theo kế hoạch. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, nội dung kiểm tra, đánh giá bao gồm nội dung các chủ đề đã dạy học đến thời điểm kiểm tra, đánh giá đối với lớp 6, 7, 8 khuyến khích thông qua bài thực hành, dự án học tập trên lớp dưới nhiều hình thức như cá nhân, nhóm. Đối với lớp 9 nhà trường

chỉ đạo giáo viên thực hiện lồng ghép vào bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ để kiểm tra, đánh giá học sinh [H5-5.3-03].

c) Hằng năm, vào cuối năm học nhà trường đều có chỉ đạo các tổ chuyên môn rà soát, đánh giá việc tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương trong năm có phù hợp không từ đó đề xuất nội dung cần được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị [H5-5.3-04]. Tuy nhiên công tác đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương, các tổ chuyên môn báo cáo còn chậm thời gian theo quy định.

1.2. Mức 2

Nhà trường xây dựng và tổ chức triển khai việc giảng dạy chương trình giáo dục địa phương có nội dung phù hợp với mục tiêu từng môn học và gắn lý luận với thực tiễn, gắn với thực trạng tại địa phương, tạo hứng thú, động lực học tập cho học sinh: Đối với môn Mỹ thuật, Lịch sử và Địa lí, giáo viên bộ môn tổ chức cho học sinh được đến tìm hiểu và chăm sóc khu tưởng niệm xã Tân Hộ Cơ, khu di tích Gò Quảng Cung – Giồng Thị Đam, tổ chức cho học sinh nghiên cứu về đặc điểm các loại cây trồng, vật nuôi ở tỉnh Đồng Tháp; Đối với môn Ngữ văn, Âm nhạc tích hợp giáo dục địa phương được thực hiện qua việc tổ chức cho học sinh tìm hiểu về hò, ca dao Đồng Tháp; Đối với môn GDCD giáo viên bộ môn tạo điều kiện cho học sinh giới thiệu về truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ ở địa phương; Đối với môn Công nghệ, giáo viên bộ môn tổ chức cho học sinh trồng và chăm sóc cây xanh [H5-5.3-05]. Từ đó kích thích, giáo dục học sinh lòng yêu quê hương đất nước, tự hào về truyền thống dân tộc, giúp việc giảng dạy giáo dục địa phương thực hiện đúng mục tiêu môn học là gắn lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành.

2. Điểm mạnh

Thực hiện chương trình giáo dục địa phương nghiêm túc theo quy định, bám sát chỉ đạo chuyên môn của ngành. Nội dung thực hiện phù hợp với tâm lý lứa tuổi học sinh và từng môn học. Được đánh giá, rút kinh nghiệm và có điều chỉnh qua từng năm học nhằm mang lại hiệu quả cao hơn.

3. Điểm yếu

Hoạt động Giáo dục địa phương của nhà trường phân lớn chỉ tổ chức giảng dạy trên lớp, việc tổ chức cho học sinh đi tham quan thực tế theo nội dung bài học còn ít. Công tác đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục quan tâm tạo điều kiện thuận lợi, đề giáo viên đề xuất tổ chức cho học sinh đi tham quan thực tế nhiều hơn nữa các khu di tích lịch sử, khu văn hóa của địa phương. Chỉ đạo Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn hướng dẫn, kiểm tra giám sát, đôn đốc nhắc nhở đối với các tổ chuyên môn và giáo viên phải chủ động thực hiện việc đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương một cách kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Hàng năm, nhà trường chủ động xây dựng các kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường. Cụ thể: kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục (gồm kế hoạch hoạt động NGLL, kế hoạch dạy hướng nghiệp học sinh lớp 9) [H5-5.4-01]; kế hoạch hoạt

động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh lớp 6, 7, 8, 9 [H5-5.4-02].

b) Mỗi năm học, nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh tham gia, tìm hiểu, mở rộng thêm kiến thức bộ môn và định hướng nghề nghiệp, rèn kỹ năng sống. Các kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức trong và ngoài nhà trường với các hình thức hoạt động sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, hoạt động giáo dục theo chủ đề. Phối hợp với trường Trung cấp Hồng Ngự, Trung tâm giới thiệu dịch vụ việc làm Đồng Tháp, Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp tổ chức tư vấn hướng nghiệp phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS [H5-5.4-03].

c) Căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường, hằng năm Hiệu trưởng phân công cán bộ quản lý, giáo viên đảm nhận việc tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với năng lực học sinh, cụ thể như: Hoạt động giáo dục NGLL, Hoạt động trải nghiệm và Hướng nghiệp do GVCN thực hiện; Hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh lớp 9 do Phó Hiệu trưởng thực hiện [H5-5.4-04].

1.2. Mức 2

a) Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức nhiều hình thức phong phú phù hợp với học sinh như: Tổ chức các buổi tư vấn hướng nghiệp tại sân cờ và trong lớp học. Hàng năm, Hiệu trưởng phối hợp với Trường Trung cấp Hồng Ngự, Trung tâm dịch vụ việc làm Đồng Tháp và Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp tổ chức cho học sinh lớp 9 tham quan trải nghiệm thực tế ít nhất 01 lần/năm. Năm học 2023-2024, học sinh của trường được tham quan Công ty Nhật Huy Khang, thành phố Hồ Chí Minh để có cơ hội định hướng nghề nghiệp đa dạng hơn. Từ đó, giúp cho học sinh cơ bản định hướng được nghề nghiệp tương lai [H5-5.4-05]. Tuy nhiên vẫn còn một số học sinh chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của hoạt động hướng nghiệp nên ít quan tâm, thường vắng trong các buổi tổ chức hoạt động. Ngoài ra số lần tổ chức tham quan trải nghiệm thực tế trong năm học còn ít, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của học sinh.

b) Sau mỗi học kì, trong các buổi họp tổ trưởng chuyên môn, họp chủ nhiệm hay trong cuộc họp hội đồng sư phạm Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên

môn tổ chức đánh giá, rà soát lại các kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp để rút kinh nghiệm điều chỉnh, bổ sung phù hợp trong các lần tổ chức sau đảm bảo an toàn, hiệu quả hơn [H5-5.4-06].

2. Điểm mạnh

Trường có xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường. Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch. Có phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

3. Điểm yếu

Còn một số học sinh chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của hoạt động hướng nghiệp nên ít quan tâm, thường vắng trong các buổi tổ chức hoạt động. Số lần tổ chức tham quan trải nghiệm thực tế trong năm học còn ít, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường phân công các Phó Hiệu trưởng, giáo viên chủ nhiệm tổ chức đa dạng các hình thức tư vấn hướng nghiệp, nhằm thu hút học sinh tham gia đầy đủ; tăng cường công tác tuyên truyền đến học sinh, cha mẹ học sinh lợi ích của việc định hướng nghề nghiệp khi còn ngồi trên ghế nhà trường để hạn chế thấp nhất số lượng học sinh sau tốt nghiệp THCS không tham gia học tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài tỉnh phải đi lao động kiếm sống khi không có nghề và đồng thời luôn quan tâm tạo điều kiện thuận lợi tổ chức nhiều đợt tham quan trải nghiệm thực tế tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế của học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) *Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;*

c) *Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.*

Mức 2

a) *Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;*

b) *Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.*

Mức 3

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

Mức 4

Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Hằng năm, nhà trường có lập kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống, cụ thể như: Kỹ năng giáo dục giới tính và hướng dẫn phòng chống xâm hại tình dục trẻ em dành cho học sinh Trung học cơ sở; Kỹ năng phòng chống đuối nước; Kỹ năng tự bảo vệ và chăm sóc bản thân; Kỹ năng sử dụng điện an toàn; Kỹ năng quản lý cảm xúc; Kỹ năng phòng chống cháy nổ; Kỹ năng giao tiếp trong học đường . . . phù hợp với khả năng của học sinh, điều kiện của nhà trường và địa phương **[H5-5.5-01]**.

b) Thông qua các hoạt động như tuyên truyền, giáo dục, kịp thời xử lý các vi phạm của học sinh nhằm giúp cho các em có suy nghĩ và hành động đúng đắn, chuẩn mực, từ đó quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội,

thực hành pháp luật của học sinh có chuyển biến tích cực, hiệu quả **[H5-5.5-02]**.

c) Qua các buổi tuyên truyền giáo dục về kỹ năng sống, đa số các em biết cách kiềm chế khi xung đột với bạn, biết tuân thủ an toàn giao thông, biết cách phòng chống đuối nước,... Ngoài ra trong quá trình học tập và thông qua các hoạt động như ngoài giờ lên lớp, hoạt động Đoàn Đội tại nhà trường, học sinh từng bước hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống phù hợp với pháp luật và phong tục, tập quán, văn hóa con người Việt Nam **[H5-5-05-03]**. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít học sinh vi phạm nội quy bị nhắc nhở, phê bình hàng tuần.

1.2. Mức 2

a) Qua hoạt động dạy và học của nhà trường và tuần lễ sinh hoạt đầu năm, giáo viên triển khai đến học sinh các văn bản hiện hành liên quan đến đánh giá học sinh qua quá trình rèn luyện và học tập tại nhà trường như các Thông tư về quy chế đánh giá xếp loại học sinh, Điều lệ trường phổ thông. Trong từng môn học, giáo viên có xây dựng tiêu chí đánh giá và học sinh tự nhận xét, đánh giá theo các tiêu chí này. Trong giờ sinh hoạt lớp, giờ hoạt động ngoại khóa, giáo viên chủ nhiệm thông qua nội quy lớp học, hướng dẫn xếp loại kết quả rèn luyện/hạnh kiểm, quy trình xử lý kỷ luật học sinh. Từ đó học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của bản thân và của bạn bè. Từng bước hình thành kỹ năng biết tự nhận xét và đánh giá rèn luyện để phát triển toàn diện. Kết quả rèn luyện/hạnh kiểm của học sinh hàng năm đều đạt chỉ tiêu đề ra **[H5-5.5-04]**.

b) Nhà trường thường xuyên đưa những kiến thức đã học vận dụng vào thực tiễn, lồng ghép vào tiết dạy chính khóa, vào hoạt động ngoài giờ lên lớp, phần lớn học sinh tiếp thu kiến thức và từng bước vận dụng kiến thức có hiệu quả vào trong đời sống thực tiễn thông qua việc kiểm tra, đánh giá sản phẩm, dự án và kết quả của bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ của học sinh có nội dung vận dụng kiến thức vào thực tiễn, kết quả đa số học sinh đều vận dụng tốt các kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống thực tế **[H5-5.1-04]**.

1.3. Mức 3

Bước đầu, một số học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công

nghệ theo sự hướng dẫn của giáo viên, cụ thể như phân công giáo viên chọn học sinh có năng khiếu hướng dẫn các em nghiên cứu khoa học, công nghệ tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật, cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp và cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng,... Với sự theo sát, hướng dẫn nhiệt tình của giáo viên bộ môn, cùng với sự nỗ lực ham học hỏi, đam mê tìm tòi nghiên cứu của các em học sinh trong một số cuộc thi đã mang lại kết quả khả quan. Kết quả cụ thể có tổng cộng 29 học sinh tham cuộc thi cấp Huyện và cấp Tỉnh với sự hướng dẫn nhiệt tình của 19 lượt giáo viên [H5-5.5-05]. Tuy nhiên khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ chỉ có ở số ít học sinh, đa số các em còn lúng túng, khó khăn trong hoạt động này.

1.4. Mức 4

Hằng năm nhà trường đều có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Kết quả tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật, Ý tưởng khởi nghiệp và Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng đạt 14 giải cấp Huyện và 07 giải cấp Tỉnh. Cụ thể đối với cuộc thi Khoa học kỹ thuật: Năm học 2019-2020 cấp Huyện đạt 01 giải Ba, cấp Tỉnh đạt 01 giải Nhì; Năm học 2020 – 2021 cấp Huyện đạt 01 giải khuyến khích. Năm học 2021-2022 cấp huyện đạt 02 giải Ba và 02 giải khuyến khích; Cấp Tỉnh đạt 01 giải Nhì và 01 giải Tư. Năm học 2022-2023 có 03 cấp Huyện đạt 03 giải khuyến khích (02 cá nhân, 01 tập thể); Năm học 2023-2024 cấp Huyện 04 giải khuyến khích (03 tập thể; 01 cá nhân). Đối với cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp năm học 2023-2024 đạt 04 giải cấp Tỉnh (01 giải Nhất, 01 giải Ba; 02 giải Khuyến khích). Đối với cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên đồng năm 2024 cấp Huyện đạt 01 giải Ba và 01 giải Khuyến khích [H5-5.5-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các kế hoạch giáo dục học sinh hình thành và phát triển kỹ năng sống thông qua các môn học, hoạt động ngoài giờ lên lớp,... qua đó học sinh tự biết cách đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của mình. Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán của địa phương và nội quy của nhà trường. Các hoạt

động nghiên cứu khoa học được nhà trường triển khai thực hiện tốt. Kết quả có nhiều học sinh tham gia và hằng năm đều đạt giải cấp huyện, tỉnh. Qua đó cho thấy học sinh có khả năng vận dụng kiến thức đã được trang bị để nghiên cứu thành công nhiều dụng cụ gắn liền với thực tiễn.

3. Điểm yếu

Nhà trường vẫn còn một số học sinh vi phạm nội quy bị nhắc nhở, phê bình hàng tuần. Khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ chỉ có ở số ít học sinh, đa số các em còn lúng túng, khó khăn trong hoạt động này.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024–2025, Hiệu trưởng trường tăng cường chỉ đạo Tổ tư vấn học đường phối hợp giáo viên Tổng phụ trách đội, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn thực hiện tốt hơn nữa công tác tư vấn tuyên truyền giáo dục đạo đức học sinh cho học sinh thông qua việc tổ chức các cuộc thi, phong trào, ...nhằm giúp học sinh ý thức hơn trong việc thực hiện nội quy nhà trường, từ đó hạn chế thấp nhất việc học sinh vi phạm bị nhắc nhở hàng tuần. Đồng thời luôn quan tâm tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên cốt cán tham quan học hỏi kinh nghiệm công tác hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học, từ đó giúp giáo viên mạnh dạn hỗ trợ tư vấn khích lệ các em học sinh mạnh dạn tự tin tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ đạt kết quả tốt.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 4

Tiêu chí 6: Kết quả giáo dục

Mức 1

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

c) *Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong*

05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó

khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

Mức 4

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Kết quả học lực/kết quả học tập, hạnh kiểm/kết quả rèn luyện của học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường qua 05 năm liên tục, từ năm học 2019- 2020 đến năm học 2023- 2024, cụ thể: kết quả rèn luyện/hạnh kiểm hằng năm học sinh được xếp loại khá, tốt đạt tỉ lệ trên 97%; Về học lực/kết quả học tập, hằng năm xếp loại Giỏi/Tốt đạt tỉ lệ từ 18% trở lên, loại khá đạt từ 37% trở lên, loại yếu kém/ Chưa đạt không quá 3% **[H5-5.6-01]**.

b) Tỷ lệ HS lên lớp và tốt nghiệp THCS đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường và có chuyển biến tích cực trong 05 năm từ năm học 2019–2020 đến năm học 2023–2024 như sau: Tỷ lệ HS lên lớp duy trì và ổn định trên 98,0% **[H5-5.6-02]**; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS duy trì và ổn định trên 99,0% **[H5-5.6-03]**.

c) Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức phân luồng học sinh thông qua công tác dạy hướng nghiệp. Trong giờ hướng nghiệp giáo viên phân tích những thuận lợi khó khăn đối với học sinh có học lực trung bình và những học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bên cạnh đó nhà trường phối hợp với Trường Trung

cấp Hồng Ngự, Trung tâm dịch vụ việc làm Đồng Tháp để giới thiệu đến cha mẹ học sinh, học sinh các ngành nghề do trường đào tạo. Kết quả tỉ lệ học sinh trúng tuyển vào lớp 10 hằng năm đạt tỉ lệ trên 89%, cụ thể học sinh trúng tuyển vào lớp 10 năm học 2020 – 2021 đạt tỉ lệ 96,43% (81/84 HS trúng tuyển); học sinh trúng tuyển vào lớp 10 năm học 2021 – 2022 đạt tỉ lệ 98,81% (83/84 HS trúng tuyển); học sinh trúng tuyển vào lớp 10 năm học 2022 – 2023 đạt tỉ lệ 91,38% (106/116 HS trúng tuyển); học sinh trúng tuyển vào lớp 10 năm học 2023 – 2024 đạt tỉ lệ 89,13% (123/138 HS trúng tuyển); học sinh trúng tuyển vào lớp 10 năm học 2024 2025 đạt tỉ lệ tỉ lệ 94,49% (120/127 học sinh trúng tuyển). Kết quả học sinh tham gia học nghề và học phổ thông (hệ GDTX) hằng năm đạt tỉ lệ trên 22%, cụ thể năm học 2024- 2025 có 13/57 học sinh tham gia học nghề, đạt tỉ lệ 22,81% và 13/57 học sinh tham gia học phổ thông (hệ GDTX), đạt tỉ lệ 22,81%. **[H5-5.6-04]**.

1.1. Mức 2

a) Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo a Mức 1

b) Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo b Mức 1

1.1. Mức 3

a) Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo a Mức 1

b) Hằng năm, tỉ lệ học sinh lưu ban không quá 02%, cụ thể năm học 2019-2020 là 1,99%; năm học 2020 -2021 là 1,36%; năm học 2021-2022 là 1,63%; năm học 2022-2023 là 0,54%; năm học 2023-2024 là 0,27%). Tỉ lệ học sinh bỏ học qua các năm, cụ thể như: năm học 2019-2020 là 2,05% (15/732); năm học 2020 - 2021 là 1,79% (14/782); năm học 2021-2022 là 2,30% (18/783); năm học 2022-2023 là 0,00% (0/769); năm học 2023-2024 là 0,65 % (5/771) **[H5-5.6-05]**. Tuy nhiên tỷ lệ học sinh bỏ học ở các năm học trước, từ năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022) vượt quá 1,0%.

1.4. Mức 4

Đến thời điểm đánh giá, kết quả giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường trong 02 năm học (2022-2023; 2023-2024) được UBND Huyện tặng giấy khen có học sinh đạt giải và cộng đồng ghi nhận vượt trội so với

các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng[H5-5.6-06].

2. Điểm mạnh

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp: học lực (kết quả học tập) Giỏi (Tốt) đạt tỉ lệ từ 18% trở lên, loại khá đạt từ 37% trở lên. Hạnh kiểm (kết quả rèn luyện) Khá, Tốt đạt trên 97%. Tỉ lệ học sinh lên lớp trên 98%. Trong 05 năm liên tục tỉ lệ học sinh lưu ban không quá 02% và bình quân trên 99% học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS. Tỉ lệ học sinh tham gia thi tuyển và đỗ vào lớp 10 THPT hàng năm đạt trên 90%. Hằng năm, nhà trường đều có phối hợp với các trường nghề tổ chức tư vấn hướng nghiệp cho học sinh lớp 9, kết quả bình quân học sinh tham gia học nghề và học phổ thông hệ Giáo dục thường xuyên đạt tỉ lệ trên 22%.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ học sinh bỏ học ở một số năm học trước (từ năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022) vượt quá 1,0%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm tăng cường hơn nữa việc phối hợp với cha mẹ học sinh để có biện pháp vận động, giáo dục học sinh một cách phù hợp, nhằm thu hút học sinh đến trường, hạn chế tình trạng học sinh bỏ học vượt quá quy định của ngành.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

*** Điểm mạnh:**

- Nhà trường có duy trì thực hiện việc xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục cho cả năm học, học kì, tháng trên cơ sở hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Phòng GD&ĐT.

- Các Tổ chuyên môn duy trì triển khai thực hiện tốt nội dung kế hoạch giáo dục của tổ. Đặc biệt triển khai thực hiện chương trình giáo dục địa phương nghiêm túc theo quy định, luôn bám sát chỉ đạo chuyên môn của ngành.

- Hằng năm nhà trường có tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh. Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, trò chơi dân

gian và sinh hoạt tập thể cho học sinh.

- Học sinh được giáo dục về kỹ năng sống thông qua học tập trong các chương trình chính khóa và rèn luyện trong các hoạt động xã hội theo kế hoạch của nhà trường.

- Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp đáp ứng mục tiêu giáo dục.

- Việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng hằng năm có sự thay đổi tiến bộ tích cực.

*** Điểm yếu:**

- Chất lượng của học sinh chưa thật đồng đều, tỷ lệ học sinh yếu, kém vẫn còn.

- Tỷ lệ học sinh học sinh bỏ học hằng năm, mặc dù có giảm đạt chỉ tiêu theo quy định (02 năm liền, từ năm 2022-2024 tỉ lệ học sinh bỏ học dưới 1,0%). Tuy nhiên học sinh nghỉ học sau khi tốt nghiệp THCS tham gia lao động tự do vẫn còn nhiều.

- Công tác đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương của các tổ chuyên môn chưa kịp thời.

*** Tổng số tiêu chí đạt, tiêu chí không đạt:**

Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu 06/06, tỉ lệ 100%, Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu 00/06, tỉ lệ 0,0%,

Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu 06/06, tỉ lệ 100%, Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu 00/06, tỉ lệ 0,0%,

Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu 04/04, tỉ lệ 100%, Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu 00/04, tỉ lệ 0,0%,

Mức 4: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu 02/04, tỉ lệ 50,0%, Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu 02/04, tỉ lệ 50,0%

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Được sự quan tâm của Đảng ủy, UBND xã Tân Hộ Cơ và Phòng Giáo dục

- Đào tạo Tân Hồng, UBND Huyện nên Trường THCS Tân Hộ Cơ có được một

cơ ngơi khang trang tương đối đầy đủ các khối phòng học, khối phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính quản trị. Các hoạt động giáo dục của nhà trường luôn đạt ở mức cao và bền vững. Đội ngũ giáo viên của nhà trường giỏi về chuyên môn, trong sáng, gương mẫu về đạo đức, luôn đáp ứng được yêu cầu phát triển, đổi mới giáo dục được cha mẹ học sinh tin tưởng giao con mình cho giáo viên giảng dạy. Chất lượng giáo dục của nhà trường không ngừng được nâng lên, các phong trào thi đua đạt hiệu quả cao, hằng năm có học sinh đạt giải cấp huyện, cấp tỉnh. Năm năm qua nhà trường đều được UBND huyện Tân Hồng khen tặng danh hiệu “Tập thể lao động Tiên Tiến”, được UBND tỉnh tặng bằng khen đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, cờ thi đua thành tích dẫn đầu phong trào thi đua khối THCS. Tuy nhiên, nhà trường cũng còn những khó khăn nhất định như: điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế, không đủ phòng học để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày theo nhu cầu của CMHS, sân chơi, bãi tập của trường còn hẹp, việc đáp ứng nhu cầu vui chơi, luyện tập của các em ảnh hưởng; các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cũng còn hạn chế, tỉ lệ học sinh đạt giải ở một số hội thi còn thấp, chưa bền vững.

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt:

	Không đạt		Đạt	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Mức 1	0/28	0%	28/28	100%
Mức 2	0/28	0%	28/28	100%
Mức 3	04/20	20%	16/20	80%
Mức 4	04/06	66,67%	02/06	33,33%

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: **Đạt mức 2**
- Cơ sở giáo dục đề nghị đạt KĐCLGD: **Cấp độ 2**
- Cơ sở giáo dục đề nghị đạt CQG: **Mức độ 1**

Tân Hộ Cơ, ngày 05 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Trần Bảo Thy

Phần IV. CÁC PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1. BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn 2030 Biên bản triển khai Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn 2030	Số: 292/KH-THCSTHC, ngày 28/10/2020. Biên bản ngày 26/10/2020. Biên bản ngày 01/11/2020.	VT	
	2	[H1-1.1-02]	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Tân Hộ Cơ lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025	Số 01-NQ/ĐH ngày 24/6/2020	Đảng bộ xã	
Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã Tân Hộ Cơ giai đoạn 2021-2025			Số 03, 04-NQ/HĐND ngày 25/12/2020 Số 18-NQ/HĐND ngày 24/12/2021 Số 07-NQ/HĐND ngày 26/12/2022	HĐND xã		
Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2020 -2025			Số 69 /KH -UBND ngày 09/5/2023	UBND xã		
	3	[H1-1.1-03]	Báo cáo sơ kết, tổng kết của trường.	Số: 12/BC-THCSTHC, ngày 16/01/2021 Số: 88/BC-THCSTHC, ngày 03/06/2021 Số: 22/BC-THCSTHC, ngày 24/01/2022 Số: 135/BC-THCSTHC, ngày 07/06/2022 Số: 14/BC-THCSTHC, ngày 14/01/2023 Số: 98/BC-THCSTHC, ngày 20/5/2023 Số: 10/BC-THCSTHC, ngày 18/01/2024 Số: 94/BC-THCSTHC, ngày 27/05/2024	VT	
	4	[H1-1.1-04]	http://thcstanhoco.pgdtanhong.edu.vn	Ngày 10/7/2024	Nhóm thực hiện	
	5	[H1-1.1-05]	Sổ nghị quyết của nhà trường	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Văn thư	
	6	[H1-1.1-06]	Báo cáo và biên bản rà soát kết quả tổ chức thực hiện kế hoạch chiến lược giai đoạn	Số: 287/BC-THCSTHC, ngày 10 tháng 10 năm 2022	VT	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			2020-2025 tầm nhìn 2030	Số: 338/BC-THCSTHC, ngày 12 tháng 12 năm 2022 Biên bản ngày 30/7/2024		
Tiêu chí 1.2	7	[H1-1.2-01]	Quyết định công nhận Hội đồng trường	Số: 67/QĐ-UBND.TL, ngày 17/3/2022	VT	
	8	[H1-1.2-02]	Quyết định kiện toàn Hội đồng trường nhiệm kỳ 2022-2027	Số: 190/QĐ-UBND.TL, ngày 18/11/2023	VT	
	9	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng;	Số: 271/QĐ-THCSTHC, ngày 13/10/2020 Số: 129/QĐ-THCSTHC, ngày 28/10/2021 Số: 161/QĐ-THCSTHC, ngày 10/10/2022 Số: 169/QĐ-THCSTHC, ngày 16/10/2023	VT	
	10	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Sáng kiến kinh nghiệm (SKKN), hội đồng chấm Khoa học kỹ thuật (KHKT), hội đồng chấm Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng (STTTNNĐ)	Bổ sung	VT	
	11	[H1-1.2-05]	Quyết định thành lập Tổ công tác tư vấn;	Số: 285/QĐ-THCSTHC, ngày 26/10/2020 Số: 157/QĐ-THCSTHC, ngày 10/12/2021 Số: 140/QĐ-THCSTHC, ngày 13/9/2022 Số: 172/QĐ-THCSTHC, ngày 16/10/2023	VT	
	12	[H1-1.2-06]	Quyết định thành lập Hội đồng Kỹ luật học sinh;	Số: 327/QĐ-THCSTHC, ngày 03/12/2020 Số: 45/QĐ-THCSTHC, ngày 17/4/2021 Số: 20/QĐ-THCSTHC, ngày 18/2/2022 Số: 21/QĐ-THCSTHC, ngày 21/02/2022 Số: 57, 58/QĐ-THCSTHC, ngày 26/03/2022	VT	
	13	[H1-1.2-07]	Kế hoạch và quy chế hoạt động của Hội đồng trường	Số: 222/KH-THCSTHC.HĐT, ngày 20/8/2022 Số: 192/KH-THCSTHC.HĐT, ngày 30/8/2023 Số: 100/QĐ-THCSTHC.HĐT, ngày 23/8/2022	VT	c

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
	14	[H1-1.2-08]	Nghị quyết của Hội đồng trường	Số: 221/NQ-THCSTHC.HĐT, ngày 20/8/2022 Số: 07/NQ-THCSTHC.HĐT, ngày 07/01/2023 Số: 103/NQ-THCSTHC.HĐT, ngày 27/5/2023 Số: 191/NQ-THCSTHC.HĐT, ngày 30/8/2023 Số: 99/NQ-THCSTHC.HĐT, ngày 28/5/2024	VT	
	15	[H1-1.2-09]	Biên bản họp của Hội đồng trường	Biên bản ngày 20/8/2022 Biên bản ngày 07/01/2023 Biên bản ngày 27/5/2023 Biên bản ngày 30/8/2023 Biên bản ngày 20/01/2024 Biên bản ngày 28/5/2024	VT	
	16	[H1-1.2-10]	Giấy khen về tập thể trường	Số: 24-QĐ/UBND.TĐKT, ngày 26/6/2020 Số: 45-QĐ/UBND, ngày 22/10/2020 Số: 110-QĐ/UBND.TĐKT, ngày 30/7/2021 Số: 106-QĐ/UBND.TĐKT, ngày 12/7/2022 Số: 127-QĐ/UBND.TĐKT, ngày 11/11/2022 Số: 136-QĐ/UBND.TĐKT, ngày 07/9/2023	VT	
Tiêu chí 1.3	17	[H1-1.3-01]	Quyết định thành lập (chuẩn y) Công đoàn;	Số: 32/QĐ-LĐLĐ, ngày 20/9/2017 Số: 65/QĐ-LĐLĐ, ngày 11/5/2023	Công đoàn	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
	18	[H1-1.3-02]	Quyết định thành lập (chuẩn y) Đội;	Số: 10-QĐ/HĐĐ, ngày 10/11/2021 Số: 32-QĐ/HĐĐ, ngày 06/11/2022 Số: 06-QĐ/HĐĐ, ngày 06/11/2023	Đội	Đội, CD
	19	[H1-1.3-03]	Kế hoạch hoạt động của tổ chức Công đoàn	Số: 01/KH-CĐCS, ngày 10/9/2019 Số: 01/KH-CĐCS, ngày 07/9/2020 Ngày 25/10/2021 Ngày 08/10/2022 Ngày 30/9/2023	Công đoàn	
	20	[H1-1.3-04]	Kế hoạch hoạt động Đội	Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Đội	
	21	[H1-1.3-05]	Báo cáo sơ kết, tổng kết của Công đoàn	Ngày 24/9/2020 Số: 01/BC-BGH-CD, ngày 28/01/2021 Ngày 08/10/2022	Công đoàn	
Báo cáo sơ kết, tổng kết của Đội			Số: 02/BC-LĐ, ngày 01/01/2022 Số: 04/BC-LĐ, ngày 01/01/2023 Số: 09/BC-LĐ, ngày 01/05/2023 Số: 04/BC-LĐ, ngày 18/12/2023 Số: 08/BC-TKLĐ, ngày 17/05/2024	Đội		
	22	[H1-1.3-06]	Quyết định Công đoàn vững mạnh	Số: 21/QĐ-LĐLĐ, ngày 19/07/2022 Số: 71/QĐ- LĐLĐ, ngày 26/06/2023	Công đoàn	
	23	[H1-1.3-07]	Quyết định và giấy khen Đội thiếu niên tiên phong	Số: 04/QĐ-HĐĐ, ngày 14/09/2022 Số: 15/QĐ-HĐĐ, ngày 24/07/2023 Số: 423/QĐKT/TWĐTN-VP, ngày 06/09/2023	Đội	
	24	[H1-1.3-08]	Quyết định thành lập tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam của nhà trường; (Quyết định chuẩn y).	Số: 193-QĐ/ĐU, ngày 26/02/2020 Số: 189-QĐ/ĐU, ngày 26/05/2020 Số: 34-QĐ/ĐU, ngày 29/07/2022 Số: 45-QĐ/ĐU, ngày 01/08/2022 Số: 57-QĐ/ĐU, ngày 01/08/2022	Chi bộ	
	25	[H1-1.3-09]	Báo cáo năm của chi bộ	Ngày 24/9/2019 Ngày 24/9/2020	Chi bộ	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				Ngày 24/9/2021 Ngày 24/9/2022 Ngày 28/9/2023		
	26	[H1-1.3-10]	Quyết định hoặc chứng nhận, giấy khen, bằng khen của tổ chức Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ.	Số: 152-QĐ/ĐU, ngày 14/01/2020 Số: 24-QĐ/ĐU, ngày 14/01/2020 Số: 29-TB/ĐU, ngày 16/12/2021 Số: 58-TB/ĐU, ngày 16/11/2022 Số: 44-QĐ/ĐU, ngày 11/11/2022 Số: 110/QĐ-UBND.TĐKT, ngày 17/5/2023 Số: 86-QĐ/ĐU, ngày 16/10/2023 Số: 102-TB/ĐU, ngày 24/10/2023 Số: 89-QĐ/ĐU, ngày 22/11/2023	Chi bộ	
	27	[H1-1.3-11]	Hình ảnh tham gia trồng cây, vệ sinh, xây dựng nông thôn mới.	Nhóm khảo sát ngày 10/7/2024	Nhóm thực hiện	
Tiêu chí 1.4	28	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng hoặc Quyết định công nhận hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng;	Số: 462/QĐ-UNND.TCCB, ngày 03/11/2020 Số: 244/QĐ-UNND.TCCB, ngày 17/5/2021 Số: 170/QĐ-UNND.TCCB, ngày 04/7/2022	VT	
	29	[H1-1.4-02]	Quyết định thành lập các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng;	Số: 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100/QĐ-THCSTHC, ngày 03/9/2021 Số: 117, 118, 119, 120, 121, 122, 123, 124, 125 /QĐ-THCSTHC, ngày 05/9/2022 Số: 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95/QĐ-THCSTHC, ngày 30/8/2023	VT	
	30	[H1-1.4-03]	Kế hoạch hoạt động của các tổ theo năm, tháng, tuần.	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	TCM	
	31	[H1-1.4-04]	Các chuyên đề của tổ chuyên môn;	Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	TCM	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		
	32	[H1-1.4-05]	Biên bản sinh hoạt tổ chuyên môn;	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	TCM	
	33	[H1-1.4-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết của tổ chuyên môn;	Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	TCM	
	34	[H1-1.4-07]	Các minh chứng để chứng minh được sau khi thực hiện các chuyên đề chuyên môn thì chất lượng giáo dục được cải thiện. (Tổ Lịch sử - Địa Lí).	Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	TCM	
Tiêu chí 1.5	35	[H1-1.5-01]	Sổ đăng bộ;	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	VT	
	36	[H1-1.5-02]	Bảng tổng hợp thông tin về các lớp theo từng năm học (họ tên GVCN, lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó);	Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	GVCN	
	37	[H1-1.5-03]	Biên bản họp bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó;	Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	GVCN	
	38	[H1-1.5-04]	Sổ chủ nhiệm;	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	VT	
	39	[H1-1.5-05]	Sổ gọi tên, ghi điểm	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	VT	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		
Tiêu chí 1.6	40	[H1-1.6-01]	Sổ Đầu bài	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	VT	
	41	[H1-1.6-02]	Sổ Quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	VT	
	42	[H1-1.6-03]	Sổ theo dõi phổ cập GD	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	PHT	
	43	[H1-1.6-04]	Sổ theo dõi HS chuyển đi, chuyển đến	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	VT	
	44	[H1-1.6-05]	Hồ sơ thi đua của nhà trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	VT	
	45	[H1-1.6-06]	Hồ sơ kiểm tra đánh giá giáo viên và nhân viên (KTNB)	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	PHT	
	46	[H1-1.6-07]	Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật học sinh	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	VT	
	47	[H1-1.6-08]	Sổ Quản lý và lưu trữ các văn bản và công văn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	VT	
	48	[H1-1.6-09]	Sổ Quản lý tài sản	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Kế toán	
	49	[H1-1.6-10]	Sổ quản lý tài chính	Nhóm khảo sát ngày 10/7/2024	Kế toán	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
	50	[H1-1.6-11]	Hồ sơ Quản lý thiết bị dạy học và thực hành thí nghiệm	Năm học 2022 Năm học 2023 Năm học 2024	Thiết bị	
	51	[H1-1.6-12]	Hồ sơ Quản lý thư viện	Năm học 2022 Năm học 2023 Năm học 2024	Thư viện	
	52	[H1-1.6-13]	Hồ sơ Theo dõi sức khỏe học sinh	Năm học 2022 Năm học 2023 Năm học 2024	Y tế	
	53	[H1-1.6-14]	Kế hoạch dự toán thu chi vào đầu năm	Số: 189/KH-THCSTHC, ngày 05/9/2020 Số: 210/KH-THCSTHC, ngày 01/10/2021 Số: 47/KH-THCSTHC, ngày 23/02/2022 Số: 29/KH-THCSTHC, ngày 14/02/2023 Số: 204/KH-THCSTHC, ngày 09/09/2023	Kế toán	
	54	[H1-1.6-15]	Báo cáo sơ kết, tổng kết về công tác tài chính; báo cáo công khai tài chính hằng năm;	Năm học 2022 Năm học 2023 Năm học 2024	Kế toán	
	55	[H1-1.6-16]	Hình ảnh công khai tài chính trên website	Nhóm khảo sát ngày 10/7/2024		
	56	[H1-1.6-17]	Quy chế chi tiêu nội bộ của trường;	Năm học 2021 Năm học 2022 Năm học 2023 Năm học 2024	VT	
	57	[H1-1.6-18]	Phần mềm quản lý quản lý hành chính, tài chính và tài sản của trường;	Nhóm khảo sát ngày 10/7/2024	Kế toán	
	58	[H1-1.6-19]	Biên bản, thông báo, kết luận của các cấp có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến tài sản, tài chính;	Số: 03/BB-KT, ngày 15/4/2024 Số: 46/QĐ-PDGĐT, ngày 11/4/2024 (BB kiểm tra ngày 17/4/2024)	VT	
	59	[H1-1.6-20]	Đề án tạo nguồn tài chính cho nhà trường (Căn tin)	Số: 131/ĐA-THCSTHC, ngày 01/06/2022	Kế toán	
	60	[H1-1.6-21]	Hồ sơ chứng minh nguồn tài chính đã huy động được;	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Kế toán	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2023-2024		
Tiêu chí 1.7	61	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên chuyên môn, nghiệp vụ và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hàng năm;	Số: 102/KH-THCSTHC, ngày 16/6/2020 Số: 91/KH-THCSTHC, ngày 07/06/2021 Số: 139/KH-THCSTHC, ngày 10/06/2022 Số: 111/KH-THCSTHC, ngày 15/06/2023	VT	
	62	[H1-1.7-02]	Bảng phân công nhiệm vụ cho CBGVNV hàng năm;	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	PHT	
	63	[H1-1.7-03]	Bảng nhận chế độ lương và các chế độ phụ cấp khác của giáo viên hàng tháng; Quyết định chi trả chế độ khi giáo viên, nhân viên đi học.	Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Kế toán	
	64	[H1-1.7-04]	Biên bản Hội nghị CBCCVV hàng năm; Quy chế làm việc hàng năm.	Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	VT	
	65	[H1-1.7-05]	Quyết định phân công BDHSG, KHKT, Ý tưởng khởi nghiệp...	Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	VT	
Tiêu chí 1.8	66	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục của nhà trường;	Số: 190/KH-THCSTHC, ngày 10/9/2021 Số: 234/KH-THCSTHC, ngày 07/9/2022 Số: 198/KH-THCSTHC, ngày 07/9/2023	VT	
	67	[H1-1.8-02]	Kế hoạch giáo dục của giáo viên;	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	TTCM	
	68	[H1-1.8-03]	Nội dung điều chỉnh, bổ sung kế hoạch giáo dục của nhà trường;	Số: 42/THCSTHC, ngày 15/02/2022	VT	
Tiêu chí 1.9	69	[H1-1.9-01]	Quy chế dân chủ của nhà trường;	Số: 124/QĐ-THCSTHC, ngày 28/10/2021 Số: 173/QĐ-THCSTHC, ngày 20/10/2022 Số: 149/QĐ-THCSTHC, ngày 02/10/2023	VT	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
	70	[H1-1.9-02]	Nghị quyết Hội nghị CBCCVV;	Số: 233/NQ-THCSTHC, ngày 03/10/2020 Số: 238/NQ-THCSTHC, ngày 02/11/2021 Số: 285/NQ-THCSTHC, ngày 10/10/2022 Số: 227A/NQ-THCSTHC, ngày 30/9/2023	VT	
	71	[H1-1.9-03]	Hồ sơ tiếp công dân;	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	VT	
	72	[H1-1.9-04]	Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân;	Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	VT	
	73	[H1-1.9-05]	Báo cáo việc thực hiện Quy chế dân chủ của nhà trường;	Số: 231/BC-THCSTHC, ngày 03/10/2020 Số: 226/BC-THCSTHC, ngày 25/10/2021 Số: 283/BC-THCSTHC, ngày 08/10/2022 Số: 222/BC-THCSTHC, ngày 28/9/2023	VT	
	74	[H1-1.10-01]	Các Kế hoạch an toàn giao thông, giáo dục pháp luật, đảm bảo an ninh trật tự	Số: 196/KH-THCSTHC, ngày 13/9/2019 Số: 26/KH-THCSTHC, ngày 24/02/2020 Số: 21/KH-THCSTHC, ngày 05/2/2021 Số: 07/KH-THCSTHC, ngày 05/01/2021 Số: 20/KH-THCSTHC, ngày 08/02/2021 Số: 59/KH-THCSTHC, ngày 19/02/2021 Số: 67/KH-THCSTHC, ngày 27/4/2021 Số: 208/KH-THCSTHC, ngày 01/10/2021 Số: 62/KH-THCSTHC, ngày 09/3/2022 Số: 44/KH-THCSTHC, ngày 21/2/2022 Số: 227/KH-THCSTHC, ngày 24/8/2022 Số: 139/KH-THCSTHC, ngày 13/9/2022 Số: 301/KH-THCSTHC, ngày 25/10/2022 Số: 45/KH-THCSTHC, ngày 09/2/2023 Số: 90/KH-THCSTHC, ngày 10/5/2023 Số: 35/KH-THCSTHC, ngày 27/2/2023 Số: 25/KH-THCSTHC, ngày 07/2/2023	VT	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.10	75	[H1-1.10-02]	Kế hoạch phòng chống ma túy	Số: 82/KH-THCSTHC, ngày 04/04/2022	VT	
	76	[H1-1.10-03]	Kế hoạch phòng chống dịch bệnh Covid-19	Số: 243/KH-THCSTHC, ngày 09/9/2022	VT	
	77	[H1-1.10-04]	Kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước	Số: 72/KH-THCSTHC, ngày 13/4/2023	VT	
	78	[H1-1.10-05]	Kế hoạch phòng chống cháy nổ		VT	
	79	[H1-1.10-06]	Kế hoạch phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường		VT	
	80	[H1-1.10-07]	Kế hoạch an toàn thực phẩm		Y T	
	81	[H1-1.10-08]	Văn bản phối hợp với Công an có nội dung liên quan;	Số: 44/KHLT-THCS-CAX-XÃ ĐOÀN THC, ngày 11/03/2016 Số: 197/KHLT-THCS-CAX, ngày 13/9/2019 Số: 191, 192/KHPH-CA-THCS, ngày 10/9/2021	VT	
	82	[H1-1.10-09]	Giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm;	Số: 02/2017/ATTP-CNĐK, ngày 07/2/2017 Số: 10/2024/ATTP-CNĐK, ngày 25/05/2024	NVYT	
	83	[H1-1.10-10]	Hình ảnh camera giám sát	Thực hiện ngày 17/4/2024	Nhóm thực hiện	
	84	[H1-1.10-11]	Thông báo kết luận của cơ quan công an, chính quyền địa phương có liên quan về an ninh trật tự, an toàn trường học;	Số: 537/Q Đ-UBND ngày 19/10/2021 Số: 200/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 Số: 178/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 Số: 65/BC-THCSTHC ngày 10/03/2022 Số: 215/BC- THCSTHC ngày 18/9/2023 Số: 293/BC- THCSTHC ngày 11/12/2023	VT	
	85	[H1-1.10-12]	Hòm thư góp ý của nhà trường; Số điện thoại đường dây nóng của trường;	Số: 188/TB-THCSTHC ngày 10/09/2021	Nhóm thực hiện	
	86	[H1-1.10-13]	Kế hoạch dạy học khuyết tật	Số: 242/KH-THCSTHC, ngày 09/9/2022 Số: 207/KH-THCSTHC, ngày 16/9/2023	PHT	
	87	[H1-1.10-14]	Các hình ảnh, bài viết về tuyên truyền ANTT, ATGT, bình đẳng giới, bạo lực học	Ngày 17/04/2024	Nhóm thực hiện	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			đường, xâm hại trẻ em, phòng cháy chữa cháy...			
	88	[H1-1.10-15]	Biên bản của nhà trường xử lý các sự việc có liên quan;	BB ngày 20/10/2023 BB ngày 11/12/2023 BB ngày 21/12/2023 BB ngày 20/4/2024	VT	
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Bằng cấp về chuyên môn, chính trị của Hiệu trưởng	- Số 1994/QĐ-ĐH ngày 23/11/1990 - Ngày 4/8/2016 - Số 48QĐ CNNCQ11-19 - Số 228/CBQL2011 - Số 15 QĐ-TCT ngày 11/6/2018	Hiệu trưởng	
	2	[H2-2.1-02]	Bằng cấp về chuyên môn, chính trị của Phó hiệu trưởng	*PHT 1 - Số 1994/QĐ-ĐH ngày 23/11/1990 - Số 635/2011, này 10/8/2011 - Ngày 30/12/2015 - Số 34/QĐ-TCT ngày 22/2/2011 * PHT 2 - Số 1994/QĐ-ĐH ngày 23/11/1990 - Ngày 17/5/2002 - Số 2733/QĐ-ĐHCT ngày 21/09/2020 - Số 0613/CBQL ngày 15/4/2022 - Ngày 15/8/2023	Phó hiệu trưởng	
	3	[H2-2.1-03]	Quyết định tuyển dụng, Quyết định bổ nhiệm đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng. Thông báo nhận xét, xếp loại của UBND huyện đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	- Số 2498/QĐ.TCCQ ngày 2/8/1999 - Số 198/QĐ.BTCCQ ngày 6/8/2001 - Số 61/QĐ.BTCCQ ngày 4/8/2003 - Số 17/QĐ-UBND.TCCB ngày 4/7/2022 Số 224/QĐ-UBND.TCCB ngày 17/5/2021 Số 462/QĐ-UBND.TCCB ngày 3/11/2020 - Số 154/TB-UBND, ngày 6/10/2020 - Số 270/TB-UBND, ngày 25/8/2021	Hiệu trưởng Phó hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				- Số 179/TB-UBND, ngày 26/9/2022 - Số 246/TB-UBND, ngày 22/9/2023 - Số 224/TB-UBND, ngày 6/10/2020 - Số 279/TB-UBND, ngày 26/8/2021 - Số 129/TB-UBND, ngày 31/8/2023 - Số 150/TB-UBND, ngày 15/8/2020 - Số 254/TB-UBND, ngày 25/8/2021 - Số 297/TB-UBND, ngày 13/10/2022 - Số 179/TB-UBND, ngày 22/9/2023		
	4	[H2-2.1-04]	Giấy khám sức khỏe của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	- Số 1631/GKSK, ngày 28/6/2021 - Số 940/GKSK, ngày 15/01/2021 - Số 722/GKSK, ngày 21/10/2020	Hiệu trưởng Phó hiệu trưởng	
	5	[H2-2.1-05]	Phiếu đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của Phòng GD&ĐT	- Ngày 10/8/2020 - Ngày 10/9/2022	Hiệu trưởng Phó hiệu trưởng	
	6	[H2-2.1-06]	Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn, văn bản tập huấn, chứng chỉ cán bộ quản lý giáo dục của Hiệu trưởng.	Năm học 2019 đến năm học 2022	Hiệu trưởng	
	7	[H2-2.1-07]	Giấy chứng nhận bồi dưỡng, văn bản tập huấn của Phó hiệu trưởng.	Năm học 2019 đến năm học 2022	Phó hiệu trưởng	
	8	[H2-2.1-08]	Văn bản triệu tập học chuyên đề và chuyên môn.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng Phó hiệu trưởng	
	9	[H2-2.1-09]	Biên bản ý kiến của GV, NV nhận xét đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023 - 2024	Văn thư	
	1	[H1-1.7-02]	Bảng phân công chuyên môn	Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023 - 2024	Phó hiệu trưởng	
	2	[H2-2.2-01]	Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ	Năm học 2021-2022	Văn thư	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 2.2			đào tạo Văn bằng chuyên môn của giáo viên.	Năm học 2022-2023 Năm học 2023 - 2024		
	3	[H2-2.2-02]	Bảng tổng hợp đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ năm 2021 đến 2024 Thông báo đánh giá của Trường đối với giáo viên	- Từ năm 2021 đến năm 2024 - Số 128/TB- THCSTHC ngày 15/8/2020 - Số 89/TB- THCSTHC ngày 5/6/2021 - Số 138/TB- THCSTHC ngày 10/6/2022 - Số 152/TB- THCSTHC ngày 19/6/2023 - Số 116/TB- THCSTHC ngày 12/6/2024	Văn thư	
	4	[H2-2.2-03]	Kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh	- Số 08/KH-THCS THC ngày 07/01/2020 - Số 51/KH-THCS THC ngày 06/04/2021 - Số 56/KH-THCS THC ngày 28/02/2022 - Số 84/KH-THCS THC ngày 03/05/2023 - Số 54/KH-THCS THC ngày 28/03/2023 - Số 85/KH-THCS THC ngày 15/05/2024	Phó hiệu trưởng	
	5	[H2-2.2-04]	Quyết định phân công giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia nghiên cứu Khoa học kỹ thuật	- Số 253/QĐ- THCSTHC ngày 13/10/2020 - Số 151/QĐ- THCSTHC ngày 16/12/2021 - Số 162/QĐ- THCSTHC ngày 12/10/2023	Văn thư	
	6	[H2-2.2-05]	Quyết định công nhận đề tài, sáng kiến đạt cấp huyện từ năm 2021 đến 2024	- Số 107/ QĐ- UBND.TĐKT ngày 29/06/2021 - Số 108/ QĐ- UBND.TĐKT ngày 18/07/2022 - Số 135/ QĐ- UBND.TĐKT ngày 30/08/2023	Văn thư	
Tiêu chí	1	[H1-1.7-02]	Bảng phân công chuyên môn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
2.3				Năm học 2023 - 2024		
	2	[H2-2.3-01]	Quy chế làm việc của trường phân công nhiệm vụ giáo viên, nhân viên	- Số 235/QĐ- THCSTHC ngày 3/10/2020 - Số 174/QĐ- THCSTHC ngày 20/10/2022 - Số 150/QĐ- THCSTHC ngày 2/10/2023	Văn thư	
	3	[H2-2.3-02]	Biên bản họp của Hội đồng thi đua khen thưởng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023 - 2024	Văn thư	
	4	[H2-2.3-03]	Thông báo đánh giá của Trường đối với nhân viên	- Số 128/TB- THCSTHC ngày 15/8/2020 - Số 89/TB- THCSTHC ngày 5/6/2021 - Số 138/TB- THCSTHC ngày 10/6/2022 - Số 152/TB- THCSTHC ngày 19/6/2023 - Số 116/TB- THCSTHC ngày 12/6/2024	Văn thư	
	5	[H2-2.3-04]	Danh sách nhân viên có thông tin về trình độ đào tạo	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023 - 2024	Hồ sơ viên chức	
	6	[H2-2.3-05]	Công văn, văn bản triệu tập nhân viên tham dự bồi dưỡng, tập huấn	Năm học 2018-2019 Năm học 2022-2023	Văn thư	
Tiêu chí 2.4	1	[H1-1.5-01]	Sổ đăng bộ	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	
	2	[H1-1.5-05]	Sổ gọi tên ghi điểm	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
	3	[H1-1.5-04]	Sổ chủ nhiệm	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		
	3	[H2-2.4-01]	Kế hoạch tuần lễ sinh hoạt học đường Hình ảnh tổ chức tuần lễ sinh hoạt học đường Biên bản xử lý học sinh vi phạm	- Số 156/KH-THCSTHC ngày 25/08/2020 - Số 228/KH-THCSTHC ngày 24/08/2022 - Số 187/KH-THCSTHC ngày 24/08/2023 - BB xử lý học sinh Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024	Tổng phụ trách Đội	
	4	[H2-2.4-02]	Hình ảnh học sinh tham gia TĐTT, VHVN. Danh sách học sinh được trợ cấp (HTCPHT, miễn giảm học phí, hỗ trợ BHYT,...)	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023 - 2024 - Số 37/TTr-THCSTHC ngày 12/4/2021 - Số 194/TTr-THCSTHC ngày 21/5/2022 - Số 273/ĐN-THCSTHC ngày 16/11/2023	Kế toán, Phó hiệu trưởng	
	5	[H2-2.4-03]	Biên bản xử lý học sinh vi phạm, bản kiểm điểm Hồ sơ Tổng phụ trách Đội (Sổ theo dõi hoạt động cờ đỏ)	- BB xử lý học sinh Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024 - Hồ sơ đội năm học 2021-2022 đến năm học 2023 - 2024	Tổng phụ trách Đội	
	6	[H2-2.4-04]	Quyết định khen thưởng học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện	- Số 274 /QĐ-PGD ngày 31/12/2019 -Số 132/QĐ-THCSTHC ngày 11/7/2020 Số 264/QĐ-THCSTHC ngày 13/10/2020 - Số 308/QĐ-THCSTHC ngày 18/11/2020 - Số 328 /QĐ-THCSTHC ngày 03/12/2020 - Số 170/QĐ-PGDĐT ngày 4/12/2020 - Số 338/QĐ-PGDĐT ngày 9/12/2020 - Số 60 /QĐ-THCSTHC ngày 21/5/2021 -Số 60/QĐ THCSTHC ngày 21/05/2021 - Số 79 /QĐ-THCSTHC ngày 16/05/2022	Tổng phụ trách Đội	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Số 87 /QĐ-THCSTHC ngày 08/06/2022 - Số 149 /QĐ-THCSTHC ngày 30/09/2022 - Số 185 /QĐ-THCSTHC ngày 11/11/2022 - Số 68 /QĐ-THCSTHC ngày 20/05/2023 - Số 265 /QĐ-THCSTHC ngày 8/11/2023 - Số 118 /QĐ-PGD ngày 12/11/2023 - Số 199 /QĐ-THCSTHC ngày 14/12/2023 - Số 532 /QĐ-SGDĐT ngày 26/04/2024 - Số 685 /QĐ-SGDĐT ngày 24/05/2024 - Số 104 /QĐ-THCSTHC ngày 28/05/2024 - Số 285 /QĐ-THCSTHC ngày 07/06/2024 		
	7	[H2-2.4-05]	Hình ảnh học sinh ủng hộ kinh phí giúp đỡ bạn khó khăn	Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Tổng phụ trách Đội	
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - Quyết định phê duyệt quy hoạch mở rộng mặt bằng xây dựng trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số 10667QSĐĐ/A2, ngày 17 tháng 4 năm 1997. - Quyết định Số 202/QĐ-UBND.XDCB, ngày 12 tháng 6 năm 2008 của UBND huyện Tân Hồng về việc Phê duyệt quy hoạch mở rộng mặt bằng xây dựng Trường THCS Tân Hộ Cơ 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND tỉnh Đồng Tháp - UBND huyện Tân Hồng 	
	2	[H3-3.1-02]	<ul style="list-style-type: none"> - Sơ đồ tổng thể nhà trường - Hình ảnh khuôn viên cây xanh; - Hình ảnh cây xanh trồng trong trường học - Hợp đồng chăm sóc cây xanh 	Năm học 2023 - 2024	Nhóm công tác 3	
	3	[H3-3.1-03]	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng phân công trực vệ sinh hàng tuần của các lớp - Hình ảnh trực tuần của các lớp; hình ảnh bố trí khu vực các thùng rác - Hợp đồng thuê tạp vụ 	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 9/2023 - Trong năm học 2023-2024 	<ul style="list-style-type: none"> - PHT Nguyễn Thị Kim Phương - Nhóm công tác 3 	

	4	[H3-3.1-04]	Giấy khen trường đạt chuẩn Xanh-sạch-đẹp năm 2015	Số 450/QĐ-SGDĐT ngày 20 tháng 4 năm 2015	Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp	
	5	[H3-3.1-05]	- Các hình ảnh cổng trường, biển tên trường, hàng rào; - Quyết định phê duyệt xây dựng trường	- Trong năm học 2023-2024 - Quyết định số 76/QĐ-UBND.XDCB ngày 26 tháng 5 năm 2010 của UBND huyện Tân Hồng về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Trường trung học cơ sở Tân Hộ Cơ; hạng mục: khối phòng học bộ môn, khu hiệu bộ, cổng, hàng rào, nhà vệ sinh, nhà xe, rãnh thoát nước, cột cờ, bồn hoa và sân đá. - Báo cáo phương án kiến trúc và tổng mặt bằng trường THCS Tân Hộ Cơ, ngày 28 tháng 8 năm 2020	- Nhóm công tác 3 - UBND huyện Tân Hồng - Nhà thầu xây dựng trường	
	6	[H3-3.1-06]	Hình ảnh khu sân chơi cho học sinh	- Trong năm học 2023-2024	- Nhóm công tác 3	
	7	[H3-3.1-07]	Hình ảnh khu bãi tập các môn thể thao (hồ nhảy xa, sân bóng chuyền, sân cầu lông)	- Trong năm học 2023-2024	- Nhóm công tác 3	
	8	[H3-3.1-08]	Hình ảnh các thiết bị luyện tập (bàn đập, xà nhảy cao, sân cầu lông, cột bóng rổ)	- Trong năm học 2023-2024	- Nhóm công tác 3	
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	- Hình ảnh các phòng học và các trang thiết bị, vật chất trong phòng học. - Hình ảnh đường đi lên phòng học cho học sinh khuyết tật.	- Trong năm học 2023-2024	- Nhóm công tác 3	
	2	[H3-3.2-02]	- Hình ảnh các phòng bộ môn và cơ sở vật chất trong phòng	- Trong năm học 2023-2024	- Nhóm công tác 3	
	3	[H3-3.2-03]	- Hình ảnh các phòng phục vụ học tập (Thư viện, thiết bị, tư vấn, Đoàn Đội, truyền thống)	- Trong năm học 2023-2024	- Nhóm công tác 3	

	4	[H3-3.2-04]	Hồ sơ thiết kế xây dựng trường	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 76/QĐ-UBND.XDCB ngày 26 tháng 5 năm 2010 của UBND huyện Tân Hồng về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Trường trung học cơ sở Tân Hộ Cơ; hạng mục: khối phòng học bộ môn, khu hiệu bộ, cổng, hàng rào, nhà vệ sinh, nhà xe, rãnh thoát nước, cột cờ, bồn hoa và sân đá. - Báo cáo phương án kiến trúc và tổng mặt bằng trường THCS Tân Hộ Cơ, ngày 28 tháng 8 năm 2020 	UBND huyện Tân Hồng	
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	- Hình ảnh khối phòng hành chính – quản trị (Phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng,...)	- Trong năm học 2023-2024	- Nhóm công tác 3	
	2	[H3-3.3-02]	- Hình ảnh nhà xe giáo viên, nhà xe học sinh	- Trong năm học 2023-2024	- Nhóm công tác 3	
	3	[H3-3.3-03]	<ul style="list-style-type: none"> - Các Kế hoạch/đề nghị mua sắm, sửa chữa, bổ sung thiết bị trường học. - Hợp đồng/ hóa đơn/ Biên bản nghiệm thu sửa chữa, bảo trì máy móc 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch Số 113/KH-THCSTHC ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc sửa chữa, mua sắm bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ năm học 2023-2024. - Năm 2021; 2022; 2023 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu trưởng Ngô Trần Bảo Thy - Kế toán 	
	4	[H3-3.3-04]	Biên bản kiểm tra căn tin	- Năm học 2020-0201; 2022-2023; 2023-2024	Y tế trường học	
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	<ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh khu nhà vệ sinh học sinh, giáo viên. - Hợp đồng thuê tạp vụ 	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 2024 - Năm học 2020-0201; 2022-2023; 2023-2024 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm công tác 3 - Kế toán 	
	2	[H3-3.4-02]	Hình ảnh cống thoát nước	- Năm 2024	- Nhóm công tác 3	
	3	[H3-3.4-03]	<ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh hệ thống máy bơm nước; - Hóa đơn mua nước uống đóng bình/chai của cơ sở nước uống Lập-Huệ; 	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 2024 - Năm 2022 - Năm 2022, 2023, 2024 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm công tác 3 - Kế toán - Y tế trường học 	

			- Hình ảnh máy lọc nước sạch, máy nước nóng lạnh.	- Năm 2024	- Nhóm công tác 3	
	4	[H3-3.4-04]	- Hình ảnh bố trí thùng rác ở các khu vực xung quanh trường; - Hóa đơn thu tiền rác.	- Trong năm học 2023-2024 - Năm 2022; 2023; 2024	- Nhóm công tác 3 - Kế toán	
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Hình ảnh thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ hoạt động của nhà trường: máy tính, máy in, tủ hồ sơ văn phòng trường, bàn làm việc,...	- Trong năm học 2023-2024	- Nhóm công tác 3	
	2	[H3-3.5-02]	- Sổ quản lý thiết bị của trường - Danh mục cấp thiết bị dạy tối thiểu theo CTGDPT 2018	- Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2023-2024	- Hồ sơ lưu thiết bị	
	3	[H3-3.5-03]	- Kế hoạch kiểm kê thiết bị hàng năm - Biên bản kiểm kê thiết bị hàng năm của các tổ. - Kế hoạch sửa chữa, bổ sung thiết bị trường học. - Các hóa đơn sửa chữa, mua sắm thiết bị.	- Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024 - Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024 - Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024 - Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	- Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thị Kim Phương - Hồ sơ lưu thiết bị - Hiệu trưởng Ngô Trần bảo Thy - Kế toán	
	4	[H3-3.5-04]	- Hóa đơn/hợp đồng kết nối mạng Internet. - Hình ảnh máy tính được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hành chính, giảng dạy trong nhà trường	- Năm 2021; 2022; 2023; 2024 - Trong năm học 2023-2024	- Kế toán - Nhóm công tác 3	
	5	[H3-3.5-05]	- Hình ảnh giáo viên khai thác sử dụng thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.	- Trong năm học 2023-2024	- Nhóm công tác 3	
	6	[H3-3.5-06]	- Kế hoạch sử dụng thiết bị dạy học của giáo viên. - Hình ảnh giáo viên sử dụng máy tính kết nối tivi để dạy học - Quản lý việc mượn trả thiết bị dạy học của giáo viên trên phần mềm	- Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024 - Trong năm học 2023-2024 - Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2023-2024	- Hồ sơ lưu thiết bị - Nhóm công tác 3 - Phần mềm quản lý thiết bị	

			qltb.dongthap.gov.vn .			
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	- Danh mục các loại sách báo, tài liệu	- Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Thư viện	
	2	[H3-3.6-02]	Kế hoạch quyên góp sách, xây dựng tủ sách dùng chung.	- Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Thư viện	
	3	[H3-3.6-03]	- Lịch trực của nhân viên thư viện; - Hình ảnh hoạt động tại thư viện. - Hình ảnh thư viện xanh	- Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024 - Năm 2024	Thư viện - Nhóm công tác 3	
	4	[H3-3.6-04]	- Sổ theo dõi mượn, trả của GV, HS.	- Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Thư viện	
	5	[H3-3.6-05]	- Kế hoạch tổ chức các buổi tuyên truyền giới thiệu sách. - Hình ảnh giới thiệu sách dưới sân cờ	- Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024 - Năm 2023, 2024	Thư viện Nhóm công tác 3	
	6	[H3-3.6-06]	- Sổ quản lý bạn đọc.	- Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Thư viện	
	7	[H3-3.6-07]	- Kế hoạch kiểm kê, thanh lý tài liệu, sách, báo, tạp chí hàng năm của thư viện. - Biên bản xuất kho, nhập kho, kiểm kê, thanh lý hàng năm. - Hóa đơn mua sách, báo, tạp chí	- Năm học 2022-2023; 2023-2024 - Năm học 2022-2023; 2023-2024 - Năm học 2022-2023; 2023-2024	Thư viện	
Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Quyết định thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh.	-Quyết định số 567/QĐ-UBND, ngày 26/11/2021 -Quyết định số 147/QĐ-UBND, ngày 21/9/2022 -Quyết định số 153/QĐ-UBND, ngày 27/9/2023	Văn thư	
	2	[H4-4.1-02]	Kế hoạch hoạt động ban đại diện cha mẹ học sinh	-Kế hoạch số:251/KH-THCSTHC, ngày 16/9/2022. - Quy chế phối hợp năm học 2020-2021;	BĐDCMHS+ BGH	

				2021-2022		
	3	[H4-4.1-03]	Báo cáo của ban đại diện cha mẹ học sinh	Báo cáo năm học: 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	BĐDCMHS+BGH	
	4	[H4-4.1-04]	-Biên bản họp ban đại diện CMHS của trường năm học. -Biên bản họp ban đại diện CMHS của lớp.	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Cô Bích	
	5	[H4-4.01-05]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học.	- Báo cáo số: 242/BC-THCSTHC, ngày 11/11/2021 - Báo cáo số: 215/BC-THCSTHC, ngày 07/6/2021 - Báo cáo số: 98/BC-THCSTHC, ngày 20/5/2023 - Báo cáo số: 94/BC-THCSTHC, ngày 27/5/2024	Văn thư	

6	[H4-4.01-06]	Kế hoạch tuyên truyền phòng chống không vi phạm pháp luật, năm học 2023-2024	-Kế hoạch phối hợp số: 191/KHPH-THCSTHC, ngày 10/9/2021.	Văn thư	
7	[H4-4.01-07]	Bảng kí cam kết an toàn giao thông, năm học 2023-2024	-Kế hoạch số 90/KH-THCSTHC, ngày 10/5/2023. -Kế hoạch số 62/KH-THCSTHC, ngày 09/3/2022	Văn thư	
8	[H4-4.01-08]	Kế hoạch huy động học sinh	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Cô Phương	
	[H4-4.01-09]	Hình ảnh, danh sách học sinh nhận quà, Danh sách mạnh trường quân hỗ trợ gây quỹ	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	BGH	
1	[H4-4.2-01]	Kế hoạch năm học của nhà trường năm 2023-2024	- Kế hoạch số: 190/KH-THCSTHC, ngày 10/9/2021. - Kế hoạch số: 198/KH-THCSTHC, ngày 07/9/2023	Văn thư	2022-2023
2	[H4-4.2-02]	Kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và các tổ chức trong và ngoài nhà trường	-Tuyên truyền giáo dục An toàn giao thông trường học. Phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ. -Phòng ngừa bạo lực học đường.. - Phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em. - Phòng chống thanh thiếu niên vi phạm pháp luật giai đoạn 2021-2025. - Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống giai đoạn 2021-2030. - Phối hợp với trạm Y tế xã trong công tác chăm sóc sức khỏe cho học sinh và bảo vệ môi trường.	Văn thư, BGH	
	[H4-4.01-09]	Danh sách, hình ảnh hs nhận quà	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Thầy Nhe, Văn thư	

		[H1-1.01-01].	Chiến lược xây dựng nhà trường giai đoạn 2020 -2025, tầm nhìn 2030	Kế hoạch số 292/KH-THCSTHC, ngày 28/10/2020	Hiệu trưởng	
		[H4-4.2-03]	- Kế hoạch hàng năm của Liên đội - Hình ảnh hoạt động của Liên đội Hình ảnh chăm sóc bia tưởng niệm; Thẻ dực TT, văn nghệ	Chương trình Công tác đội số: 01/Ctr-LĐ, ngày 01/01/2022 Chương trình Công tác đội số: 01/Ctr-LĐ, ngày 09/09/2023	Thầy Nhe	
Tiêu chí 4.2	3	[H4-4.2-04]	Kế hoạch xây dựng thiết chế thể thao	Kế hoạch số 01/KHPH-CĐCS-BGH, ngày 25/3/2024.	Công đoàn	
	4	[H4-4.2-05]	Đăng kí và Chứng nhận “Đơn vị văn hóa”	- Thông báo công nhận số: 352/TB-UBND, NGÀY 13/12/2021- Thông báo công nhận số: 328/TB-UBND, NGÀY 16/12/2022	Công đoàn	
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Kế hoạch hoạt động chuyên môn của nhà trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	
	2	[H5-5.1-02]	Kế hoạch hoạt động GDNGLL; Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp, Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	
	3	[H5-5.1-03]	Kế hoạch giáo dục của giáo viên; Kế hoạch bài dạy (giáo án).	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	
	4	[H5-5.1-04]	Các đề kiểm tra thường xuyên, định kỳ	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổ trưởng	

				Năm học 2023-2024		
	5	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục của nhà trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	
	6	[H1-1.4-03]	Kế hoạch tổ chuyên môn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Tổ trưởng tổ chuyên môn	
	7	[H1-1.4-04]	Biên bản sinh hoạt tổ chuyên môn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Tổ trưởng tổ chuyên môn	
	8	[H5-5.1-05]	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa. Quyết định phân công giáo viên bồi dưỡng HSG	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	
	9	[H5-5.1-06]	Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu, kém	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	
	10	[H5-5.1-07]	Biên bản kiểm tra việc thực hiện chương trình của nhà trường với GV. Biên bản họp của Hội đồng sư phạm nhà trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó Hiệu trưởng Văn thư	
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Kế hoạch giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	
	2	[H5-5.2-02]	Danh sách phụ đạo học sinh yếu kém	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Tổ chuyên môn	
	3	[H5-5.2-03]	Biên bản họp tổ chuyên môn rà soát, đánh giá kết quả học tập	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Tổ trưởng tổ chuyên	

			và rèn luyện của học sinh theo định kì	Năm học 2023-2024	môn	
	4	[H1-1.1-02]	Báo cáo sơ, tổng kết của nhà trường Danh sách học sinh nghèo, khó khăn, năng khiếu kết quả học tập tốt hơn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Văn thư	
	5	[H5-5.2-04]	Quyết định, danh sách khen thưởng học sinh đạt giải các môn học	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Văn thư	
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Kế hoạch giảng dạy giáo dục địa phương.	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	
	2	[H5-5.3-02]	Bản phân công giáo viên giảng dạy nội dung giáo dục địa phương	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	
	3	[H5-5.3-03]	Đề kiểm tra (GDĐP)	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Giáo viên bộ môn	
	4	[H5-5.3-04]	Biên bản họp tổ chuyên môn rà soát, đánh giá chương trình giáo dục địa phương	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Tổ chuyên môn	
	5	[H5-5.3-05]	Kế hoạch bài dạy nội dung giáo dục địa phương; Hình ảnh HS tham gia hoạt động các nội dung giáo dục địa phương.	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Giáo viên bộ môn	
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục (Kế hoạch tổ chức hoạt động GDNGLL, giáo dục hướng nghiệp cho học sinh lớp 9)	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	

	2	[H5-5.4-02]	Kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh khối 9	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	
	3	[H5-5.4-03]	Hình ảnh hội thảo phân luồng học sinh lớp 9 sau TN THCS.	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	
	4	[H5-5.4-04]	Bản phân công dạy học hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp, giáo dục hướng nghiệp	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	
	5	[H5-5.4-05]	Hình ảnh học sinh tham gia các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	
	6	[H5-5.4-06]	Biên bản rà soát đánh giá dạy học hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và dạy học hướng nghiệp học sinh khối 9.	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	
	Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Văn thư
2		[H5-5.5-02]	Sổ sinh theo dõi quản lý và xử lý học sinh hàng ngày	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Tổng phụ trách Đội	
3		[H5-5.5-03]	Hình ảnh tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Tổng phụ trách Đội	
4		[H5-5.5-04]	Thông kê kết quả Hạnh kiểm 03 năm	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Văn thư	
5		[H5-5.5-05]	Quyết định phân công hướng dẫn học sinh, danh sách học sinh tham gia hội thi khoa học kỹ thuật, Ý tưởng khởi nghiệp.	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Văn Thư	

	6	[H5-5.5-06]	Quyết định, danh sách học sinh được khen thưởng hội thi KHKT, Ý tưởng khởi nghiệp, Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Văn Thu	
Tiêu chí 5.6	1	[H5-5.6-01]	Báo cáo kết quả học lực, hạnh kiểm hằng năm của nhà trường.	Năm học 2019-2020 đến Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	
	2	[H5-5.6-02]	Kết quả học sinh lên lớp	Năm học 2019-2020 đến Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	
	3	[H5-5.6-03]	Kết quả học sinh tốt nghiệp THCS	Năm học 2019-2020 đến Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	
	4	[H5-5.6-04]	Thống kê kết quả học sinh trúng tuyển lớp 10 và học nghề	Năm học 2019-2020 đến Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	
	5	[H5-5.6-05]	Thống kê học sinh bỏ học, lưu ban	Năm học 2019-2020 đến Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	

**PHỤ LỤC 2: THỐNG KÊ KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC
(05 năm)**

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC NĂM HỌC 2019-2020												
STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	6	238/93	40	21,63	98	39,9	94	33,17	06	5,28	0	0
2	7	182/82	34	16,07	79	42,26	65	38,09	04	3,58	0	0
3	8	139/70	28	25	61	45,13	47	27	03	2,87	0	0
4	9	144/59	25	21,64	56	48,50	63	26,86	00	3	0	0
T. trường		703/304	127	20,94	294	43,42	209	31,96	24	3,66	0	0
KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC NĂM HỌC 2020-2021												
STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	6	220/97	55	25,00	91	41,36	69	31,36	5	2,27	0	0,00
2	7	220/113	32	14,55	89	40,45	92	41,82	6	2,73	0	0,00
3	8	160/75	42	26,25	68	42,50	41	25,63	5	3,13	4	2,50
4	9	134/68	29	21,64	63	47,01	42	31,34	0	0,00	0	0,00
T. trường		734/353	158	21,53	311	42,37	244	33,24	16	2,18	4	0,54

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC NĂM HỌC 2021-2022												
STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Giỏi		Khá		Trung bình/Đạt		Yếu/Chưa đạt		Kém/Chưa đạt	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	6	180/94	42	23,33	65	36,11	68	37,78	5	2,78	0	0
2	7	205/93	56	27,32	96	46,83	47	22,93	5	2,44	1	0,49
3	8	206/108	68	33,01	100	48,54	33	16,02	5	2,43	0	0
4	9	146/73	77	52,74	54	36,99	15	10,27	0	0	0	0
T. trường		737/368	243	32,97	315	42,74	163	22,12	15	2,04	1	0,14

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC NĂM HỌC 2022-2023												
STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Giỏi		Khá		Trung bình/Đạt		Yếu/Chưa đạt		Kém/Chưa đạt	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	6	189/93	33	17,46%	87	46,03%	66	34,92%	3	1,59%	0	0%
2	7	164/84	46	20,05%	64	39,02%	51	31,1%	3	1,83%	0	0%
3	8	191/84	62	32,46%	98	51,31%	30	15,71%	1	0,52%	0	0%
4	9	190/98	75	39,47%	97	51,05%	18	9,47%	0	0%	0	0%
T. trường		734/359	216	29,43%	346	47,14%	165	22,48%	7	0,95%	0	0%

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC NĂM HỌC 2023-2024												
STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Giỏi		Khá		Trung bình/Đạt		Yếu/Chưa đạt		Kém/Chưa đạt	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	6	244/127	90	36,9%	96	39,3%	58	23,77%	0	0%	0	58
2	7	179/89	41	22,9%	55	30,7%	83	46,37%	1	0,56%	0	83
3	8	148/81	44	29,7%	58	39,2%	45	30,40%	1	0,68%	0	45
4	9	177/90	76	42,9%	69	39,0%	32	18,10%	0	0,0%	0	32
T. trường		748/377	251	33,56%	278	37,17%	215	28,74%	2	0,27%	0	215

**PHỤ LỤC 3: THỐNG KÊ KẾT QUẢ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM
(05 năm)**

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM NĂM HỌC 2019-2020												
STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Tốt		Khá		Trung bình		Yếu			
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ		
1	6	208/93	217	93,27	14	6,73	07	0,00	0	0,00		
2	7	168/82	150	77,38	23	21,43	09	2,58	0	0,00		
3	8	144/70	113	79,17	26	18,06	0	5,05	0	0,00		
4	9	134/59	141	79,10	03	20,90	0	0,00	0	0,00		
T. trường		703/304	621	83,18	66	15,90	16	0,92	0	0		

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM NĂM HỌC 2020-2021												
STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Tốt		Khá		Trung bình		Yếu			
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ		
1	6	220/97	200	90,91	19	8,64	1	0,45	0	0,00		
2	7	220/113	173	78,64	44	20,00	3	1,36	0	0,00		
3	8	160/75	142	88,75	13	8,13	2	1,25	3	1,88		
4	9	134/68	122	91,04	11	8,21	1	0,75	0	0,00		
T. trường		734/353	637	86,78	87	11,85	7	0,95	3	0,41		

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM NĂM HỌC 2021-2022												
STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Tốt		Khá		Trung bình (Đạt)		Yếu (Chưa đạt)			
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ		
1	6	180/94	154	85,56	26	14,44	0	0,00	0	0,00		
2	7	205/93	176	85,85	26	12,68	3	1,46	0	0,00		
3	8	206/108	177	85,92	27	13,11	2	0,97	0	0,00		
4	9	146/73	144	98,63%	2	1,37	0	0,00	0	0,00		
T. trường		737/368	651	88,33	81	10,99	5	0,68	0	0		

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM NĂM HỌC 2022-2023												
STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Tốt		Khá		Trung bình (Đạt)		Yếu (Chưa đạt)			
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ		
1	6	189/93	186	98,41%	3	1,59%	0	0%	0	0%		
2	7	164/84	139	84,76%	25	15,24%	0	0%	0	0%		
3	8	191/84	176	92,15%	13	6,8%	0	0%	0	0%		
4	9	190/98	186	97,89%	4	2,11%	0	0%	0	0%		
T. trường		734/359	687	93,6	45	6,13	0	0%	2	0,27%		

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM NĂM HỌC 2023 - 2024												
STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Tốt		Khá		Trung bình (Đạt)		Yếu (Chưa đạt)			
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ		
1	6	244/127	240	98,36%	4	1,6%	0	0,0%	0	0,0%		
2	7	179/89	158	88,27%	21	11,7%	0	0,0%	0	0,0%		
3	8	148/81	107	72,30%	37	25,0%	4	2,72%	0	0,0%		
4	9	177/90	173	97,74%	4	2,3%	0	0,0%	0	0,0%		
T. trường		748/377	678	90,64%	66	8,82%	4	0,53%	0	0,00%		

**PHỤ LỤC 4: THỐNG KÊ TỶ LỆ LÊN LỚP, LƯU BAN, BỎ HỌC, KẾT QUẢ THI HSG CÁC MÔN
(05 năm)**

I. TỶ LỆ LÊN LỚP, LƯU BAN, BỎ HỌC (TỶ LỆ %)

Khối	Lên lớp					Lưu ban					Bỏ học				
	2019 -	2020 -	2021 -	2022 -	2023 -	2019 -	2020 -	2021 -	2022 -	2023 -	2019 -	2020 -	2021 -	2022 -	2023 -
	2020	2021	2022	2023	2024	2020	2021	2022	2023	2024	2020	2021	2022	2023	2024
6	99,16	99,91	97,78	98,41	99,59	0,84	0,09	2,22	0,53	0,41	0,00	2,94	1,58	0,00	0,00
7	96,71	99,91	97,05	98,17	98,88	3,29	0,09	1,95	0,61	1,12	1,08	1,29	3,18	0,00	1,61
8	99,86	97,5	98,06	97,91	99,32	0,14	2,5	1,94	1,04	0,68	3,13	2,25	3,15	0,00	1,25
9	99,87	100	100	100	100	0,13	0,00	0,00	0,00	0,00	1,10	0,00	0,66	0,00	0,00
Tỷ lệ chung	98,3	98,91	98,37	98,64	99,33	1,7	1,09	1,63	0,54	0,53	2,05	1,79	2,30	0,00	0,65

II. SỐ LƯỢNG GIẢI CẤP HUYỆN

STT	Môn	Năm học 2019 – 2020				Năm học 2020 – 2021				Năm học 2021 – 2022				Năm học 2022 – 2023				Năm học 2023 – 2024			
		I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK
Các môn văn hóa																					
1	Toán	1		1					2	1											1
2	Vật lý			1	1	1	1		2			1				1					1
3	Hóa học			1				1				1									3

STT	Môn	Năm học 2019 – 2020				Năm học 2020 – 2021				Năm học 2021 – 2022				Năm học 2022 – 2023				Năm học 2023 – 2024			
		I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK
4	Sinh học		1	1	1							1				1				3	
5	Tin học	1	2						1	1										1	
6	Ngữ văn			1	2				2			3				1		1		2	
7	Lịch sử	1	1		2			1	2							1			1		
8	Địa lí				1				2		1		2	1		2		1	3	3	
9	Tiếng Anh				1				2			2		1		2		1			
Cộng		3	4	5	8	1	1	2	13	2	1	2	8	1	1	1	7		3	4	14
Giải khác																					
1	GVDG																				04 GV
2	HKPĐ	3	2			2	3	3						1 (B)				1 giải Nhất; 8 HCV	6 HCB	2 giải II; 10 HCD	Giải II toàn đoàn
3	VHCT, HBTA				2			1	1					2	1	1		3		1	
4	KHKT, STEM			1	1				1			2	2				3				4
5	IOE, Tin học trẻ												1								
6	VYOLIMPIC																				
7	STTTNND		0	1	1								2				1				
8	TNTH																				
9	Đại sứ học đường																				1
10	Văn nghệ, kể																		1		

STT	Môn	Năm học 2019 – 2020				Năm học 2020 – 2021				Năm học 2021 – 2022				Năm học 2022 – 2023				Năm học 2023 – 2024			
		I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK
	chuyện,...2																				
11	YTKN																				4
12	VTCD																				
13	Lồng đèn đẹp						1	1								1					
14	Vẽ tranh																				
15	Văn hóa đọc													1	1(B)	1 (C)			1	1	
16	Chỉ huy Đội giỏi														1		2				
Cộng		3	2	2	4	2	4	5	2			2	5	3	4	3	6				
Tổng cộng		6	6	7	12	3	5	7	15	2	1	4	13	4	5	4	13				

II. SỐ LƯỢNG GIẢI CẤP TỈNH

STT	Môn	Năm học 2019 – 2020				Năm học 2020 – 2021				Năm học 2021 – 2022				Năm học 2022 – 2023				Năm học 2023 – 2024			
		I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK
Các môn văn hóa																					
1	Toán																				
2	Vật lý																1				
3	Hóa học																				
4	Sinh học																	1			
5	Tin học																				

STT	Môn	Năm học 2019 – 2020				Năm học 2020 – 2021				Năm học 2021 – 2022				Năm học 2022 – 2023				Năm học 2023 – 2024			
		I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK
6	Ngữ văn												1								
7	Lịch sử																				
8	Địa lí												2		1						1
9	Tiếng Anh																				1
Cộng													3		1	1	1				2
Giải khác																					
1	GVDG																				02 GV
2	HKPD														2 (HCB)						
3	TNTH																				
4	HBTA																			2	2
5	KHKT									1	1										
6	STTTNND																				
7	Ý tưởng KN				1				1	1	1							1		1	2
8	Vẽ tranh											1					1				
9	Chỉ huy Đội giỏi														1		2				
Cộng					1					2	2	1		3	1	3	1			3	6
Tổng cộng					1			1		2	2	4		4	1	4	1			3	8